

THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

(Số tháng 12/2023)

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

02. Một số văn bản của các Bộ, ngành

ĐIỂM TIN

05. Tiêu chuẩn đèn LED mới chuyên để chiếu sáng trong vườn ươm
06. Đắc Nông ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch
07. Những điểm mới sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình
08. Thép không gỉ trước khi lưu thông phải có thành phần hóa học phù hợp theo quy chuẩn Quốc gia
09. Tiêu chuẩn hóa pin lưu trữ năng lượng tái tạo
10. Các sản phẩm mới được bổ sung trong QCVN 16:2023/BXD như thế nào?
11. Sơn tường dạng nhũ tương phải đạt quy chuẩn khi lưu thông trên thị trường
13. Tiêu chuẩn Quốc tế nâng cao tính an toàn và thiết kế hệ thống sinh trắc học
14. Ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp – Dây dẫn tín hiệu nổ
15. Quy chuẩn mới giúp kiểm soát chất lượng gỗ công nghiệp
16. Tiêu chuẩn Halal – “chìa khóa” mở ra thị trường Halal cho doanh nghiệp Việt
17. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn Quốc gia và quy chuẩn về truy xuất nguồn gốc
19. Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn đối với trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật
20. Thiết lập tiêu chuẩn bảo vệ dữ liệu quan trọng khỏi các cuộc tấn công của Ransomware
21. Tiêu chuẩn hỗ trợ đánh giá địa hình Cát-xơ
22. Tiêu chuẩn hỗ trợ hệ thống quản lý AI
22. ASTM đề xuất tiêu chuẩn hỗ trợ việc phân loại các phụ tùng ô tô sử dụng AM
23. Tiêu chuẩn hỗ trợ xây dựng thể hệ lưu trữ năng lượng sạch tiếp theo
24. Lấy ý kiến về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn đối với thiết bị thể dục dụng cụ
26. Hệ thống quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp
28. Thiết lập tiêu chuẩn an toàn cho đồ chơi trẻ em trong mọi lứa tuổi
29. Tiêu chuẩn Quốc tế đánh giá sự phù hợp cho chất bán dẫn
30. ISO/IEC 42001-Tiêu chuẩn hệ thống quản lý AI đầu tiên trên thế giới
31. Tiêu chuẩn ISO giúp đối phó với biến đổi khí hậu
32. Nền kinh tế tuần hoàn: Xây dựng niềm tin thông qua đánh giá sự phù hợp
33. Phát triển đội ngũ chuyên gia năng suất Quốc gia qua cá khóa đào tạo
35. Ngói đất sét nung bắt buộc chứng nhận theo QCVN 16:2023/BXD trước khi lưu thông trên thị trường
36. Sản xuất dăm gỗ theo TCVN 13655-4:2023 đảm bảo chất lượng, độ bền cao
37. Quy định tiêu chuẩn kỹ thuật kho tiền và xe chở tiền của tổ chức tín dụng
38. Tiêu chuẩn được đề xuất để hỗ trợ các sản phẩm liên quan đến môn thể thao Airsoft

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

39. Các tiêu chuẩn mới ban hành trong tháng 12/2023

❖ **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Ngày 13/12/2023 Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư số 36/2023/TT-BGTVT Ban hành Sửa đổi 01:2023 QCVN 109:2021/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải mức 5 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới.

Theo đó các trường hợp không phải thử nghiệm lại khí thải bao gồm:

a) Các kiểu loại xe ô tô hoặc động cơ xe ô tô đã được cấp Báo cáo thử nghiệm khí thải phù hợp với QCVN 109:2021/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải mức 5 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới;

b) Các xe ô tô được sản xuất tại Việt Nam từ xe ô tô cơ sở (từ xe ô tô sát xi hoặc từ xe ô tô hoàn chỉnh) đã được cấp phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (xe sản xuất, lắp ráp trong nước) hoặc được chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập

khẩu (xe nhập khẩu).

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2024./.

❖ **BỘ CÔNG THƯƠNG**

Ngày 21/12/2023, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành nhiều Thông tư về các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vật liệu nổ, thuốc nổ, kíp nổ:

(1) Thông tư 26/2023/TT-BCT ban hành QCVN 12-14:2023/BCT về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - kíp nổ điện vi sai an toàn.

(2) Thông tư 27/2023/TT-BCT ban hành QCVN 12-15:2023/BCT về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - dây dẫn tín hiệu nổ.

(3) Thông tư 28/2023/TT-BCT ban hành QCVN 12-16:2023/BCT về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - thuốc nổ nhũ tương tạo biên dùng cho lộ thiên và mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí nổ.

(4) Thông tư 29/2023/TT-BCT ban hành



QCVN 12-17:2023/BCT về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - thuốc nổ Octogen (HMX).

(5) Thông tư 30/2023/TT-BCT ban hành QCVN 12-18:2023/BCT về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - thuốc nổ Pentrit.

(6) Thông tư 31/2023/TT-BCT ban hành QCVN 12-19:2023/BCT về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - kíp nổ điện tử.

(7) Thông tư 32/2023/TT-BCT ban hành QCVN 12-20:2023/BCT về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - kíp nổ vi sai phi điện xuống lỗ.

(8) Thông tư 33/2023/TT-BCT ban hành QCVN 12-21:2023/BCT về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - kíp nổ vi sai phi điện trên mặt dùng cho lộ thiên, mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí bụi.

(9) Thông tư 34/2023/TT-BCT ban hành QCVN 12-22:2023/BCT về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - kíp nổ vi sai phi điện dùng cho mỏ hầm lò/đường hầm không có khí bụi nổ.

(10) Thông tư 35/2023/TT-BCT ban hành QCVN 21:2023/BCT về an toàn đối với cáp điện phòng nổ sử dụng trong mỏ hầm lò.

(11) Thông tư 36/2023/TT-BCT ban hành QCVN 22:2023/BCT về an toàn đối với động cơ điện phòng nổ sử dụng trong mỏ hầm lò.

Các QCVN kèm theo các Thông tư trên đều có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024./.

❖ **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

• **Quyết định ban hành Tiêu chuẩn Quốc gia**

Quyết định số 2310/QĐ-BKHCN (16/10/2023):

1. TCVN 13861:2023, Gối chỏm cầu - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử

Quyết định số 2361/QĐ-BKHCN (19/10/2023):

1. TCVN 13726-1:2023, An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V xoay chiều và 1500 V một chiều – Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ – Phần 1: Yêu cầu chung

2. TCVN 13726-2:2023, An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V xoay chiều và 1500 V một chiều – Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ – Phần 2: Điện trở cách điện

3. TCVN 13726-3:2023, An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V xoay chiều và 1500 V một chiều – Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ

– Phần 3: Trở kháng mạch vòng

4. TCVN 13726-4:2023, An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V xoay chiều và 1500 V một chiều – Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ – Phần 4: Điện trở của mối nối đất và liên kết đẳng thế

5. TCVN 13726-5:2023, An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ



áp đến 1000 V xoay chiều và 1500 V một chiều
 – Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ – Phần 5: Điện trở tiếp đất
 6. TCVN 13726-6:2023, An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V xoay chiều và 1500 V một chiều – Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ – Phần 6: Tính hiệu quả của thiết bị dòng dư (RCD) trong hệ thống TT, TN và IT
 7. TCVN 13726-7:2023, An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1000 V xoay chiều và 1500 V một chiều – Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ – Phần 7: Thứ tự pha

Quyết định số 2510/QĐ-BKHCN (01/10/2023)

1. TCVN 13724-0:2023, Cụm đóng cắt và điều khiển hạ áp. Phần 0: Hướng dẫn quy định cụm lắp ráp
 2. TCVN 13724-1:2023, Cụm đóng cắt và điều khiển hạ áp. Phần 1: Quy tắc chung
 3. TCVN 13724-2:2023, Cụm đóng cắt và điều khiển hạ áp. Phần 2: Cụm đóng cắt và điều khiển nguồn điện lực
 4. TCVN 13724-5:2023, Cụm đóng cắt và điều khiển hạ áp. Phần 5: Cụm lắp ráp dùng cho mạng phân phối trong lưới điện công cộng
 5. TCVN 13725:2023, Vỏ tủ điện dùng cho cụm đóng cắt và điều khiển hạ áp. Yêu cầu chung

Quyết định số 2563/QĐ-BKHCN (13/11/2023):

1. TCVN 8710-5:2023, Bệnh thủy sản - quy trình chẩn đoán - Phần 5: Hội chứng Taura ở tôm
 2. TCVN 8710-8:2023, Bệnh thủy sản - Quy trình chẩn đoán - Phần 8: Bệnh hoại tử cơ ở tôm (IMNV)
 3. TCVN 8710-26:2023, Bệnh thủy sản - Quy trình chẩn đoán - Phần 26: Bệnh hoại tử cơ quan tạo máu do EHN ở cá
 4. TCVN 8710-27:2023, Bệnh thủy sản - Quy trình chẩn đoán - Phần 27: Bệnh do virus Tilapia lake (TiLV) ở cá rô phi
 5. TCVN 8710-28:2023, Bệnh thủy sản - Quy trình chẩn đoán - Phần 28: Bệnh do RSIV ở cá biển

Quyết định số 2567/QĐ-BKHCN 13/11/2023):

1. TCVN 13875:2023, Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm - Định lượng nhanh Escherichia coli và coliform bằng phương pháp sử dụng đĩa Compact Dry EC
 2. TCVN 13876:2023, Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm - Định lượng nhanh nấm men và nấm mốc bằng phương pháp sử dụng đĩa Compact Dry YMR

Quyết định số 2569/QĐ-BKHCN (13/11/2023):

1. TCVN 13904-1:2023, Phúc lợi động vật - Vận chuyển - Phần 1: Trâu, bò
 2. TCVN 13905-1:2023, Phúc lợi động vật - Giết mổ - Phần 1: Gia súc

Quyết định số 2743/QĐ-BKHCN (27/11/2023):

1. TCVN 13657-2:2023, Phòng cháy chữa cháy. Hệ thống chữa cháy phun sương áp suất cao. Phần 2: Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
 2. TCVN 13926:2023, Phòng cháy chữa cháy. Hệ thống chữa cháy đóng gói (PACKAGE)
 3. TCVN 13927:2023, Phòng cháy chữa cháy. Phương tiện bảo vệ cá nhân. Dây cứu nạn, cứu hộ có độ giãn thấp
 4. TCVN 7568-29:2023, Hệ thống báo cháy. Phần 29: Đầu báo cháy video

• Quyết định hủy bỏ Tiêu chuẩn Quốc gia

Quyết định số 2562/QĐ-BKHCN (13/11/2023)

1. TCVN 8710-5:2011, Bệnh thủy sản - quy trình chẩn đoán - Phần 5: bệnh Taura ở tôm he
 2. TCVN 8710-8:2012, Bệnh thủy sản - Quy trình chẩn đoán - Phần 8: Bệnh hoại tử cơ ở tôm
 3. TCVN 8400-14:2011, Bệnh động vật - quy trình chẩn đoán - Phần 14: Bệnh tụ huyết trùng ở trâu bò
 4. TCVN 8400-31:2015, Bệnh động vật - Quy trình chẩn đoán - Phần 31: Bệnh tụ huyết trùng gia cầm./.

TIÊU CHUẨN ĐÈN LED MỚI CHUYÊN ĐỂ CHIẾU SÁNG TRONG VƯỜN ƯƠM

Cây trồng trong nông nghiệp có đặc điểm là hấp thụ được một dải ánh sáng trong khoảng; nhất định chứ không hấp thụ được toàn bộ ánh sáng. Nên việc sử dụng đèn led chiếu sáng cho các loại cây nông nghiệp sẽ giúp các loại; cây trồng hấp thụ được nhiều ánh sáng hơn.



LED có đặc điểm là phát ra dải sáng hẹp nên tùy theo loại cây trồng cần hấp thụ dải sáng nào sẽ dùng; loại bóng LED có dải sáng thích hợp để giảm chi phí tiêu thụ năng lượng và giảm; chi phí đầu tư, tăng hiệu suất canh tác tránh lãng phí. Hệ thống chiếu sáng cung cấp ánh sáng cho cây quang hợp; sử dụng ánh sáng nhân tạo để cây sinh trưởng.

Đèn led chiếu sáng có đặc điểm chiếu sáng rất tốt, đem lại nguồn năng lượng và ánh sáng cao; đèn LED tạo sự quang hợp giúp cây trồng phát triển mạnh. Do vậy, chúng rất có ích trong việc cải thiện năng suất cây trồng một cách tự nhiên; mà không cần phải sử dụng thêm các loại thuốc kích thích hay phân bón hóa học gì.

Có rất nhiều ứng dụng của đèn led đã được đưa vào sử dụng trong nông nghiệp. Chẳng hạn như đèn led chiếu sáng được đưa vào để thúc đẩy sản xuất cây xà lách. Ánh sáng

đỏ của đèn led tác động mạnh mẽ đến sự tăng trưởng; của cây rau diếp(rau xà lách).

Mới đây, tổ chức IEC đã công bố một tiêu chuẩn mới bao gồm đèn LED dùng cho chiếu sáng làm vườn.

Điốt phát sáng (LED) ngày càng được sử dụng nhiều để chiếu sáng làm vườn và là một

trong những tính năng của canh tác theo chiều dọc. Đèn LED tỏa nhiệt ít hơn đáng kể so với các hình thức chiếu sáng khác, cho phép chúng được lắp đặt chặt chẽ trong các hệ thống lắp đặt thẳng đứng mà không gây hại cho cây trồng. Đèn trồng cây LED cụ thể đã được phát triển để có thể tạo ra quang phổ ánh

sáng chính xác cần thiết cho quá trình quang hợp diễn ra trong điều kiện tối ưu. Những đèn này có thể tái tạo và thậm chí cải thiện các đặc tính của ánh sáng mặt trời. Đèn LED có thể được tinh chỉnh để phù hợp với các giai đoạn phát triển khác nhau của thực vật, từ ra hoa đến phát triển quả, cải thiện hương vị cũng như hàm lượng vitamin và chất chống oxy hóa.

Tiêu chuẩn mới, IEC 63403-2 , là một phần trong bộ tiêu chuẩn IEC 63403, được xuất bản với tiêu đề chung là Chiếu sáng làm vườn – Đèn LED dành riêng cho mục đích chiếu sáng làm vườn. Tiêu chuẩn này quy định phương pháp đóng gói cho các gói đèn LED dùng để chiếu sáng làm vườn.

Theo Diễn đàn chiếu sáng toàn cầu , việc tạo thùng đèn LED là một quá trình phân loại đèn LED theo các tiêu chí cụ thể như màu sắc, công suất phát quang và đôi khi là điện áp chuyển tiếp (lượng điện áp cần thiết để bật

đèn LED). Sự thay đổi trong quá trình sản xuất từ sản xuất tấm bán dẫn và tăng trưởng tinh thể đến đóng gói linh kiện chắc chắn sẽ dẫn đến những khác biệt nhỏ về cường độ và màu sắc của đèn LED ngay cả trong một lô sản xuất. Việc gộp giữ các biến thể về đặc tính hiệu suất của một nhóm đèn LED cụ thể trong tiêu chí chấp nhận đã xác định.

Liên quan đến tiêu chuẩn về các sản

phẩm đèn LED, trước đó, tổ chức IEC đã phát hành bộ tiêu chuẩn IEC 62722-2-1:2023 - Hiệu suất của đèn điện - Phần 2-1: Yêu cầu cụ thể - Bộ đèn LED. Theo đó, tiêu chuẩn IEC 62722-2-1:2023 quy định các yêu cầu về tính năng đối với đèn điện LED cùng với các phương pháp và điều kiện thử nghiệm. Tiêu chuẩn này áp dụng cho đèn điện LED dùng cho mục đích chiếu sáng thông thường./.

(Phạm Hòa)

ĐẮK NÔNG BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

Mới đây UBND tỉnh Đắk Nông vừa công bố Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Ký hiệu Quy chuẩn này là QCDP 01:2023/ĐNg.



Theo nhận định của UBND tỉnh Đắk Nông, nước sạch đóng vai trò vô cùng quan trọng trong cơ thể người, vì nước chiếm đến 70 - 80% trọng lượng cơ thể. Nước có khả năng cung cấp nguồn chất khoáng, vận chuyển chất dinh dưỡng cần thiết cho các tế bào, nuôi dưỡng tế bào trong mọi hoạt động trong cơ thể. Xác định nước sạch là nhu cầu thiết yếu

của người dân, những năm gần đây, ngành chức năng tỉnh Đắk Nông đã tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, cung cấp nước sinh hoạt, góp phần cải thiện đời sống, nâng cao sức khỏe cho người dân. Đặc biệt, việc ban hành Quy chuẩn sẽ càng góp phần không nhỏ giúp người dân tiếp cận với nguồn nước đảm bảo chất

lượng trong quá trình sinh hoạt.

Theo đó, Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, bán buôn, bán lẻ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh; các cơ quan quản lý

Nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch; các phòng thử nghiệm và tổ chức chứng nhận các thông số chất lượng nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Quy chuẩn này không áp dụng đối với nước uống trực tiếp tại vòi, nước đóng bình, đóng chai, nước khoáng thiên nhiên... Đối với các đơn vị cấp nước ngoài tỉnh thì không áp

dụng theo Quy chuẩn này mà áp dụng theo Quy chuẩn của địa phương nơi cơ sở đó hoạt động khai thác, sản xuất.

Quy định về kỹ thuật của Quy chuẩn này đầy đủ danh mục các thông số chất lượng nước sạch như: Colyform, Ecoli, Clo dư tự do, độ đục, màu sắc, mùi vị, pH... Tất cả các thông số chất lượng nước sạch phải được thực hiện tại phòng thử nghiệm, tổ chức chứng nhận được công nhận phù hợp với TCVN ISO/IEC 17025.

Các đơn vị cấp nước cho dưới 100.000 dân phải lấy ít nhất 3 mẫu nước sạch. Đơn vị cấp nước cho hơn 100.000 dân phải lấy ít nhất 4 mẫu nước sạch và cứ thêm 100.000 lấy thêm 1 mẫu. Vị trí lấy mẫu tại bể chứa đã xử lý của đơn vị cấp nước trước khi đưa vào mạng lưới đường ống phân phối. Phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm các thông số nước sạch áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Đơn vị cấp nước tại Đắk Nông phải tiến

hành đánh giá hợp quy theo các quy định của Bộ KH-CN. Sở Y tế phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này.

Liên quan tới việc đảm bảo nước sạch của người dân, ông Phan Thanh Sinh, Phó Chánh Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Nông cho biết, những năm qua, tỉnh Đắk Nông đã huy động nhiều nguồn lực, các chương trình, dự án để đầu tư các công trình cấp nước tập trung cho khu vực nông thôn. Đến hết năm 2022, tỉnh Đắk Nông đã có 92% hộ dân ở khu vực nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh. Hiện nay, Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông phấn đấu phủ 100%, đảm bảo toàn khu vực vùng nông thôn có nguồn nước hợp vệ sinh./.

(Hồng Vân)

NHỮNG ĐIỂM MỚI SỬA ĐỔI 1:2023 QCVN 06:2022/BXD VỀ AN TOÀN CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH

Mới đây, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư 09/2023/TT-BXD sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

Theo đó, kể từ 01/12/2023, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình sẽ thực hiện theo các nội dung được quy định tại QCVN 06:2022/BXD và sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD.

Hiện nay, Thông tư 06/2022/TT-BXD quy định, Nhà ở chung cư và nhà ở tập thể có chiều cao phòng cháy chữa cháy đến 150 m và không quá 3 tầng hầm; nhà ở riêng lẻ có chiều cao từ 7 tầng trở lên hoặc có nhiều hơn 1 tầng hầm đến 3 tầng hầm; nhà ở riêng lẻ kết hợp sản xuất, kinh doanh với diện tích sàn dành cho mục đích sản xuất, kinh doanh chiếm trên 30% tổng diện tích sàn.

Tuy nhiên từ ngày 01/12/2023, phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn PCCC đối với loại nhà kiểu trên sẽ được Thông tư 09/2023/TT-BXD sửa đổi thành: Chung cư và nhà ở tập thể có chiều cao PCCC không quá 150 m và không quá 3 tầng hầm; nhà ở riêng lẻ có kết hợp mục đích sử dụng khác và nhà ở riêng lẻ được chuyển đổi sang mục đích sử dụng khác có quy mô cao từ 07 tầng trở lên hoặc có chiều cao PCCC từ 25 m trở lên; Hoặc có khối tích từ 5 000 m³ trở lên; Hoặc có nhiều hơn 01 tầng hầm đến 03 tầng hầm.

Điều này làm rõ và xác định giới hạn tối đa một cách cụ thể hơn để dễ thực hiện và bắt buộc các chủ đầu tư của các chung cư, nhà ở tập thể không được phép xây quá 150m, đồng thời hạn chế tình trạng nhiều công trình vi phạm PCCC. Bên cạnh đó, việc kịp thời tách riêng đối tượng nhà ở riêng lẻ và nhà ở riêng

lễ kết hợp mục đích kinh doanh khác nhằm dễ dàng quản lý hơn trong công tác PCCC.



Thông tư mới sửa đổi, bổ sung cũng quy định một số quy định như sau, không được để xe cơ giới, không được bố trí kho hạng A, B, C tại tầng có lối thoát nạn ra ngoài nhà, trừ khi các khu vực này được ngăn cách theo quy định đối với trường hợp được bố trí một lối ra thoát nạn từ mỗi tầng có nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F1.2, F1.4, F2 (trừ hộp đêm, quán bar, phòng hát...), F3, F4.2, F4.3 và F4.4. Khoảng cách thoát nạn giới hạn cho phép trên mỗi tầng được đo dọc theo tâm đường

thoát nạn, bắt đầu từ tâm của cửa các gian phòng hoặc từ chỗ xa nhất có thể có người trong phòng đến tâm của lối ra thoát nạn gần nhất của mỗi tầng.

Chiều rộng bản thang bộ dùng để thoát người không được nhỏ hơn chiều rộng tính toán hoặc chiều rộng của bất kỳ lối ra thoát nạn nào trên nó và không nhỏ hơn: 1,2m với nhà nhóm F1.1 có tổng số người thoát nạn qua thang này lớn hơn 15 người từ mỗi tầng; 1m với nhà nhóm F1.1 có tổng số người thoát nạn qua thang này từ 15 người trở xuống từ mỗi tầng; 1,2m với nhà có số người trên tầng bất kỳ, trừ tầng một, lớn hơn 200 người; 0,7m với nhà có chiều cao phòng cháy chữa cháy không quá 15m và tổng số người thoát nạn qua thang này từ mỗi tầng không quá 15 người; 0,9m đối với tất cả các trường hợp còn lại. Nếu không thể bảo đảm kích thước trên, có thể sử dụng tài liệu chuẩn để tính toán thoát nạn cho người và xác định kích thước cần thiết của bản thang, lối thoát nạn, đường thoát nạn căn cứ điều kiện cụ thể của công trình./.

(Nguyễn Nam)

THÉP KHÔNG GỈ TRƯỚC KHI LƯU THÔNG PHẢI CÓ THÀNH PHẦN HÓA HỌC PHÙ HỢP THEO QUY CHUẨN QUỐC GIA

Thép không gỉ chủ yếu được sử dụng làm đồ gia dụng trong gia đình, phục vụ trực tiếp cho các nhu cầu thiết yếu của người dân. Tuy nhiên nếu chất lượng thép không gỉ không đảm bảo chất lượng sẽ đem đến những thiệt hại lớn cho nền kinh tế, cho người sử dụng. Do đó, sản phẩm thép không gỉ trước khi lưu thông trên thị trường cần đảm bảo an toàn, chất lượng, thành phần hóa học phù hợp theo Quy chuẩn quốc gia sửa đổi 1:2021 QCVN 20:2019/BKHCN.

Ngày 01/11/2021, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ra Thông tư 09/2021/TT-BKHCN về Sửa đổi 1:2021 QCVN 20:2019/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép không gỉ. Quy chuẩn kỹ thuật này quy định mức giới hạn của

hàm lượng theo khối lượng các nguyên tố hóa học và các yêu cầu quản lý chất lượng đối với thép không gỉ sản xuất trong nước, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường.

Theo đó, thép không gỉ sản xuất trong nước, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường được đánh giá phù hợp theo Quy chuẩn kỹ thuật này phải có thành phần hóa học phù hợp với yêu cầu của mác thép trong tiêu chuẩn công bố áp dụng, nhưng phải đảm bảo hàm lượng crom không được thấp hơn 10,5 % (theo khối lượng) và hàm lượng cacbon không được lớn hơn 1,2 % (theo khối lượng).

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 20:2019/BKHCN và Sửa đổi 1:2021 QCVN 20:2019/BKHCN cũng yêu cầu việc ghi nhãn hàng hóa phải thực hiện theo quy định tại



Nghị định số 43/2017/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan về nhãn hàng hóa. Nhãn của thép không gỉ phải được ghi một cách rõ ràng, dễ đọc, không thể tẩy xóa bằng tay, được ghi/gắn/buộc trên bó, cuộn, tấm, thanh, ống.

Thép không gỉ nhập khẩu vào Việt Nam phải thực hiện việc ghi nhãn theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và các văn bản pháp luật liên quan về nhãn hàng hóa. Thép không gỉ lưu thông tại Việt Nam, nhãn hàng hóa bắt buộc thể hiện các nội dung sau bằng tiếng Việt: Tên hàng hóa; Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa; Xuất xứ hàng hóa. Trường hợp không xác định được xuất xứ thì ghi nơi thực hiện công đoạn cuối cùng để hoàn thiện

hàng hóa theo quy định pháp luật về nhãn hàng hóa.

Thép không gỉ sản xuất trong nước phải được công bố hợp quy phù hợp quy định tại Điều 2 của Quy chuẩn kỹ thuật này, phải được gắn dấu hợp quy (dấu CR) và có nhãn phù hợp với quy định tại Điều 3 của Quy chuẩn kỹ thuật này trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường. Việc công bố hợp quy thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố

hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật.

Thép không gỉ nhập khẩu phải được kiểm tra nhà nước về chất lượng phù hợp với quy định tại Điều 2, phải được gắn dấu hợp quy (dấu CR) và có nhãn phù hợp với quy định tại Điều 3 của Quy chuẩn kỹ thuật này trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường. Việc kiểm tra chất lượng và miễn kiểm tra chất lượng sản phẩm thép không gỉ nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa./.

(Phạm Hòa)

TIÊU CHUẨN HÓA PIN LƯU TRỮ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Pin lithium-ion là một trong những lựa chọn được ưa chuộng để lưu trữ năng lượng tái tạo. Chúng được nhiều người coi là một trong những giải pháp chính để thay thế những sản phẩm sử dụng năng lượng gió và mặt trời.

Các công ty điện lực trên khắp thế giới đã tăng cường khả năng lưu trữ bằng cách sử dụng pin li-ion siêu lớn, những gói khổng lồ có thể lưu trữ từ 100 đến 800 megawatt (MW)

năng lượng. Cơ sở lưu trữ năng lượng Moss Landing có trụ sở tại California được cho là cơ sở lưu trữ năng lượng lớn nhất thế giới với tổng công suất 750 MW/3 000 MWh.

Giá pin li-ion đã giảm mạnh trong vài năm qua và chúng có thể lưu trữ lượng năng lượng ngày càng lớn hơn. Tuy nhiên, nhược điểm của việc sử dụng pin li-ion để lưu trữ năng lượng là rất nhiều và hiệu suất của tế bào pin li-ion suy giảm theo thời gian, hạn chế khả

năng lưu trữ của chúng. Các vấn đề và mối lo ngại cũng đã được đặt ra liên quan đến việc tái chế pin khi chúng không còn đáp ứng được khả năng lưu trữ cũng như về nguồn cung cấp lithium và coban cần thiết.

Cuối cùng, li-ion là chất dễ cháy và một số lượng lớn các nhà máy lưu trữ năng lượng bằng pin li-ion ở Hàn Quốc đã bốc cháy từ năm



2017 đến năm 2019. Trong khi nguyên nhân là đã xác định, đặc biệt là thực hành lắp đặt kém, thiếu nhận thức về các rủi ro liên quan đến li-ion, bao gồm cả hiện tượng thoát nhiệt. Đã đến lúc cần xây dựng một tiêu chuẩn cho loại pin li-ion và đánh giá sự phù hợp của sản phẩm

Tế bào Li-ion được tiêu chuẩn hóa bởi tổ chức IEC TC 21, cơ quan đã xuất bản IEC 62660, đối với các ứng dụng trên lưới điện, với năng lượng đầu vào từ các công viên năng

lượng mặt trời và gió lớn. “Các tiêu chuẩn tập trung vào đặc tính thích hợp của hiệu suất pin, cho dù nó được sử dụng để cung cấp năng lượng cho tủ lạnh bảo quản vắc xin ở vùng nhiệt đới hay ngăn chặn tình trạng mất điện trên lưới điện trên toàn quốc. Những tiêu chuẩn này phần lớn là bất khả tri về mặt hóa học. Chúng cho phép các nhà lập kế hoạch tiện ích hoặc khách hàng cuối so sánh táo tợn với táo, ngay cả khi có liên quan đến các thành phần hóa học pin khác nhau,” chuyên gia Herbert Giess của TC 21 mô tả. IEC 61427-2, quy định các yêu cầu chung và phương pháp thử nghiệm đối với các ứng dụng không nối lưới và điện do mô-đun quang điện tạo ra. Thứ hai, IEC 61427-1 về pin li-ion thứ cấp để tạo lực đẩy cho xe điện. TC 21 cũng công bố các tiêu chuẩn về hệ thống lưu trữ năng lượng tái tạo.

Tiêu chuẩn đầu tiên IEC TC 120 được thiết lập đặc biệt để công bố các tiêu chuẩn trong lĩnh vực hệ thống lưu trữ năng lượng điện tích hợp lưới (EES) nhằm hỗ trợ các yêu cầu về lưới điện. Hệ thống EES là một hệ thống tích hợp với các bộ phận, có thể là pin đã được tiêu chuẩn hóa. TC đang nghiên cứu một tiêu chuẩn mới, IEC 62933-5-4, tiêu chuẩn này sẽ chỉ rõ các phương pháp và quy trình kiểm tra an toàn cho các hệ thống chạy bằng pin li-ion để lưu trữ năng lượng./.

(Yến Hoa)

CÁC SẢN PHẨM MỚI ĐƯỢC BỔ SUNG TRONG QCVN 16:2023/BXD NHƯ THẾ NÀO?

QCVN 16:2023/BXD được ban hành thay thế QCVN16:2019/BXD đã bổ sung nhiều sản phẩm mới vào danh mục nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm cũng như sự an toàn của người sử dụng.

Đối tượng áp dụng theo QCVN 16:2023/BXD

Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng vật liệu, sản phẩm xây dựng. Các tổ chức thử nghiệm và chứng nhận sự phù hợp đánh giá, chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, vật liệu xây dựng. Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về chất lượng sản phẩm, vật liệu xây dựng.



Quy chuẩn này quy định các giới hạn về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng liệt kê tại Bảng 1 Phần 2 thuộc nhóm 2 theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi tắt là sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng) hàng hóa) được sản xuất trong nước, nhập khẩu, mua bán, lưu thông trên thị trường và sử dụng trong các công trình xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

Quy định này không áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa VLXD nhập khẩu dưới dạng mẫu quảng cáo không có giá trị sử dụng; hàng mẫu phục vụ nghiên cứu; mẫu sản phẩm để thử nghiệm; hàng tạm nhập để trưng bày, giới thiệu tại hội chợ, triển lãm; hàng tạm nhập tái xuất chưa tiêu thụ, sử dụng tại Việt Nam; Hàng hóa trao đổi của cư dân biên giới, quà biếu, quà tặng trong định mức thuế; hàng hóa quá cảnh, trung chuyển, chuyển tải; Hàng hóa phục vụ yêu cầu cấp bách theo chỉ đạo của Chính phủ và hàng hóa chuyên dùng phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2023/BXD có hiệu lực từ ngày 01/01/2024 thay thế Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2019/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa, vật tư ban hành kèm theo Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Lưu ý các sản phẩm hàng hoá mới được bổ sung trong QCVN 16:2023/BXD

So với QCVN 16:2019/BXD thì QCVN 16:2023/BXD bổ sung thêm danh mục sản phẩm hàng hoá cần phải chứng nhận hợp quy một số sản phẩm mới như sau:

- Gạch bê tông tự chèn
- Vật liệu lợp như: Ngói đất sét nung, ngói gốm tráng men, ngói bê tông, ngói xi măng cát
- Thiết bị vệ sinh như: Chậu rửa, bồn cầu nam nữ
- Vật liệu dán tường dạng cuộn - giấy dán tường hoàn thiện, vật liệu dán tường vinyl và vật liệu dán tường bằng chất dẻo
- Ván gỗ nhân tạo như: Ván sợi, ván dăm, ván ghép từ thanh dày và ván ghép từ thanh trung bình
- Ống và phụ tùng bằng gang dẻo dùng cho công trình nước
- Ống và phụ tùng dùng trong lắp đặt dây dẫn điện trong nhà
- Hệ thống thang cáp và máng cáp bằng sắt hoặc thép sử dụng trong lắp đặt điện của công trình./.

(Phạm Hòa)

SƠN TƯỜNG DẠNG NHŨ TƯƠNG PHẢI ĐẠT QUY CHUẨN KHI LƯU THÔNG TRÊN THỊ TRƯỜNG

Sơn tường dạng nhũ tương thuộc nhóm hàng hóa, sản phẩm vật liệu xây dựng được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vật liệu xây dựng, QCVN 16:2019/BXD.

Sơn tường dạng nhũ tương là loại sơn phân tán hoặc hòa tan trong nước dùng để hoàn thiện, bảo quản và tô điểm cho các công trình xây dựng. Sơn tường dạng nhũ tương hay còn gọi là

sơn phủ được sử dụng như một lớp sơn hoàn thiện để bảo vệ và tô điểm cho các bức tường bên trong và bên mặt tường.

Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vật liệu xây dựng, QCVN 16:2019/BXD, được Bộ Xây dựng ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2019 và chính thức thay thế 16:2017/BXD ngày 01 tháng 7 năm 20217, sơn tường dạng nhũ tương thuộc nhóm hàng hóa, sản phẩm vật liệu xây dựng thứ hai (sản phẩm, hàng hóa trong điều kiện vận chuyển, cất giữ, bảo quản, sử dụng hợp lý, đúng mục đích vẫn tiềm ẩn nguy cơ gây hại cho người, động, thực vật, tài sản, môi trường). Và các mặt hàng vật liệu xây dựng, hàng hóa nhóm 2 phải có giấy chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy hoặc thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy khi lưu thông trên thị trường theo QCVN 16: 2019/BXD với Sở Xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Xác định màu sắc: Thử nghiệm sơn tường giúp xác định màu sắc chính xác của sản phẩm, giúp tránh lỗi trong quá trình sử dụng.

Đánh giá độ bền: Thử nghiệm sơn tường giúp đánh giá độ bền của sản phẩm, giúp xác định sự phù hợp của sản phẩm với môi trường sử dụng.

Đánh giá khả năng chống thấm: Thử nghiệm sơn tường giúp đánh giá khả năng chống thấm của sản phẩm, giúp đảm bảo sự an toàn trong quá trình sử dụng.

Chỉ tiêu thí nghiệm sơn tường dạng nhũ tương

Quy định về kỹ thuật

Trạng thái sơn trong thùng chứa: Khi tác động cụ thể như khuấy sơn sẽ đồng nhất, không có cục vón cứng

Ngoại quan màng sơn: Không có biểu hiện khác thường trên bề mặt màng sơn

TT	Tên sản phẩm	Chỉ tiêu kỹ thuật	Mức yêu cầu	Phương pháp thử	
4	1. Độ bền của lớp sơn phủ theo phép thử cắt ô, loại, không lớn hơn, (áp dụng cho sơn phủ nội thất và sơn phủ ngoại thất)		1	TCVN 2097:2015	Lấy mẫu theo TCVN 2090:2015 với mẫu gộp tối thiểu là 2 lít
	2. Độ rửa trôi, chu kỳ, không nhỏ hơn:			TCVN 8653-4:2012	
	- Sơn phủ nội thất		100		
	- Sơn phủ ngoại thất		1200		
	3. Chu kỳ nóng lạnh sơn phủ ngoại thất, chu kỳ, không nhỏ hơn		50	TCVN 8653-5:2012	

Theo yêu cầu của QCVN 16: 2019/BXD, sơn tường dạng nhũ tương thuộc nhóm “vật liệu xây dựng khác”. Do đó, chứng nhận hợp quy sơn tường dạng nhũ tương là điều bắt buộc trước khi sản phẩm được lưu thông trên thị trường.

Lợi ích thử nghiệm sơn tường dạng nhũ tương

Thử nghiệm sơn tường dạng nhũ tương có nhiều lợi ích cho quá trình sản xuất, bán hàng và sử dụng sản phẩm như:

Kiểm tra chất lượng: Thử nghiệm sơn tường giúp đảm bảo rằng sản phẩm đã được sản xuất theo tiêu chuẩn và có đủ chất lượng để sử dụng trong công trình.

Phương pháp đánh giá kết quả

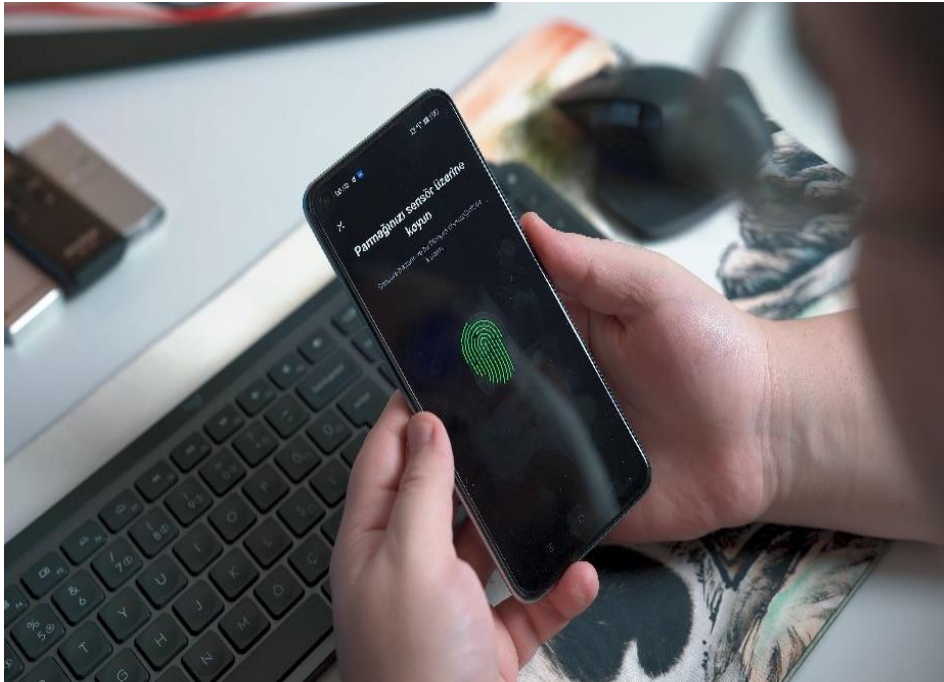
Kết quả được dựa trên mức độ phân hoá, cấp độ phân hoá của màng sơn được kiểm tra theo TCVN 12005-6; tình trạng bong tróc, phồng rộp, rạn nứt và thay đổi màu sắc của sơn. Dưới phương pháp trực quan tiến hành kiểm tra được ngoại quan của màng sơn; Mức độ thay đổi thì quan sát bằng cách so sánh bề mặt mẫu khi chiếu xạ tia UV trong 240h với bề mặt tấm mẫu thử không chiếu xạ tia UV (mẫu đối chứng).

Mẫu sơn đạt yêu cầu khi độ phân hoá dưới cấp độ 1, không có hiện tượng bong tróc, rạn nứt và thay đổi màu sắc không đáng kể khi so sánh với mẫu đối chứng./.

(An Hạ)

TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ NÂNG CAO TÍNH AN TOÀN VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG SINH TRẮC HỌC

Sinh trắc học là phép đo các đặc điểm của con người được sử dụng trong hệ thống công nghệ để nhận dạng cá nhân một cách khá chính xác và không xâm lấn.



Mắt, lòng bàn tay, DNA và giọng nói thường được sử dụng làm thông tin nhận dạng sinh trắc học trong nhiều môi trường khác nhau, bao gồm cả sân bay và ứng dụng ngân hàng, với các hành vi và phản ứng như chuyển động của chuột cũng được sử dụng như một phương tiện để nhận dạng con người.

Ngay cả động vật cũng có đặc điểm sinh trắc, ví dụ như: Sọc ngựa vằn, hoa văn mạch máu ở tai loài gặm nhấm, vân mõm, hoa văn cánh dơi, nhận dạng khuôn mặt linh trưởng và đốm koala đều đã được thử nghiệm dưới dạng phương pháp nhận dạng.

Nhưng để tận dụng tối đa lợi ích của sinh trắc học và cho phép sự phát triển của nó phát triển mạnh mẽ, cần phải có các biện pháp bảo vệ để giảm thiểu rủi ro lạm dụng dữ liệu và cải thiện niềm tin tổng thể.

Tiêu chuẩn ISO/IEC 24714, Sinh trắc học – Các khía cạnh xã hội và thẩm quyền chéo của

sinh trắc học – Hướng dẫn chung được công bố để nhằm phục vụ những điều này và hơn thế nữa. Nó dựa trên báo cáo kỹ thuật ISO/IEC TR 24714-1:2008 và bao gồm việc bổ sung các nguyên tắc thiết kế cũng như các ví dụ về trường hợp sử dụng.

Tiêu chuẩn này đưa ra hướng dẫn về thiết kế hệ thống sử dụng công nghệ sinh trắc học, bao gồm các chuẩn mực xã hội và yêu cầu pháp lý ở nhiều cấp độ pháp lý khác nhau, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu của cá nhân, khả năng tiếp cận và khả năng sử dụng cũng như các khía cạnh sức khỏe và an toàn.

Biên tập viên của ISO/IEC 24714, ông Fred Preston cho biết có rất nhiều khía cạnh mà các nhà thiết kế và phát triển hệ thống sinh trắc học cần tính đến để đảm bảo chúng an toàn, có thể truy cập và phù hợp với mục đích đã định.

“Quyền riêng tư là một trong những vấn đề lớn nhất và phức tạp nhất mà ngành sinh trắc học phải đối mặt, vì một mặt nó đòi hỏi ít thông tin cá nhân hơn như địa chỉ hoặc lịch sử gia đình, nhưng dữ liệu được thu thập lại được liên kết trực tiếp hơn với chủ đề và cũng như vậy đối với cuộc sống”.

“Bằng cách xem xét tất cả các khía cạnh về quyền riêng tư, an toàn, luật pháp địa phương, kỳ vọng của xã hội và khả năng tiếp cận, khả năng công nghệ được chấp nhận và tin cậy cuối cùng sẽ được cải thiện. Điều này lần lượt giúp tăng hiệu suất của nó và cho phép công nghệ phát triển và phát triển.”./.

(Hong Anh)

BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN SẢN PHẨM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP - DÂY DẪN TÍN HIỆU NỔ

Bộ Công thương ban hành Thông tư số 27/2023/TT-BCT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - dây dẫn tín hiệu nổ (QCVN 12 - 15:2023/BCT). Quy chuẩn này thay thế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dây dẫn tín hiệu nổ số QCVN 06:2012/BCT.



Quy chuẩn kỹ thuật này quy định chỉ tiêu kỹ thuật, phương pháp thử và quy định quản lý đối với dây dẫn tín hiệu nổ có mã HS 3603.50.00. Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan tới dây dẫn tín hiệu nổ trên lãnh thổ Việt Nam và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Về quy định quản lý, dây dẫn tín hiệu nổ phải công bố hợp quy phù hợp quy định kỹ thuật tại Điều 5 của Quy chuẩn kỹ thuật này, gắn dấu hợp quy (dấu CR) và ghi nhãn hàng hóa trước khi lưu thông trên thị trường; Dây dẫn tín hiệu nổ sản xuất trong nước, nhập khẩu phải thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một

số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra

chuyên ngành.

Về công bố hợp quy, việc công bố hợp quy dây dẫn tín hiệu nổ sản xuất trong nước, nhập khẩu phải dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được Bộ Công Thương chỉ định theo quy định tại Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương (sau đây viết tắt là Thông tư số 36/2019/TT-BCT) hoặc được thừa nhận theo quy định của Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc ký kết, thực hiện các Hiệp định và thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau

kết quả đánh giá sự phù hợp (sau đây viết tắt là Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN).

Về chứng nhận hợp quy, chứng nhận hợp quy đối với dây dẫn tín hiệu nổ sản xuất trong nước, nhập khẩu thực hiện theo phương thức 5 “Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường hoặc lô hàng nhập khẩu kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất” hoặc phương thức 7 “Thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hóa” tại cơ sở sản xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố



hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (sau đây viết tắt là Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN)./.

(Hà My)

QUY CHUẨN MỚI GIÚP KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG GỖ CÔNG NGHIỆP

Việc ban hành QCVN 16:2023/BXD giúp cơ quan quản lý, doanh nghiệp kiểm soát chặt chẽ chất lượng gỗ công nghiệp và bảo vệ người tiêu dùng.



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh đã ký ban hành Thông tư 04/2023/TT-BXD ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, mã số QCVN 16:2023/BXD. Theo đó, các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng quy định tại QCVN 16:2023/BXD được sản xuất trong nước, nhập khẩu trước khi lưu thông trên thị trường và sử

dụng vào các công trình xây dựng phải được chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy và thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của Sở Xây dựng nơi tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh.

Điểm mới của QCVN 16:2023/BXD là có một phần nội dung quy định về sản phẩm vật liệu gỗ công nghiệp. Trước đó, theo QCVN 16:2019/BXD, chỉ có 2 vật liệu liên quan đến nội thất là sơn tường dạng nhũ tương và tấm thạch cao. Nhưng đến phiên bản lần này (QCVN 16: 2023/BXD) đã bổ sung thêm sản phẩm gỗ công nghiệp. Vật liệu gỗ công nghiệp bao gồm: Gỗ ván sợi, gỗ ván dăm, ván ghép từ thanh dày và ván ghép từ thanh trung bình.

Theo Bộ Xây dựng, việc ban hành QCVN 16:2023 có bổ sung thêm một số sản phẩm (trong đó có vật liệu gỗ công nghiệp) nhằm bảo vệ sức khỏe người sử dụng. Cụ thể, quy chuẩn đã nêu rõ các ngưỡng về phát tán hàm lượng formaldehyt đối với các loại ván gỗ công nghiệp gồm ván sợi, ván dăm và ván thanh.

Cụ thể, hàm lượng formaldehyt phát tán đối với phân loại E1 không lớn hơn 0,124 mg/m³ hoặc không lớn hơn 9 mg/100g; còn đối với phân loại E2 thì hàm lượng formaldehyt lớn hơn 0,124 mg/m³ hoặc không lớn hơn 30 mg/100g. Tương tự, với sản phẩm gỗ công nghiệp ván dăm, hàm lượng formaldehyt phát tán không lớn hơn 0,124 mg/m³ hoặc 0,7 mg/l hoặc 8 mg/100g. Khi lưu thông trên thị trường, đối với sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước phải có giấy chứng nhận hợp quy. Đây là 2 tiêu chuẩn cơ bản nhất mà người tiêu dùng cần quan tâm khi lựa chọn các sản phẩm công nghiệp. Người dân có quyền đòi hỏi các sản phẩm phải có chứng từ đạt chuẩn E theo quy định để chủ động bảo vệ sức khỏe của chính mình và người thân.

Trường hợp không rõ chủng loại sản phẩm, hàng hóa, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải phối hợp với tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm để thực hiện việc định danh loại sản phẩm.

Bên cạnh đó, quy chuẩn mới với vật liệu gỗ công nghiệp cũng quy định về độ bền uốn, độ bền kéo, độ trương nở chiều dày khi ngâm nước của gỗ công nghiệp. Các ngưỡng này được ban hành đều hướng tới mục tiêu an toàn tối đa, bảo vệ sức khỏe người tiếp xúc với các vật liệu.

Quy chuẩn này không áp dụng cho sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng nhập khẩu dưới dạng mẫu hàng để quảng cáo không có giá trị sử dụng; hàng mẫu để nghiên cứu; mẫu hàng để thử nghiệm; hàng hóa tạm nhập khẩu để trưng bày, giới thiệu tại hội chợ triển lãm; hàng hóa tạm nhập - tái xuất, không tiêu thụ và sử dụng tại Việt Nam; hàng hóa trao đổi của cư dân biên giới, quà biếu, tặng trong định mức thuế; hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển; hàng hóa phục vụ yêu cầu khẩn cấp theo chỉ đạo của Chính phủ và hàng chuyên dụng phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh./.

(Anh Minh)

TIÊU CHUẨN HALAL – “CHÌA KHÓA” MỞ RA THỊ TRƯỜNG HALAL CHO DOANH NGHIỆP VIỆT

Việc nắm vững thông tin về các quy định, tiêu chuẩn của thị trường Halal là



chìa khóa quan trọng thúc đẩy việc đưa hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam gia nhập thị trường này ngày càng thuận lợi hơn.

Halal không còn đơn thuần là tiêu chuẩn dành riêng cho người theo đạo Hồi mà đang dần trở thành tiêu chuẩn mới về bảo đảm an toàn, vệ sinh và chất lượng sản phẩm. Hiện nay, ngày càng nhiều người tiêu dùng, quốc gia không theo đạo Hồi quan tâm và lựa chọn sử dụng các sản phẩm, dịch vụ Halal.

So với các nước trong khu vực, Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển ngành Halal với vị trí địa lý thuận lợi, có nhiều thế mạnh về nông nghiệp, thực phẩm, du lịch, dịch vụ...; thị trường rộng lớn và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện khi tham gia nhiều liên kết kinh tế hàng đầu khu vực, trong đó có các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Đặc biệt, Chính phủ Việt Nam quan tâm tới việc khai mở và hỗ trợ doanh nghiệp

Việt Nam tham gia hiệu quả vào thị trường Halal toàn cầu.

Hiện nay hệ thống TCVN về Halal có 5 TCVN, trong đó, 4 TCVN về thực phẩm bao gồm: TCVN 12944:2020 Thực phẩm halal – Yêu cầu chung; TCVN 13708:2023 Thực hành nông nghiệp tốt đối với cơ sở sản xuất Halal; TCVN 13709:2023 Thức ăn chăn nuôi Halal; TCVN 13710:2023 Thực phẩm halal – Yêu cầu đối với quá trình giết mổ động vật và 1 TCVN về tổ chức chứng nhận là TCVN 13888:2023 Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ Halal.

Các tiêu chuẩn được xây dựng trên cơ sở hài hòa với tiêu chuẩn phổ biến như: Tiêu chuẩn CODEX CXG 24-1997 General Guidelines for Use of the Term Halal, Tiêu chuẩn Malaysia MS 1500:2019 Halal Food – Yêu cầu chung, GSO 2215:2012, Thực hành nông nghiệp tốt (Tiêu chuẩn khu vực vùng Vịnh), UAE.S 2055 - 1:2015 sản phẩm Halal – Phần 1 – Yêu cầu chung đối với thực phẩm Halal (Tiêu chuẩn Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất).

Định hướng xây dựng TCVN về Halal

thực hiện xây dựng theo Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 14/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phê duyệt Đề án "Tăng cường hợp tác quốc tế để xây dựng và phát triển ngành Halal Việt Nam đến năm 2030"; Nghị quyết số 124/NQ-CP, ngày 07/08/2023 của Chính phủ tại phiên họp Chính phủ



thường kỳ tháng 7 năm 2023.

Trong đó giao Bộ KH&CN khẩn trương hoàn thiện bộ tiêu chuẩn quốc gia cho sản phẩm, dịch vụ Halal trên cơ sở hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, khu vực và nước nhập khẩu; Hệ thống tiêu chuẩn quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận thông tin, hiểu yêu cầu quy định đối với thị trường và sản phẩm, dịch vụ Halal./.

(Phạm Hòa)

XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VÀ QUY CHUẨN VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Việt Nam đặt mục tiêu xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tài liệu hướng dẫn chung về truy xuất nguồn gốc cho các đối tượng tham gia vào chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

Truy xuất nguồn gốc là hành động theo dõi, nhận diện và ghi lại thông tin về nguồn gốc, lịch sử, quá trình vận chuyển của một sản phẩm, đảm bảo tính an toàn, chất lượng, độ tin cậy của sản phẩm. Truy xuất là giải pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm hiệu quả, nhanh đảm

bảo mua hàng chính hãng và an toàn.

Một số nước trên thế giới đã áp dụng truy xuất thông tin sản phẩm như một quy định bắt buộc phải có, để đảm bảo nhận diện chất lượng sản phẩm và cơ sở sản xuất như: Liên minh Châu Âu, Anh, Hoa Kỳ, Ireland, Canada, Ấn Độ, Thái Lan...



Tại Việt Nam, theo Đề án Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Việt Nam sẽ xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính thống nhất trong quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc dược liệu, sản phẩm...; xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tài liệu hướng dẫn chung về truy xuất nguồn gốc cho các đối tượng tham gia vào chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ KH&CN chủ trì, xây dựng, ban hành tài liệu hướng dẫn áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc; thống nhất, chuẩn hóa hình thức, nội dung thẻ, tem, nhãn hoặc định dạng bằng một phương thức thích hợp để truy xuất nguồn gốc; cách thức quản lý việc áp dụng; mã truy vết; thông tin truy xuất nguồn gốc: thông tin về cơ sở sản xuất, chế biến; thông tin về nguồn gốc xuất xứ nguyên vật liệu; thông tin về an toàn, vệ sinh và chất lượng; yêu cầu, trách nhiệm đối với cơ sở sản xuất, gắn thẻ, tem, nhãn hoặc định dạng

bằng một phương thức thích hợp để truy xuất nguồn gốc, cũng như các bên liên quan.

Trong đó, xây dựng, triển khai, ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc thống nhất trong cả nước, đảm bảo đồng bộ, minh bạch; nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới để nâng cao hiệu quả hoạt động truy xuất nguồn gốc; thúc

đẩy hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực truy xuất nguồn gốc; thiết lập, xây dựng, vận hành Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia...

Mục tiêu từ nay đến năm 2025, Việt Nam sẽ hoàn thiện cơ bản hệ thống văn bản, quy định pháp luật về quản lý, triển khai áp dụng và xử lý vi phạm về truy xuất nguồn gốc; xây dựng tối thiểu 30 tiêu chuẩn quốc gia và 2 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về

truy xuất nguồn gốc, các tài liệu hướng dẫn áp dụng cho từng nhóm sản phẩm cụ thể.

Có ít nhất 30% doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sử dụng mã số, mã vạch tại Việt Nam có hệ thống truy xuất nguồn gốc áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, đảm bảo khả năng tương tác, trao đổi dữ liệu với các hệ thống truy xuất nguồn gốc của doanh nghiệp trong nước và quốc tế; đồng thời hoàn thiện nâng cấp Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa quốc gia, bảo đảm kết nối 100% hệ thống truy xuất nguồn gốc của các bộ, cơ quan liên quan và ít nhất 70% trong tổng số đơn vị cung cấp giải pháp tại Việt Nam.

Đến năm 2030, sẽ hoàn thiện Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa Quốc gia, bảo đảm nhu cầu trao đổi và khai thác thông tin của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế; hoàn thiện hệ thống quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu sản phẩm, hàng hóa trong nước và quốc tế./.

(Bảo Linh)

XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN ĐỐI VỚI TRANG THIẾT BỊ BẢO VỆ TRONG VÕ THUẬT

Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đang xin ý kiến Dự thảo Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật.



Về sự cần thiết ban hành quy chuẩn, theo Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, trong thi đấu thể thao, đặc biệt là các môn đối kháng như võ thuật rất dễ gặp chấn thương, con số dù không được thống kê cụ thể nhưng là vấn đề thường xuyên xảy ra đối với vận động viên (VĐV).

Nhiều VĐV trong thi đấu bị trật khớp cổ chân, trật - gãy khớp gối, lệch - trật khớp vai... hoặc những trường hợp trong thi đấu do dụng cụ bảo hộ kém chất lượng dẫn đến những trường hợp đáng tiếc dẫn đến thương tật vĩnh viễn, thương tổn bên trong hoặc ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống sau này của VĐV.... Một trong những nguyên nhân đó chính là do điều kiện thi đấu (trang thiết bị, dụng cụ bảo vệ) chưa tốt.

Ở Việt Nam có nhiều doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu trang thiết bị võ thuật. Tuy nhiên hầu hết đơn vị đều nhập khẩu sản phẩm trang thiết bị từ nước ngoài dựa trên quy chuẩn của các liên đoàn, hiệp hội theo từng môn cụ thể, dựa trên các trang thiết bị nước ngoài và sản xuất tại Việt Nam mà không hề có quy chuẩn quy định rõ ràng.

Do đó, đặt ra vấn đề cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý cần kiểm soát các vấn đề về

chất lượng, các cơ sở tập luyện và thi đấu thể thao yêu cầu về quản lý an toàn đối với trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Thêm vào đó, Nghị định số 78/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Điều 1 Khoản 7 sửa đổi, bổ sung khóa 1 Điều 23 phân công trách nhiệm xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành, đối với trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có nội dung liên quan đến trang thiết bị tập luyện, thi đấu thể dục thể thao.

Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao Điều 14 cơ sở vật chất, trang thiết bị quy định "Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao phải có cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành".

Để triển khai trách nhiệm đã được quy định tại Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ, cũng như đáp ứng nhu cầu kiểm soát chất lượng của các trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thì việc triển khai xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về an toàn đối với trang thiết bị bảo vệ trong võ thuật sử dụng cho các môn võ thuật không trang bị khí giới như: Taekwondo, Karate, Kick-boxing và các môn võ tương tự khác là cần thiết./.

(Phạm Hòa)

THIẾT LẬP TIÊU CHUẨN BẢO VỆ DỮ LIỆU QUAN TRỌNG KHỎI CÁC CUỘC TẤN CÔNG CỦA RANSOMWARE

Các cuộc tấn công bằng ransomware ngày càng trở nên phổ biến trong những năm gần đây, với các tổ chức thuộc mọi quy mô đều trở thành nạn nhân của các cuộc tấn công độc hại này. Trong báo cáo Thông tin chi tiết về Ransomware năm 2023, theo công ty Barracuda Networks tiết lộ rằng 73% tổ chức được khảo sát đã trải qua ít nhất một cuộc tấn công ransomware thành công vào năm 2022.



Ngoài ra, 38% cho biết họ đã bị đánh hai lần trở lên. Báo cáo đã khảo sát các chuyên gia CNTT cấp cao và tuyển đầu từ nhiều ngành công nghiệp trên khắp thế giới.

Đề đối phó với mối đe dọa ngày càng tăng này, nhiều tổ chức đang tìm cách triển khai các hệ thống quản lý bảo mật thông tin mạnh mẽ để giúp ngăn chặn hoặc giảm thiểu tác động của các cuộc tấn công này. Khung đáng tin cậy nhất là ISO/IEC 27001, một tiêu chuẩn được công nhận trên toàn cầu về quản lý bảo mật thông tin.

Việc triển khai tiêu chuẩn ISO/IEC 27001 cung cấp một cách tiếp cận có hệ thống để quản lý bảo mật thông tin. Nó giúp các tổ chức thiết lập văn hóa bảo mật và giảm thiểu nguy cơ bị tấn công bằng ransomware.

Tiêu chuẩn ISO/IEC 27001 bao gồm khung chính sách, thủ tục và biện pháp kiểm soát để quản lý rủi ro đối với tính bảo mật, tính toàn vẹn và tính sẵn có của thông tin. Nó cung cấp một bộ kiểm soát toàn diện có thể được điều chỉnh theo nhu cầu cụ thể của tổ chức và bao gồm phương pháp quản lý rủi ro có thể giúp tổ chức xác định và ưu tiên các rủi ro bảo mật thông tin của họ.

ISO/IEC 27001 bao gồm cả biện pháp kiểm soát kỹ thuật và phi kỹ thuật. Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật, chẳng hạn như tường lửa, hệ thống phát hiện xâm nhập và kiểm soát truy cập, giúp ngăn chặn việc truy cập trái phép vào mạng và dữ liệu.

Theo báo cáo của Informed Sauce, hơn 90% vi phạm là do quản lý bản vá kém. Vì đây là thành phần quan trọng của chiến lược bảo mật toàn diện nên ISO/IEC 27001 yêu cầu các tổ chức thiết lập quy trình quản lý bản vá mạnh mẽ để đảm bảo rằng các lỗ hổng liên quan đến các bản vá bị thiếu được xác định và giải quyết kịp thời.

Nhưng một cách tiếp cận bảo mật toàn diện không chỉ bao gồm việc triển khai công nghệ và quy trình phù hợp mà còn phải đảm bảo rằng mọi người hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ trong việc ngăn chặn các sự cố an ninh mạng. Quả thực, người lao động thường là mắt xích yếu nhất trong an ninh mạng.

Theo công ty Barracuda, 69% tổ chức được khảo sát báo cáo rằng cuộc tấn công ransomware của họ bắt đầu bằng một email độc hại, chẳng hạn như email lừa đảo được thiết kế để đánh cắp thông tin xác thực cho phép kẻ tấn công xâm nhập mạng.

Tiêu chuẩn ISO/IEC 27001 yêu cầu các tổ chức thiết lập các chính sách và thủ tục bảo mật thông tin, bao gồm cả những chính sách và thủ tục liên quan đến nâng cao nhận thức của nhân viên. Ví dụ, điều này có thể bao gồm việc đào tạo về cách nhận biết và tránh các email lừa đảo cũng như các chiến thuật kỹ thuật xã hội khác.

ISO/IEC 27001 cũng khuyến khích các tổ chức nên thường xuyên xem xét và cải thiện ISMS của mình để điều chỉnh biện pháp phòng vệ trước các mối đe dọa mạng ngày càng gia tăng, bao gồm cả các cuộc tấn công bằng ransomware. Đánh giá sự phù hợp của IECQ có thể mang lại sự đảm bảo bổ sung. ISO/IEC 27001 hiện là một phần của sơ đồ quy trình đã được phê duyệt nhằm đánh giá độc lập và cấp chứng chỉ IECQ quốc tế cho các tổ chức đã chứng minh được sự tuân thủ. ./.

(Anh Minh)

TIÊU CHUẨN HỖ TRỢ ĐÁNH GIÁ ĐỊA HÌNH CÁC -XTƠ

Địa hình Các-xtơ (Karst) là địa hình của các kiểu phân rã đặc trưng thông thường được đánh dấu bởi các hệ thống thoát nước theo hang động ngầm dưới đất. Đây là các khu vực mà ở đó nền đá có lớp bị hòa tan hoặc các lớp, thông thường (nhưng không phải luôn luôn) là đá carbonat chẳng hạn như đá vôi hay dolomit. Trong những chỗ như thế có rất ít hoặc thậm chí không có hệ thống thoát nước trên bề mặt. Ở Việt Nam, những khu vực có nhiều dạng địa hình phổ biến nhất là khu vực Đông Bắc và Bắc Trung Bộ. Các tỉnh có dạng địa hình cácxtơ độc đáo nhất là Hà Giang, Quảng Ninh, Quảng Bình.

Gần đây, Ủy ban tiêu chuẩn Quốc tế ASTM về đất và đá (D18) đã phát triển một tiêu chuẩn mới nhằm hỗ trợ các chuyên gia đánh giá địa hình Các-xtơ, ASTM D8512

Tiêu chuẩn mới này cung cấp một quy trình đánh giá Các-xtơ có thể hỗ trợ các chuyên gia thiết kế, người đánh giá quy hoạch, quan chức công trình công cộng và cơ quan quản lý có thẩm quyền đưa ra quyết định sáng suốt về việc quản lý và phát triển địa điểm.

Theo thành viên ASTM và trưởng nhóm

đặc nhiệm tiểu ban Karst, Robert Denton, tiêu chuẩn mới sẽ cho phép xác định rủi ro karst đối với sự phát triển thương mại, công nghiệp và dân cư và đánh giá xem các đặc điểm karst có ảnh hưởng đến những nỗ lực đó hay không. Tiêu chuẩn này cũng sẽ giúp các chuyên gia xác định xem có cần thực hiện các cuộc khảo sát theo dõi chi tiết hay không. Đây là thông lệ tiêu chuẩn đầu tiên được khởi xướng bởi Tiểu ban ASTM (D18-27) được thành lập vào năm 2020.

Ông Denton, nhà địa chất cao cấp thuộc Terracon Consultants Inc., cho biết: “Hầu hết mọi người đều quen thuộc với mối đe dọa do địa hình núi đá vôi, đặc biệt là hố sụt, do các phương tiện truyền thông đưa tin ngày càng nhiều về các sự cố cụ thể”. địa hình Các-xtơ đến cơ sở hạ tầng, bao gồm các tòa nhà, đường dây điện, đường ống và đường bộ.”

Denton lưu ý rằng tiêu chuẩn sắp được công bố sẽ giúp xác định tác động của núi đá vôi tại các địa điểm phát triển đối với sức khỏe con người và môi trường.

Nỗ lực này liên quan đến Mục tiêu phát triển bền vững số 6 của Liên hợp quốc về nước sạch và vệ sinh./.

(Hong Anh)



TIÊU CHUẨN HỖ TRỢ HỆ THỐNG QUẢN LÝ AI

Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) là một ngành thuộc lĩnh vực khoa học máy tính (Computer science). Là trí tuệ do con người lập trình tạo nên với mục tiêu giúp máy tính có thể tự động hóa các hành vi thông minh như con người. Cụ thể, trí tuệ nhân tạo giúp máy tính có được những trí tuệ của con người như: biết suy nghĩ và lập luận để giải quyết vấn đề, biết giao tiếp do hiểu ngôn ngữ, tiếng nói, biết học và tự thích nghi.



Ngày nay, AI đang nhanh chóng cách mạng hóa cộng đồng, văn hóa và nền kinh tế. Khi công nghệ phát triển, cũng cần có khung quản trị AI thống nhất. Đây là chìa khóa để khai thác toàn bộ tiềm năng của AI cho doanh nghiệp và xã hội, đồng thời đảm bảo sự phát triển có trách nhiệm, tạo dựng niềm tin cho các bên liên quan.

Được phát triển bởi cộng đồng tiêu chuẩn quốc tế, ISO/IEC 42001:2023 Công

nghệ thông tin - Trí tuệ nhân tạo - Tiêu chuẩn hệ thống quản lý, quy định cụ thể các yêu cầu và đưa ra hướng dẫn về việc thiết lập, triển khai, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý AI.

Tiêu chuẩn có thể áp dụng cho mọi tổ chức, bất kể quy mô, loại hình và tính chất, cung cấp hoặc sử dụng các sản phẩm hoặc dịch vụ sử dụng hệ thống AI, giúp họ phát triển hoặc sử dụng hệ thống AI một cách có trách nhiệm.

Những lợi ích chính của tiêu chuẩn bao gồm:

- Quản lý rủi ro
- Một tiêu chuẩn được công nhận trên toàn cầu
- Cách tiếp cận có hệ thống
- Triển khai AI có đạo đức
- Cải thiện việc ra quyết định và trách nhiệm giải trình

Tóm lại, các tiêu chuẩn AI có thể cung cấp các đường cơ sở rõ ràng giúp tăng độ tin cậy, tính minh bạch và độ tin cậy trong hệ thống AI đồng thời giảm thiểu rủi ro và lo ngại xung quanh sự thiên vị, công bằng, quyền riêng tư và trách nhiệm giải trình.

ISO/IEC 42001:2023 có thể là một công cụ mới mạnh mẽ để khai thác và quản lý các rủi ro cũng như tiềm năng của AI. Tiêu chuẩn này cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc điều phối bối cảnh quản trị AI ngày càng phức tạp thông qua việc tạo ra một môi trường hợp tác./.

(Hà My)

ASTM ĐỀ XUẤT TIÊU CHUẨN HỖ TRỢ VIỆC PHÂN LOẠI CÁC PHỤ TÙNG Ô TÔ SỬ DỤNG AM

Phụ tùng xe ô tô được hiểu là những thành phần, chi tiết của một chiếc xe ô tô đầy đủ. Nhưng được sản xuất rời rạc và không lắp ráp cố định, hoàn chỉnh với nhau.

Trong quá trình sử dụng xe, những phụ tùng này sẽ hoạt động mọi công suất, có thể bị hao mòn hoặc hỏng hóc sau thời gian dài. Vì vậy bạn cần phải sửa chữa hoặc chọn

mua phụ tùng mới để đảm bảo quá trình vận hành của xe cũng như đảm bảo xe di chuyển an toàn trên mọi chặng đường.



Hiện nay, ủy ban công nghệ sản xuất bồi đắp của ASTM Quốc tế (F42) đang phát triển một tiêu chuẩn đề xuất sẽ được sử dụng để phân loại các bộ phận trong ngành công nghiệp ô tô sử dụng AM (sản xuất bồi đắp) để sản xuất

các phụ tùng ô tô.

Chuck Nostedt, thành viên của ASTM, cho biết: “Tiêu chuẩn được đề xuất là bước đầu tiên trong việc cung cấp hệ thống phân loại linh kiện AM cho ngành công nghiệp ô tô”. “Tài liệu này là một bước hướng tới việc bổ sung các cấp/phân loại bộ phận trong tất cả các lĩnh vực vận tải.”

Số liệu cấp bộ phận được nêu chi tiết trong tiêu chuẩn đề xuất (WK87222) sẽ được sử dụng cho các quy trình kỹ thuật, mua sắm, kiểm tra không phá hủy, thử nghiệm và chứng nhận cần thiết cho các bộ phận ô tô. Sơ đồ phân loại sẽ thiết lập một phương pháp nhất quán để xác định và truyền đạt hậu quả của lỗi liên quan đến các bộ phận ô tô.

Nostedt cho biết: “Việc phân loại/cấp các bộ phận sản xuất bồi đắp là điều mới mẻ đối với lĩnh vực ô tô. Ô tô chỉ là một phần của ngành vận tải lớn hơn.”./.

(Phạm Hòa)

TIÊU CHUẨN HỖ TRỢ XÂY DỰNG THỂ HỆ LƯU TRỮ NĂNG LƯỢNG SẠCH TIẾP THEO

Trong thế giới phát triển nhanh ngày nay, lưu trữ năng lượng đã trở thành một khía cạnh quan trọng trong cuộc sống của

chúng ta. Với nhu cầu năng lượng ngày càng tăng và nhu cầu về một tương lai bền vững, các hệ thống lưu trữ năng lượng đã trở nên cần thiết để lưu trữ năng lượng dư thừa để sử dụng sau này



Chính vì thế, hiện nay ở Úc có rất nhiều công ty đang nghiên cứu và phát triển các giải pháp lưu trữ tiếp theo cho năng lượng tái tạo. Bằng cách khai thác sức mạnh của hydro làm phương tiện lưu trữ năng lượng.

Để nghiên cứu và phát triển lĩnh vực này, tiêu chuẩn Úc đóng một vai trò rất quan trọng, luôn đồng hành và hỗ trợ các công ty, doanh nghiệp ở Úc đẩy mạnh phát triển lĩnh

vực năng lượng tái tạo.

Ben McGruer, Giám đốc Kỹ thuật của Endua_ một công ty của Úc_cho biết “Nhóm kỹ sư của chúng tôi đang sử dụng Tiêu chuẩn Úc để giúp phát triển sản phẩm. Chúng tôi đang tiếp cận một loạt các tiêu chuẩn bao gồm các tiêu chuẩn về thủy lực, cơ khí và điện để giúp đảm bảo các hệ thống mà chúng tôi xây dựng an toàn và hoạt động như mong đợi”.

“Việc tuân thủ Tiêu chuẩn Úc không chỉ giúp Endua đáp ứng các quy định liên quan và thúc đẩy các biện pháp thực hành tốt nhất mà còn giúp xây dựng niềm tin của khách hàng — điều cần thiết trong một thị trường. Việc sở hữu những tiêu chuẩn mới nhất trong tầm tay có nghĩa là họ có thể luôn đi đầu trong lĩnh vực đang phát triển của mình.”./.

(Anh Đức)

LẤY Ý KIẾN VỀ DỰ THẢO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN ĐỐI VỚI THIẾT BỊ THỂ DỤC DỤNG CỤ

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang xin ý kiến Dự thảo Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với thiết bị thể dục dụng cụ (sau đây gọi tắt là Dự thảo) và lấy ý kiến các đối tượng chịu tác động.



Thể dục dụng cụ là môn thể thao hỗn hợp, phức tạp, bất kỳ động tác nào khi thực hiện đều phải đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về độ cao, độ xa, biên độ rộng và tốc độ tương đồng. Các vận động viên thể dục dụng cụ thành tích cao thường có kỹ năng, kỹ xảo vận động chuyên môn tốt và có khả năng thực hiện các động tác phức tạp, mạo hiểm. Vì là môn thể thao đòi hỏi sự chính xác, thăng bằng và kỹ thuật nên bất kỳ sai lệch nào so với thiết kế và cấu tạo thiết bị hợp tiêu chuẩn đều có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng.

Thiết bị không đạt tiêu chuẩn có thể bị hỏng, trục trặc hoặc không mang lại sự ổn

định cần thiết, dẫn đến té ngã và chấn thương cho người tập. Thiết bị không đạt tiêu chuẩn có thể không mang lại hiệu suất ổn định, khiến người tập thể dục gặp khó khăn trong việc phát triển và hoàn thiện kỹ năng của mình. Điều này có thể cản trở tiến độ tập luyện và thi đấu của họ. Khi sử dụng thiết bị không đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, chỉ cần một sai sót nhỏ cũng có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng. Những người mới tập thể dục cũng có thể gặp rủi ro, nhưng ở mức thấp hơn do họ có thể ít thực hiện các bài tập đòi hỏi độ khó cao.

Mức độ rủi ro phụ thuộc vào các yếu tố như loại thiết bị, mức độ sai lệch so với tiêu chuẩn, trình độ kỹ năng của vận động viên cũng như tần suất và điều kiện sử dụng. Để giảm thiểu rủi ro và đảm bảo an toàn cho người tập, điều quan trọng là các thiết bị thể dục dụng cụ phải tuân thủ tiêu chuẩn an toàn.

Hiện nay, đa số thiết bị thể dục phân phối trong nước được nhập ngoại từ các nhà sản xuất khác nhau. Một số doanh nghiệp sản xuất thiết bị xà đơn, xà kép, xà lệch, lưới bật, vòng treo, bàn nhảy chống; bục nhảy chống và cầu thăng bằng, lưới bật các loại... Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay không có sự phân loại các thiết bị dành cho đối tượng khác nhau, điều này gây mất an toàn cho những người sử dụng.

Về hệ thống tiêu chuẩn quốc gia đã công bố 09 TCVN yêu cầu về đặc tính kỹ thuật, về an

toàn và phương pháp thử gồm 08 phần liên quan đến thiết bị thể dục/thiết bị thể dục dụng cụ, sản phẩm thiết bị thể dục/thiết bị thể dục dụng cụ phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu an toàn chung và phương pháp thử và phần riêng của tiêu chuẩn có liên quan đến loại thiết bị thể dục/thiết bị thể dục dụng cụ. Cụ thể: TCVN 11771:2016 (ISO 378:1980) Thiết bị thể dục - Xà kép; TCVN 11772:2016 (ISO 379:1980) Thiết bị thể dục - Xà đơn; TCVN 12186:2017 (EN 915:2008) Thiết bị thể dục dụng cụ - Xà lệch - Yêu cầu và phương pháp thử; TCVN 12838:2019 Thiết bị thể dục - Bàn nhảy chống - Yêu cầu chức năng và yêu cầu an toàn, phương pháp thử; TCVN 12839:2019 Thiết bị thể dục - Cầu thăng bằng - Yêu cầu chức năng và yêu cầu an toàn, phương pháp thử; TCVN 12840:2019 Thiết bị thể dục - Vòng treo - Yêu cầu chức năng và yêu cầu an toàn, phương pháp thử; TCVN 13318:2021 (BS EN 913:2018) Thiết bị thể dục dụng cụ - Yêu cầu an toàn chung và phương pháp thử; TCVN 13319:2021 (BS EN 916:2003) Thiết bị thể dục dụng cụ - Bục nhảy chống - Yêu cầu an toàn chung và phương pháp thử; TCVN 13320:2021 (BS EN 13219:2008) Thiết bị thể dục dụng cụ - Lưới bật - Yêu cầu về chức năng và an toàn chung, phương pháp thử.

Trong các giải thi đấu mang tính khu vực và quốc tế, hầu hết trang thiết bị được quy định trong Luật thi đấu và cũng chỉ đề cập thiết bị này phải do một nhà cung cấp cụ thể do Liên đoàn Thể dục thể thao (FIG) lựa chọn, chỉ định, như: Janssen - fritsen; Gymnova; AAI, Eurotramp...

Hiện tại các doanh nghiệp của Việt Nam và cơ quan quản lý đang cần kiểm soát các vấn đề về chất lượng, cơ sở tập luyện và thi đấu thể thao yêu cầu về quản lý an toàn đối với thiết bị thể dục dụng cụ nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Nghị định số 78/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều

của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007, Điều 1 Khoản 7 Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 Phân công trách nhiệm xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành, đối với trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có nội dung liên quan đến Trang thiết bị tập luyện, thi đấu thể dục thể thao.

Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao Điều 14 Cơ sở vật chất, trang thiết bị quy định "Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao phải có cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành".

Ngày 10/7/2019 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 2415/QĐ-BVHTTDL về việc phê duyệt Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, giao Tổng cục Thể dục thể thao triển khai tổ chức xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho các đối tượng sản phẩm hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 theo các quy định hiện hành, trong đó có nhóm thiết bị thể dục dụng cụ.

Để triển khai trách nhiệm đã được quy định tại Nghị định số 78/2018/NĐCP ngày 16/5/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007, Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ và nhiệm vụ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho các đối tượng thuộc Danh mục SPHH nhóm 2, cũng như đáp ứng nhu cầu kiểm soát chất lượng các thiết bị thể dục dụng cụ nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thì việc triển khai xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về an toàn đối với thiết bị thể dục dụng cụ là cần thiết./.

(Nguyễn Nam)

HỆ THỐNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ QUY HOẠCH, XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

Bộ Xây dựng đã ban hành nhiều QCVN về lập quy hoạch, khảo sát, thiết kế, thi công, giám sát thi công, quản lý dự án và các hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình.



Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) là công cụ quản lý nhà nước của các bộ, ngành nhằm ngăn chặn các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ kém chất lượng, ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe, tính mạng con người; đó cũng là biện pháp kỹ thuật để bảo vệ lợi ích quốc gia, doanh nghiệp và người tiêu dùng Việt Nam trước những nguy cơ tiềm ẩn.

Theo Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, QCVN là văn bản pháp quy kỹ thuật, bắt buộc áp dụng, là công cụ quản lý nhà nước và là chuẩn mực kỹ thuật để xem xét, thẩm định, phê duyệt cũng như nghiệm thu và khai thác sử dụng công trình xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam. QCVN còn là cơ sở để soát xét, biên soạn, công bố tiêu chuẩn quốc gia về xây dựng của Việt Nam, cũng như cho phép áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài.

Theo Bộ Xây dựng, căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Bộ Xây dựng có nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước trong hoạt động đầu tư xây dựng, ban hành các QCVN về xây dựng. Kể từ khi bộ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam lần đầu được ban hành năm 1996-1997 (gồm 3 tập), tính đến tháng 6/2023, Bộ Xây

dựng đã ban hành 16 QCVN. Các QCVN này đã bao trùm lên các hoạt động xây dựng từ công tác lập quy hoạch, khảo sát, thiết kế, thi công, giám sát thi công, quản lý dự án và các hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình.

Trong 16 QCVN nêu trên có QCVN thuộc loại Quy chuẩn kỹ thuật chung như QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; QCVN 02:2022/BXD -

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;... có QCVN thuộc loại quy chuẩn kỹ thuật an toàn như QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình; QCVN 18:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng; có QCVN là quy chuẩn kỹ thuật cho quá trình như QCVN 16:2019 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; có QCVN quy chuẩn cho một đối tượng cụ thể như QCVN 04:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà chung cư; QCVN 17:2018/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng và lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời; QCVN 08:2018/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình tàu điện ngầm...

Trong 16 QCVN này, hầu hết QCVN đã hơn một lần được soát xét, đặc biệt một số QCVN đã được soát xét đến lần 2. Điều này cho thấy hệ thống QCVN về xây dựng hiện đã dần đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn xây dựng và yêu cầu quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật; nhà ở; vật liệu xây dựng.

Đối với lĩnh vực xây dựng, việc tuân thủ các QCVN mang lại nhiều lợi ích. Thứ nhất là giảm chi phí xây dựng do việc tuân theo các quy chuẩn xây dựng có khả năng giảm chi phí dự án. Việc tuân thủ quy định không chỉ giúp

giảm chi phí mà còn bảo đảm yêu cầu an toàn của công trình trước các biến đổi khí hậu trong hiện tại và tương lai.

Hai là giảm chi phí năng lượng. Việc tuân thủ các quy chuẩn xây dựng không chỉ giúp tiết kiệm năng lượng, ngay từ khi bắt đầu xây dựng công trình mà còn giúp tiết kiệm đáng kể chi phí quản lý sau khi đưa ra công trình vào khai thác vận hành đồng thời làm giảm chi phí dài hạn cho người sử dụng.

Ba là đảm bảo yêu cầu về môi trường. Do năng lượng tiêu thụ trong xây dựng là rất lớn, việc thực thi các quy chuẩn trong xây dựng trở thành phương pháp làm giảm chi phí, tăng năng suất, giúp giảm lượng phát thải khí nhà kính của quốc gia.

Bốn là, hạn chế các rủi ro khi tuân thủ quy chuẩn xây dựng. Việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn xây dựng sẽ hạn chế những vấn đề bất cập trong quá trình xây dựng như bị kéo dài thời gian khi cấp phép xây dựng (do bị trả lại hồ sơ không tuân thủ QCVN); bị đình chỉ xây dựng do vi phạm những quy định về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao, mối quan hệ với các công trình lân cận... Đây là những vấn đề dễ gặp phải và điều này hoàn toàn có thể tránh được nếu tuân thủ quy chuẩn xây dựng.

Việc tuân thủ QCVN còn giúp đảm bảo an toàn cho công trình trong suốt thời gian vận hành, khai thác sử dụng. Bằng cách tuân thủ quy chuẩn quốc gia có thể giảm nguy cơ mất an toàn công trình trong suốt thời gian tuổi thọ của công trình trước nguy cơ có nhiều bất lợi nhất như động đất, thiên tai, cháy nổ...

Theo đánh giá của Ths. Trần Thị Thanh Ý, tại Việt Nam, mặc dù hệ thống QCVN về xây dựng trong thời gian dài đã đóng góp vai trò to lớn trong hoạt động xây dựng, tuy nhiên, hệ thống QCVN về xây dựng đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế. Do nhiều nguyên nhân khác nhau, nên mặc dù QCVN là văn bản pháp quy kỹ thuật bắt buộc áp dụng nhưng các địa phương vẫn gặp nhiều khó khăn trong quá trình áp dụng. Điều này làm giảm đi tính hiệu quả của

dự án đầu tư xây dựng và ảnh hưởng đến chất lượng công trình, cũng như làm giảm đi cơ hội cho phép các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia sâu vào hoạt động xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam khi chúng ta đã ký kết, tham gia các FTA thế hệ mới, với các cam kết mở hơn, sâu hơn.

Cụ thể, một số QCVN có nội dung trùng lặp, ví dụ nội dung về hạ tầng kỹ thuật đô thị trong QCVN 01:2021/BXD và QCVN 07:21016/BXD. Một số quy chuẩn còn trùng lặp về phạm vi và đối tượng điều chỉnh do có sự giao thoa về quản lý nhà nước giữa các Bộ chuyên ngành. Ví dụ: QCVN 18:2014/BXD về an toàn trong xây dựng của Bộ Xây dựng có nhiều nội dung liên quan đến Quy chuẩn về an toàn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; QCVN về Rạp chiếu phim (là loại hình công trình công cộng) lại do Bộ VHTT&DL ban hành...

Do sản phẩm xây dựng có đặc thù riêng biệt khác với sản phẩm hàng hóa cụ thể, có liên quan đến nhiều ngành nghề khác nhau nhưng hiện nay còn thiếu liên kết giữa các bộ chuyên ngành, chưa có sự thống nhất đồng bộ giữa các văn bản. Ví dụ như Bộ Y tế ban hành QCVN 22/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng; Bộ Xây dựng ban hành QCVN 12:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện cho nhà ở và công trình công cộng. Cả hai QCVN này đều quy định độ rọi nơi làm việc. Điều này sẽ tạo ra khó khăn cho nhà đầu tư và cả những nhà thầu không biết phải tuân thủ quy chuẩn nào.

Một số nội dung quy định trong QCVN chưa thực sự phù hợp thực tiễn Việt Nam. Hiện nay, có nhiều QCVN được biên soạn dựa trên quy chuẩn, tiêu chuẩn của một số quốc gia trên thế giới, ví dụ QCVN 06:2022/BXD là dựa trên hệ thống NFPA của Mỹ và СНиП 2.01.02-85 của Liên Bang Nga; QCVN 09:2005/BXD dựa trên Quy chuẩn quốc tế IBC, tiêu chuẩn Hoa Kỳ ASHRAE-Handbook 1993: Fundamentals; Code of Practice "Overall Thermal Transfer Value in buildings.

HongKong, 1995; Code on Envelope Thermal Performance for Buildings. Singapore, 2008; QCVN 03:2022/BXD dựa trên EN 1990...

Trong khi QCVN phải tính đến các điều kiện tự nhiên và phù hợp với công nghệ, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của quốc gia đó. Mặt khác, quy chuẩn được xây dựng dựa theo quy chuẩn của một nước nhưng trong thực tế công trình lại được đầu tư bằng vốn và áp dụng quy chuẩn của nước khác. Ví dụ QCVN 08:2018/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình tàu điện ngầm được biên soạn dựa theo tiêu chuẩn của Nga, nhưng dự án xây dựng tàu điện ngầm lại của nhà đầu tư Nhật Bản hoặc một quốc gia khác. Điều này làm giảm tính hội nhập quốc tế của Việt Nam đối với khu vực, thế giới và làm hạn chế khả năng cạnh tranh của các nhà thầu Việt Nam trên

thương trường quốc tế, khu vực.

Một số nội dung trong QCVN được quy định quá chi tiết, quá cụ thể, bao gồm cả công thức tính toán, dẫn đến một số quy định trong quy chuẩn trở nên cứng nhắc, khó áp dụng trong thực tế, chỉ thích hợp với một số công nghệ xây dựng nhất định, trong khi các giải pháp công nghệ khác có thể giải quyết đảm bảo tốt chỉ tiêu trong giới hạn an toàn cho phép. Việc QCVN đưa ra những quy định cụ thể mang tính giải pháp sẽ làm hạn chế sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới và là rào cản kỹ thuật trong quá trình hội nhập. Trường hợp QCVN 06 trải qua 4 lần rà soát bổ sung là một ví dụ. Hiện QCVN 06:2022/BXD lại đang được Chính phủ giao cho Bộ Xây dựng tiếp tục, bổ sung sửa đổi./.

(Phạm Hòa)

THIẾT LẬP TIÊU CHUẨN AN TOÀN CHO ĐỒ CHƠI TRẺ EM TRONG MỌI LỨA TUỔI

Ngành công nghiệp đồ chơi không chỉ tạo ra các sản phẩm có thể giúp trẻ em giải trí, mà nó còn phải đảm bảo bởi nhiều yếu tố khác. Trẻ em có bản chất tò mò và thích khám phá, đồng thời có thể dễ bị tổn thương vô tình không đáng có, vì vậy những thay đổi gần đây về thông số kỹ thuật tiêu chuẩn an toàn cho người tiêu dùng về an toàn đồ chơi (F963) nhằm mục đích nâng cao các yêu cầu an toàn vốn đã rất chặt chẽ.



Bởi vì đồ chơi có thể gây ra rủi ro cho trẻ em khi chơi nên cần có các tiêu chuẩn an toàn để giải quyết các mối nguy hiểm tiềm ẩn. Nhận thức được những lo ngại này, ngành công nghiệp đồ chơi đã phát triển một tiêu chuẩn an toàn đồ chơi tự nguyện vào năm 1976, tài liệu toàn diện đầu tiên trên thế giới về vấn đề này, ban đầu được Bộ Thương mại Hoa Kỳ xuất bản với tên PS 72-76. Năm 1986, ASTM International áp dụng tiêu chuẩn này và công bố nó là F963. Nó bao gồm hơn 100 phương pháp thử nghiệm, các yêu cầu về thiết kế và ghi nhãn cũng như các mối quan tâm khác liên quan đến an toàn.

Bà Joan Lawrence, phó chủ tịch cấp cao phụ trách các vấn đề về tiêu chuẩn và quy định của Hiệp hội Đồ chơi, một hiệp hội thương mại đại diện cho hàng trăm công ty đồ chơi bao gồm nhà sản xuất, nhà bán lẻ, nhà cấp phép và các công ty khác, đồng thời cũng là chủ tịch của tiểu ban an toàn đồ chơi (F15.22) cho biết: "Tiểu ban luôn làm việc để xác định các mối nguy hiểm mới xuất hiện và giải quyết tương

đổi nhanh chóng theo tiêu chuẩn đã được xây dựng trước, sau đó chúng tôi chia sẻ thông tin đó với các đối tác trên toàn thế giới”. Dần dần những tiêu chuẩn mà chúng tôi phát triển ra sẽ trở thành một hình mẫu tiêu chuẩn lý tưởng làm tiền đề cho các tiêu chuẩn khác cho nhiều nước trên thế giới dựa theo.

Ông Alan Kaufman, chủ tịch tiêu ban an toàn đồ chơi cho biết, các bản cập nhật tiêu chuẩn đều liên tục được sửa đổi theo xu hướng phát triển chung của thế giới cũng như nhu cầu người sử dụng, ví dụ như các quy định hay các công nghệ mới được ứng dụng trong đồ chơi. Các bản cập nhật cũng làm rõ các yêu cầu và bổ sung các yêu cầu mới để theo kịp những cải tiến mới cũng như ứng dụng mới về các yếu tố rủi ro.

Các cập nhật tiêu chuẩn mới trong năm 2023 bao gồm những thay đổi đối với yêu cầu phthalate trong tiêu chuẩn F963 để phù hợp với các yêu cầu mới nhất từ Ủy ban An toàn Sản phẩm Tiêu dùng (CPSC) cũng như các miễn trừ mà CPSC đã công bố đối với một số vật liệu không cần kiểm tra thường xuyên. Các

bản cập nhật cũng được thực hiện đối với phần kim loại nặng của tiêu chuẩn để thể hiện những thay đổi gần đây đối với các quy định trong lĩnh vực đó. Tiểu ban đã sửa đổi lại phần tiêu chuẩn về âm học, bổ sung thêm các mức áp suất âm thanh cho đồ chơi đẩy và kéo và làm cho toàn bộ phần này trở nên thân thiện hơn với người dùng.

Ngoài ra, do ngày càng có nhiều trường hợp trẻ em nuốt phải pin đồng xu, loại pin này đủ lớn để mắc kẹt trong cổ họng và có thể làm nguy hại đến sức khỏe trẻ nhỏ, tiểu ban tiêu chuẩn cũng đã nghiên cứu để làm rõ thêm về việc ghi nhãn trên mỗi sản phẩm đồ chơi có chứa vật liệu này.

Như vậy, hầu hết các cập nhật mới trong tiêu chuẩn an toàn đồ chơi dành cho trẻ nhỏ đều cần phải đảm bảo an toàn sức khỏe đối với trẻ em, cũng như cần phải liên tục thay đổi, bổ sung để sản phẩm luôn trong phạm vi được kiểm soát, tránh những rủi ro gây hại đối với người sử dụng./.

(*Hồng Vân*)

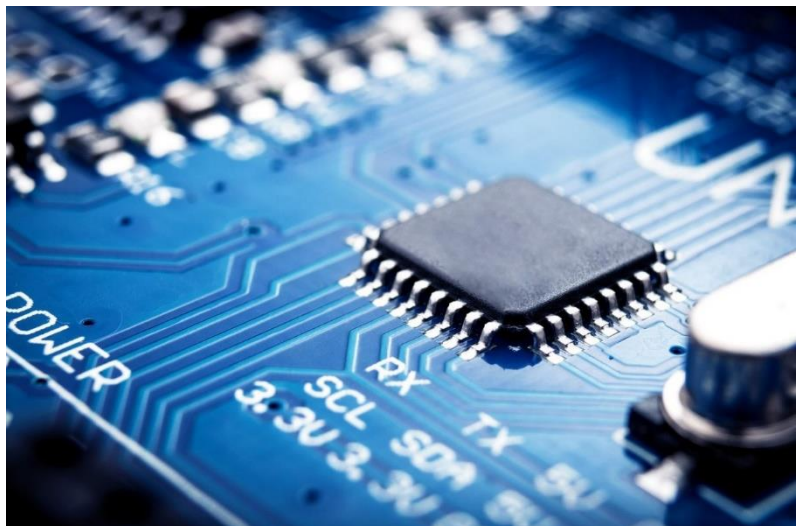
TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP CHO CHẤT BÁN DẪN

Theo Tổ chức IEC Electropedia định nghĩa chất bán dẫn là “chất có độ dẫn điện do các hạt mang điện của cả hai dấu hiệu thường nằm trong khoảng giữa độ dẫn của chất dẫn và môi trường cách điện và trong đó số lượng thể tích của các hạt mang điện có thể được thay đổi bằng các phương tiện bên ngoài”.

Chúng được hiểu là những thành phần quan trọng và đắt tiền của công nghệ hiện đại, từ điện thoại thông minh đến máy bay siêu thanh, từ tủ lạnh đến máy điều hòa nhịp tim. Khi thế giới trở nên kỹ thuật số hơn, nhu cầu về chất bán dẫn tăng vọt.

Tuy nhiên, đại dịch COVID-19

đi qua đã ảnh hưởng trực tiếp khiến cho dây chuyền sản xuất chất bán dẫn trở nên khan hiếm hơn bao giờ hết, các vấn đề về chuỗi cung ứng đã góp phần gây ra tình trạng thiếu



hút toàn cầu. Kết quả là, các loại hàng hóa các sản phẩm có sử dụng chất bán dẫn từ ô tô mới đến chuông cửa video hay thậm chí điện thoại thông minh có sử dụng chất bán dẫn đều bị gián đoạn trong sản xuất, không thể hoàn thiện sản phẩm đưa ra thị trường. Đó là bởi vì chất bán dẫn là không thể thiếu đối với bất cứ thứ gì có chứa thiết bị điện tử. Chúng được sử dụng trong điốt, mạch tích hợp, pin mặt trời và chip silicon.

Sự thiếu hụt gần đây là lý do khiến Mỹ và Liên minh châu Âu công bố kế hoạch đầu tư hàng tỷ USD vào sản xuất chất bán dẫn. Bởi hiện tại, phần lớn được sản xuất ở châu Á, việc gián đoạn không thể vận chuyển nguyên liệu này trong thời gian dài từ sau đại dịch đã khiến nhiều công ty phương Tây trở nên khó khăn hơn bao giờ hết.

Hiểu được điều này, Ủy ban Kỹ thuật IEC 47, Thiết bị bán dẫn, chuẩn bị các tiêu chuẩn quốc tế về thiết kế, sản xuất, sử dụng và tái sử dụng các thiết bị bán dẫn rời rạc. Ủy ban TC 47 phát triển loạt tiêu chuẩn IEC 60747 và IEC 62047 cho chất bán dẫn, nhằm đảm bảo chất lượng sản xuất đầu ra cho vật liệu này.

Ngoài ra, ủy ban tiêu chuẩn IEC TC 86, Sợi quang, chịu trách nhiệm về phát triển loạt tiêu chuẩn IEC 61290, IEC 61291 và IEC 61292.

Vì các đặc tính của chất bán dẫn có liên quan đến các thiết bị mà chúng sẽ được sử dụng nên các tiêu chuẩn khác nhau đề cập đến, ví dụ, thiết bị đóng cắt và điều khiển, bộ chuyển đổi và máy X-quang. Điều này có nghĩa là các tiêu chuẩn áp dụng cho phương pháp thiết kế và thử nghiệm thiết bị cũng đề cập

đến các yêu cầu về chất bán dẫn.

Ngoài ra, các ủy ban khác có yêu cầu về chất bán dẫn cũng đã phát triển các tiêu chuẩn liên quan, bao gồm:

IEC TC 22, Hệ thống và thiết bị điện tử công suất

IEC TC 40, Tụ điện và điện trở cho thiết bị điện tử

IEC TC 82, Hệ thống năng lượng quang điện mặt trời

Được biết, các tiêu chuẩn kể trên đều được thông qua bởi Ủy ban Tiêu chuẩn quốc tế IEC, cùng với Hệ thống đánh giá chất lượng IEC cho linh kiện điện tử (IECQ), giúp cho nhà sản xuất, nhà cung cấp và người mua chất bán dẫn hoặc thiết bị sử dụng chất bán dẫn được đảm bảo chất lượng sử dụng. Mặt khác, đây cũng là trung tâm tổng hợp cung cấp các thông số kỹ thuật cho việc thiết kế các sản phẩm mà sau đó có thể được thử nghiệm và chứng nhận bởi IECQ.

IECQ đảm bảo chất lượng, độ an toàn và độ tin cậy của tất cả các linh kiện điện tử, giám sát và kiểm tra việc sử dụng các chất độc hại trong thiết bị điện tử, đồng thời cung cấp đánh giá và chứng nhận cho các cơ sở xử lý các thiết bị nhạy cảm với ESD (phóng tĩnh điện) không được bảo vệ.

Các nhà sản xuất sử dụng linh kiện điện tử và chất bán dẫn hoặc các quy trình liên quan đến linh kiện điện tử được chứng nhận IECQ đảm bảo rằng sản phẩm của họ sẽ hoạt động như thiết kế và loại bỏ nhu cầu kiểm tra hiệu suất kéo dài của bộ phận và cụm lắp ráp phụ./.

(Phạm Hòa)

ISO/IEC 42001 – TIÊU CHUẨN HỆ THỐNG QUẢN LÝ AI ĐẦU TIÊN TRÊN THẾ GIỚI

Doanh nghiệp ngày nay cần khôn khéo để hướng dẫn họ trên hành trình trí tuệ nhân tạo (AI) của mình. ISO/IEC 42001, tiêu chuẩn hệ thống quản lý AI đầu tiên trên thế giới, đáp ứng nhu cầu đó.

ISO/IEC 42001 là tiêu chuẩn được công nhận trên toàn cầu, cung cấp hướng dẫn về quản trị và quản lý công nghệ AI. Nó cung cấp một cách tiếp cận có hệ thống để giải quyết các thách thức liên quan đến việc triển khai AI



trong khung hệ thống quản lý được công nhận, bao gồm các lĩnh vực như đạo đức, trách nhiệm giải trình, tính minh bạch và quyền riêng tư dữ liệu. Được thiết kế để giám sát các khía cạnh khác nhau của trí tuệ nhân tạo, nó cung cấp cách tiếp cận tích hợp để quản lý các dự án AI, từ đánh giá rủi ro đến xử lý hiệu quả những rủi ro này.

Từ rủi ro đến cơ hội

ISO/IEC 42001 tồn tại để giúp doanh nghiệp và xã hội nói chung thu được giá trị tối đa một cách an toàn và hiệu quả từ việc sử dụng AI. Người dùng có thể được hưởng lợi theo nhiều cách: Cải thiện chất lượng, bảo mật, truy xuất nguồn gốc, tính minh bạch và độ tin cậy của các ứng dụng AI; Nâng cao hiệu quả và đánh giá rủi ro AI; Niềm tin lớn hơn vào hệ thống AI; Giảm chi phí phát triển AI; Tuân thủ quy định tốt hơn thông qua các biện pháp

kiểm soát, chương trình kiểm toán và hướng dẫn cụ thể phù hợp với các luật và quy định mới.

Tất cả điều này góp phần vào việc sử dụng AI có đạo đức và trách nhiệm cho mọi người trên toàn thế giới.

Chu kỳ cải tiến liên tục

Là tiêu chuẩn hệ thống quản lý, ISO/IEC 42001 được xây dựng xoay quanh quy trình “Lên kế hoạch-Thực hiện-Kiểm tra-Hành động” nhằm thiết lập, triển khai, duy trì và liên tục cải tiến trí tuệ nhân tạo.

Cách tiếp cận này rất quan trọng vì nhiều lý do: Thứ nhất, nó đảm bảo rằng giá trị tăng trưởng của AI được công nhận và có mức độ giám sát phù hợp; Thứ hai, hệ thống quản lý cho phép tổ chức chủ động điều chỉnh cách tiếp cận của mình phù hợp với sự phát triển theo cấp số nhân của công nghệ. Cuối cùng, nó khuyến khích tổ chức tiến hành đánh giá rủi ro AI và xác định các hoạt động xử lý rủi ro AI một cách định kỳ.

Với sự phát triển nhanh chóng của AI trên toàn thế giới, ISO/IEC 42001 được dự đoán sẽ trở thành một phần không thể thiếu trong thành công của tổ chức, tiếp bước các tiêu chuẩn hệ thống quản lý khác như ISO 9001 về chất lượng, ISO 14001 về môi trường và ISO/IEC 27001 về bảo mật CNTT./.

(Phạm Hòa)

TIÊU CHUẨN ISO GIÚP ĐỐI PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Biến đổi khí hậu đang diễn ra mạnh mẽ, nghiêm trọng trên phạm vi toàn cầu, và thực sự đã trở thành một trong những thách thức lớn nhất đối với nhân loại. Đã đến lúc thế giới phải cùng chung tay quyết liệt hành động và có những bước dịch chuyển mạnh mẽ hơn nhằm đối phó với cuộc khủng hoảng khí hậu hiện nay. ISO là một trong những tổ chức toàn cầu quan trọng có thể giúp chúng ta đưa ra những chính sách đúng đắn và đẩy nhanh tiến độ.

Các tiêu chuẩn mang lại cho chúng ta sự đảm bảo rằng sự thay đổi là thực tế và có ý nghĩa. Chúng đảm bảo kết quả và giúp loại bỏ mọi hoạt động rửa xanh tiềm ẩn. Họ cũng làm cho sự thay đổi diễn ra với tốc độ nhanh chóng. Việc ban hành luật và thực thi các chính sách về hành động vì khí hậu có thể mất nhiều năm – và chúng ta thì không có nhiều năm. Việc sử dụng các tiêu chuẩn có thể giúp chúng ta đạt được điều đó nhanh hơn bằng cách giảm thời gian thiết kế và thực hiện các chính sách của chính phủ.

Các tiêu chuẩn có thể tăng cường nỗ lực về khí hậu của chúng ta



Các tiêu chuẩn đang giúp hướng dẫn việc xây dựng các bản kiểm kê khí nhà kính, trong đó liệt kê toàn diện về khối lượng phát thải khí nhà kính (GHG) và nguồn gốc của chúng. Các phương pháp tiếp cận thông thường sử dụng xác suất thống kê có thể không hiệu quả và tác động của biến đổi khí hậu có thể gây ra một chuỗi tác động dây chuyền. Các tiêu chuẩn ISO trình bày chi tiết các phương pháp thực hành tốt nhất để thực hiện đánh giá rủi ro và tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

ISO cung cấp một cấu trúc sẵn sàng triển khai giúp các chính phủ xác định tiêu chí của họ cho các dự án đủ điều kiện và thiết lập các thước đo hiệu suất. Ví dụ: loạt tiêu chuẩn về

công cụ nợ xanh ISO (ISO 14030) nêu rõ các yêu cầu để đảm bảo tính toàn vẹn của trái phiếu và khoản vay xanh, bao gồm phân loại cho các dự án đủ điều kiện và đặt ra các yêu cầu cho chương trình xác minh.

ISO 14093, tiêu chuẩn ISO liên quan đến trợ cấp khả năng phục hồi khí hậu dựa trên hiệu suất, dựa trên cơ chế sống thích ứng với khí hậu địa phương (LoCAL) của Quỹ Phát triển Vốn Liên hợp quốc. Tiêu chuẩn ISO này cung cấp hướng dẫn về cách thiết kế một hệ thống quốc gia về tài trợ thích ứng ở địa phương và bao gồm các điều kiện tối thiểu để đảm bảo các biện pháp bảo vệ tài chính và danh sách các khoản đầu tư thích ứng đủ điều kiện có thể thúc đẩy khả năng phục hồi khí hậu.

Việc tích hợp các tiêu chuẩn ISO có thể giúp thiết lập các quy tắc mua sắm để mua hàng hóa và dịch vụ theo cách thúc đẩy hành động về khí hậu. Bất kỳ nhà hoạch định chính sách nào muốn thúc đẩy sự thay đổi tích cực một cách nhanh chóng cần phải bắt đầu bằng việc nghĩ đến các tiêu chuẩn.

Vì không có tiêu chuẩn thì không thể tiến bộ được./.

(Bảo Linh)

NỀN KINH TẾ TUẦN HOÀN: XÂY DỰNG NIỀM TIN THÔNG QUA ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP

Kinh tế tuần hoàn là một mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất và dịch vụ đặt ra mục tiêu kéo dài tuổi thọ của vật chất, và loại bỏ tác động tiêu



cực đến môi trường.

Nền kinh tế tuần hoàn mang lại giải pháp chống khủng hoảng khí hậu, tăng cường năng lực thích ứng của chúng ta và làm cho xã hội bền vững và kiên cường hơn. Tiêu chuẩn và đánh giá sự phù hợp là một phần của giải pháp.

Các tiêu chuẩn xác định các yêu cầu phù hợp với các nguyên tắc kinh tế tuần hoàn, chẳng hạn như độ bền, khả năng tái sử dụng, khả năng nâng cấp hoặc khả năng sửa chữa, đánh giá sự phù hợp cung cấp các công cụ để chứng minh rằng các yêu cầu này được đáp ứng.

Nhiều hoạt động đánh giá sự phù hợp khác nhau có thể mang lại sự yên tâm cho các chủ thể kinh tế khi chúng ta chuyển sang nền kinh tế tuần hoàn. Có liên quan nhất là:

Thử nghiệm

Thử nghiệm là quá trình được sử dụng để xác định các đặc tính của hạng mục hoặc mẫu thử nghiệm (đối tượng đánh giá sự phù hợp) theo một quy trình. Các yêu cầu đối với các phòng thí nghiệm thử nghiệm và hiệu

Yêu cầu đối với tổ chức thẩm định được quy định trong tiêu chuẩn ISO/IEC 17029.

Xác minh

Yêu cầu đối với tổ chức xác minh được quy định trong tiêu chuẩn ISO/IEC 17029.

Chứng nhận

Chứng nhận cung cấp sự chứng nhận độc lập (của bên thứ ba) về sự phù hợp. Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận được quy định trong các tiêu chuẩn ISO/IEC 17021-1 (đối với



chuẩn được quy định trong tiêu chuẩn ISO/IEC 17025

Kiểm tra

Kiểm tra là việc kiểm tra một đối tượng (đối tượng đánh giá sự phù hợp) và xác định sự phù hợp của nó với các yêu cầu chi tiết hoặc trên cơ sở đánh giá chuyên môn với các yêu cầu chung. Yêu cầu đối với tổ chức giám định được quy định trong tiêu chuẩn ISO/IEC 17020.

Thẩm định

hệ thống quản lý là đối tượng đánh giá sự phù hợp), ISO/IEC 17065 (đối với sản phẩm, quá trình và dịch vụ là đối tượng đánh giá sự phù hợp) và ISO/IEC 17024 (đối với người là đối tượng đánh giá sự phù hợp).

Áp dụng kinh tế tuần hoàn đang là một xu hướng mạnh mẽ ở nhiều quốc gia trên thế giới bởi chính những lợi ích về cả kinh tế, môi trường và xã hội mà nó đã, đang và sẽ mang lại trong tương lai./.

(Hà My)

PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CHUYÊN GIA NĂNG SUẤT QUỐC GIA QUA CÁC KHÓA ĐÀO TẠO

Theo kế hoạch được đề cập tới trong Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về

ban hành Chương trình Quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 -



2030, đến năm 2025, đến năm 2025, Việt Nam có 600 chuyên gia năng suất được đào tạo, chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 13751:2025. Và lộ trình tới 2030 có 1000 chuyên gia năng suất được đào tạo, chứng nhận. Viện Năng suất Việt Nam đã phối hợp cùng Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng các tỉnh, thành phố tổ chức khóa đào tạo Chuyên gia năng suất đáp ứng tiêu chuẩn cho hơn 100 học viên trong giai đoạn cuối năm 2023 và đầu năm 2024.

Theo số liệu tổng hợp từ nhóm nghiên cứu Viện Năng suất Việt Nam, đến cuối năm 2023 đã có 44 trong tổng số 64 tỉnh thành phố đề xuất kế hoạch chi tiết về phát triển đội ngũ Chuyên gia năng suất trong giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2030. Theo đó, các tỉnh, thành phố có nhu cầu đào tạo, chứng nhận Chuyên gia năng suất cho hơn 400 ứng viên đáp ứng Tiêu chuẩn TCVN 13751:2023 Yêu cầu đối với chuyên gia năng suất.

Để góp phần thực hiện mục tiêu nêu trên, Viện Năng suất Việt Nam khởi động Chương trình Đào tạo Chuyên gia năng suất quốc gia. Theo đó, các học viên khi tham gia khóa học sẽ được hệ thống lại các kiến thức và kỹ năng thực hiện các dự án cải tiến năng suất theo Tiêu chuẩn TCVN 13751:2023. Cụ thể, học viên được cung cấp kiến thức

về tổng quan năng suất, chuyên môn đo lường và phân tích năng suất là những nội dung kiến thức nền tảng bắt buộc phải có theo tiêu chuẩn. Bên cạnh đó, học viên được đào tạo về 08 giải pháp năng suất (5S, Lean, Kaizen, KPI...) và được thực hành áp dụng các kiến thức đó vào dự án giả định tại doanh nghiệp. Tổng thời lượng đào tạo cho học viên ở cấp độ Chuyên gia năng suất là 72 tiết, Chuyên gia năng suất trưởng là 144 tiết bao gồm cả lý thuyết và thực hành.

Đội ngũ giảng viên tham gia khóa đào tạo là các Chuyên gia năng suất được chứng nhận theo tiêu chuẩn của Tổ chức Năng suất Châu Á (APO). Các giảng viên cung cấp các kiến thức chuyên môn đồng thời huấn luyện cho học viên các kỹ năng chuyên môn tuân thủ khung cải tiến năng suất.

Các học viên hoàn thành khóa đào tạo Chuyên gia năng suất có đầy đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng để tham gia Chương trình chứng nhận Chuyên gia năng suất quốc gia.

Trong năm 2024, Viện Năng suất Việt Nam tiếp tục chiêu sinh khóa đào tạo Chuyên gia năng suất và hỗ trợ các học viên tham gia Chương trình chứng nhận Chuyên gia năng suất quốc gia theo tiêu chuẩn TCVN 13751:2023./.

(Phạm Hòa)



NGÓI ĐẤT SÉT NUNG BẮT BUỘC CHỨNG NHẬN THEO QCVN 16:2023/BXD TRƯỚC KHI LƯU THÔNG TRÊN THỊ TRƯỜNG

Ngói đất sét nung là vật liệu quan trọng trong ngành xây dựng, do đó, để đảm bảo chất lượng và an toàn, các đơn vị sản xuất, kinh doanh cần chứng nhận hợp quy ngói đất sét nung theo QCVN 16:2023/BXD.



Theo Thông tư 04/2023/TT-BXD về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được Bộ Xây dựng ban hành đã quy định về ngói đất sét nung bắt buộc chứng nhận theo QCVN 16:2023/BXD trước khi lưu thông trên thị trường.

Đối tượng áp dụng QCVN 16:2023/BXD

Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng vật liệu, sản phẩm xây dựng. Các tổ chức thử nghiệm và chứng nhận sự phù hợp đánh giá, chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, vật liệu xây dựng. Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến chất lượng sản phẩm, vật liệu xây dựng.

Phân loại ngói lợp theo quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD

Theo quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD, ngói lợp được chia thành các loại sau:

Ngói đất nung: là ngói được làm từ đất sét, được nung ở nhiệt độ cao để tạo độ cứng và chống thấm. Ngói đất nung có nhiều loại như ngói ta, ngói tây, ngói tàu, ngói lưu ly, ngói âm dương, ngói mũi hài, ngói vẩy cá, ngói mắt rồng, ngói mũi tàu, ngói ủ lá, ngói 20 viên, ngói 22 viên, v.v...

Ngói tráng men: là ngói đất nung được phủ một lớp men gốm mịn màng trên bề mặt để tăng độ bóng, độ bền màu và khả năng chống bám bẩn. Ngói tráng men có nhiều màu sắc và họa tiết khác nhau, thường được sử dụng cho các công trình có yêu cầu cao về thẩm mỹ.

Ngói xi măng không nung hay ngói màu: là ngói được làm từ vữa xi măng trộn với bột màu, được đổ vào khuôn và ép lạnh để tạo hình dạng. Ngói xi măng không nung có độ cứng cao, chống ẩm mốc và rêu mốc tốt, có nhiều màu sắc và kiểu dáng hiện đại, thường được sử dụng cho các công trình biệt thự, cao cấp, sang trọng.

Những lợi ích đối với doanh nghiệp khi sở hữu chứng nhận ngói đất sét nung theo tiêu chuẩn QCVN 16:2023/BXD

Khi doanh nghiệp sở hữu chứng nhận ngói đất nung là tuân thủ tiêu chuẩn hàng hóa theo quy định của pháp luật và những điều kiện pháp lý khi đưa sản phẩm ra thị trường. Từ đó giúp nâng cao uy tín, hình ảnh của doanh nghiệp đến khách hàng, đối tác, tăng lợi thế cạnh tranh.

Sau khi nhận được sự chú ý và tin tưởng từ khách hàng, tạo đà thúc đẩy doanh nghiệp mở rộng được thị trường sản phẩm.

Việc doanh nghiệp đạt được chứng nhận ngói đất sét nung theo tiêu chuẩn QCVN 16:2023/BXD có thể sử dụng, sở hữu dấu chứng nhận và in trực tiếp lên bao bì sản phẩm.

Đối với những sản phẩm được chứng nhận và bảo đảm theo quy định hiện hành của nhà nước như chứng nhận ngói đất sét nung theo tiêu chuẩn QCVN 16:2023/BXD giúp tăng khả năng trúng thầu, đấu thầu dự án cho doanh nghiệp. Ngoài ra, giấy chứng nhận này còn giúp tiết kiệm được chi phí kiểm tra, thử nghiệm sản phẩm nhiều lần

Không dừng lại ở đó, chúng nhận hợp quy đối với sản phẩm ngói đất sét nung còn mở ra cơ hội trong quá trình cải tiến hệ thống kiểm soát chất lượng, nhằm giúp sản phẩm được ổn định về chất lượng, giảm sản phẩm

lỗi, nâng cao được năng suất thông qua hoạt động cải tiến kết hợp với áp dụng ISO 9001:2015 trong hoạt động của doanh nghiệp./.

(Phạm Hòa)

SẢN XUẤT DẪM GỖ THEO TCVN 13655-4:2023 ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG, ĐỘ BỀN CAO

Dăm gỗ là vật liệu sinh khối dùng để sản xuất viên nén mùn cưa hay viên nén gỗ. Thông qua dây chuyền sản xuất hiện đại, dăm gỗ được ép thành các viên gỗ nhỏ và



cứng. Viên nén gỗ có độ ẩm thấp, độ tro thấp và có nhiệt lượng phát ra cao nên viên nén gỗ được dùng để thay thế các loại chất đốt truyền thống. Để đảm bảo chất lượng khi sản xuất các sản phẩm răn gỗ phải đảm bảo theo Tiêu chuẩn TCVN 13655-4:2023-ISO 17225-4:2021.

Việt Nam là một trong các nước đang thiếu hụt nguồn gỗ tự nhiên, bởi các cơ sở sản xuất và chế biến gỗ đang trên đà tăng đột biến. Vì thế mà việc sử dụng dăm gỗ được nghiền từ phế phẩm gỗ làm nhiên liệu đốt thay thế nguồn gỗ tự nhiên là một sự lựa chọn hoàn hảo. Ngoài ra, dăm gỗ có giá thành rẻ hơn các nguồn gỗ tự nhiên nhưng rất dễ bén lửa, lượng sinh nhiệt cao. Hiện nay dăm gỗ cũng là sản phẩm được các nước trên thế giới nhập khẩu để thay thế các loại nguyên liệu đốt khác. Do đó khi sản xuất dăm gỗ phải đạt theo Tiêu chuẩn quy định.

Cụ thể, theo quy định của Tiêu chuẩn TCVN 13655-4:2023 do Bộ KH&CN ban

hành thì nguyên tắc đánh giá phân loại dăm gỗ quy định về cân kỹ thuật, độ chính xác 0,01 g; Đồng hồ bấm giờ, độ chính xác 1 s; Buồng sấy, nhiệt độ sấy trong phạm vi từ 10 °C đến 300 °C; mức chia độ 0,1 °C; Thiết bị sàng rung; Bộ sàng dăm 5 tầng; Các tấm sàng dăm hình tròn, mắt sàng ở mỗi tầng sàng hình tròn có cùng đường kính, được phân bố theo quy luật cứ ba lỗ tròn tạo thành một tam giác đều.

Khoảng cách giữa các tâm của hai lỗ tròn bất kỳ phải bằng 1,2 lần đường kính của lỗ tròn. Các tầng sàng từ trên xuống dưới có đường kính mắt sàng thường gặp là 31,8 mm; 28,6 mm; 22,2 mm; 9,5 mm và 4,8 mm. Khoảng cách từ tầng sàng trên cùng tới phần trần sàng là 100 mm, khoảng cách giữa các tầng sàng là 100 mm. Tất cả các tầng sàng đều được cố định thành thể thống nhất, các tầng sàng chỉ rung theo đường tròn, tần suất rung tối thiểu 220 lần/min, tần số va chạm tối thiểu là 147 lần/min, biên độ rung động là 8 mm.

Tiêu chuẩn cũng quy định về lưu kho phải được để ở nơi thoáng gió, trong nhà kho khô ráo, yêu cầu có phòng ẩm, phòng nấm mốc, phòng hỏa. Với mỗi lô sản phẩm phải đóng bao có cùng quy cách, có thể dùng túi nhựa, bao dệt. Túi nhựa hoặc bao dệt cần kiểm tra và xử lý loại bỏ các tạp chất ở miệng bao, đầu dây thừa. Đóng bao gói cần đóng đầy, dàn đều, đảm bảo khối lượng mỗi bao tương đối đều nhau. Sau khi đóng bao dùng dây gai khâu lại theo phương pháp “kéo để mở”, mỗi miệng bao phải đảm bảo khâu nhiều hơn bảy mũi, hình thành hai cái “sừng dê”. Sau khi khâu miệng bao bằng sợi gai hoặc chỉ khâu, đưa bao lên độ cao 0,5 m và cho rơi tự do, phần không

gian khuyết trong bao ít hơn 5 cm thì được coi là bao đầy.

Khi sử dụng các loại xe chuyên dụng hoặc xe chuyên dùng để tải dăm gỗ, xe phải

được vệ sinh sạch sẽ để loại bỏ hết các tạp chất như đất, cát, than, v.v... trước khi xếp hàng. Xe phải được che phủ bằng bạt hoặc lưới che./.

(Hong Anh)

QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT KHO TIỀN VÀ XE CHỖ TIỀN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Hiện nay, hầu hết các ngân hàng đều sở hữu các kho và xe chuyên dụng để vận chuyển tiền mặt. Kho tiền và xe chở tiền đều được trang bị với nhiều hệ thống bảo mật, thiết bị dự phòng và các cải tiến chống trộm với chất lượng cao. Tuy nhiên trong quá trình bảo quản và di chuyển tiền mặt vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Vì vậy để đảm bảo an toàn bảo mật cao, các ngân hàng cần xây dựng kho tiền và xe chở tiền đáp ứng tiêu chuẩn quy định theo Thông tư số 23/2023/TT-NHNN.



Mới đây vào ngày 29/12/2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 23/2023/TT-NHNN quy định tiêu chuẩn kỹ thuật kho tiền và xe chở tiền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư số 23/2023/TT-NHNN có hiệu lực thi hành từ 12/02/2024. Theo đó, Thông tư số 21/2023/TT-NHNN được áp dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

Theo quy định tại Điều 8 Thông tư 23/2023/TT-NHNN, xe ô tô chở tiền có

khoang chở tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá phải được trang bị thiết bị chữa cháy, thiết bị định vị giám sát hành trình (nếu có) và có chỗ cho lực lượng áp tải, bảo vệ. Đối với xe tải được đóng thùng kín phải đảm bảo có 3 lớp. Lớp ngoài và lớp trong bằng thép chống gỉ hoặc thép được xử lý chống gỉ dày tối thiểu 1mm (đối với lớp ngoài) và tối thiểu 2mm (đối với lớp trong); lớp giữa là vật liệu chống cháy. Cửa khoang chở tiền có 01 lớp cánh.

Đối với các loại xe còn lại phải được đóng thùng kín, có 3 lớp. Lớp ngoài và lớp trong bằng thép chống gỉ hoặc thép được xử lý chống gỉ dày tối thiểu 1mm và tối thiểu 2mm đối với lớp trong; lớp giữa là vật liệu chống cháy. Cửa khoang chở tiền phải có 2 lớp cánh. Trường hợp khoang chở tiền thiết kế ô cửa sổ nhìn sang buồng lái thì kết cấu ô cửa có hai lớp trong đó lớp trong chắn song thép cách đều nhau không quá 60mm và lớp ngoài vật liệu trong suốt và lưới thép, có bản lề, then và khóa chắc chắn.

Đối với kho tiền, Thông tư số 23/2023/TT-NHNN cũng quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật kho tiền xây dựng tại trụ sở chính, chi nhánh, của tổ chức tín dụng và trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải có diện tích sử dụng đáp ứng yêu cầu bảo quản tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá. Trường hợp xây dựng kho tiền ở địa điểm ngoài trụ sở phải do Tổng Giám đốc (Giám đốc) quyết định, phải có vị trí hợp lý, khép kín, an toàn.

Về kết cấu, tiêu chuẩn kỹ thuật kho tiền phải có nền, tường và trần kho bằng bê tông cốt thép liên kết với nhau thành một khối hộp và phải đảm bảo các tiêu chuẩn: Mặt nền kho

tiền bằng phẳng, chống trượt, chịu nén, va đập; bê tông cốt thép; bê tông đá; cát vàng; đất tự nhiên và được xử lý chống mối, chống ẩm. Trong trường hợp kho tiền xây dựng ở trên tầng thì nền kho phải có thêm lớp bề mặt chống trượt, chịu nén, va đập. Tường kho có chiều cao phù hợp với chiều cao, bê tông cốt thép liền khối. Hành lang bảo vệ kho tiền phải có cửa riêng và lắp đặt hệ thống báo động chống đột nhập.

Ngoài ra kho không thể thiếu camera quan sát tại những vị trí cần thiết để đảm bảo quan sát mọi khu. Bảng điều khiển thiết bị phải đặt ở vị trí kín đáo, đảm bảo bảo mật các thông số, đồng thời thuận tiện trong công tác quản lý và sử dụng. Các hệ thống thiết bị lắp đặt tại kho tiền trụ sở chính, chi nhánh của tổ chức tín dụng và trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư 23/2023/TT-NHNN./.

(Phạm Hòa)

TIÊU CHUẨN ĐƯỢC ĐỀ XUẤT ĐỂ HỖ TRỢ CÁC SẢN PHẨM LIÊN QUAN ĐẾN MÔN THỂ THAO AIRSOFT

Ủy ban cơ sở vật chất, sân chơi và thiết bị thể thao của ASTM (F08) đang phát triển một bộ tiêu chuẩn mới để hỗ trợ các sản phẩm liên quan đến môn thể thao airsoft.



Airsoft là một trò chơi tập thể trong trận địa giả định, giúp khách hàng giải tỏa hết mọi căng thẳng, rèn luyện khả năng phán đoán, phản ứng nhanh và xử trí tình huống linh hoạt, sáng tạo, rèn luyện thể lực và tinh thần đồng đội.

Máy phóng đạn Hydrogel, còn được gọi là máy phóng dựa trên SAP, đại diện cho môn thể thao airsoft. “Airsoft” mô tả các trò chơi

bắn súng theo đội, trong đó người tham gia loại bỏ đối thủ bằng súng thường bắn đạn nhựa hình cầu. Các bộ phóng dựa trên SAP sử dụng bóng gel làm đạn dược.

Các tiêu chuẩn được đề xuất bao gồm các loại đạn được sử dụng với bộ phóng dựa trên SAP (WK87381); cảnh báo cho trình khởi chạy (WK87382); và thông số kỹ thuật chung cho các hạng mục đó (WK87383).

Bộ tiêu chuẩn mới này sẽ giúp ích cho các nhân và tổ chức sau:

- Các nhà sản xuất sẽ sử dụng chúng như một hướng dẫn để đánh dấu và dán nhãn sản phẩm cũng như đáp ứng các yêu cầu về kích thước và tốc độ.
- Các nhà bán lẻ sẽ sử dụng chúng để thiết lập các quy trình thử nghiệm và bố trí thích hợp trên sàn của họ.
- Các phòng thí nghiệm sẽ sử dụng chúng để hướng dẫn thử nghiệm.
- Người tiêu dùng sẽ được giáo dục về cách sử dụng hợp lý các trình khởi chạy dựa trên SAP thông qua các hướng dẫn và nhãn mác bắt buộc trên tất cả các sản phẩm./.

(Yến Hoa)

CÁC TIÊU CHUẨN MỚI CẬP NHẬT TRONG THÁNG 12/2023

❖ **TIÊU CHUẨN QUỐC GIA****TCVN 10687-12-1:2023**

Hệ thống phát điện gió. Phần 12-1: Đo hiệu suất năng lượng của TUABIN gió phát điện

Số trang:182

TCVN 10687-12-2:2023

Hệ thống phát điện gió. Phần 12-2: Hiệu suất năng lượng của TUABIN gió phát điện dựa trên phép đo gió trên vỏ TUABIN

Số trang:91

TCVN 10687-12-4:2023

Hệ thống phát điện gió. Phần 12-4: Hiệu chuẩn vị trí bằng số dùng cho thử nghiệm hiệu suất năng lượng của TUABIN gió

Số trang:36

TCVN 11739:2017

Phụ kiện dùng trong bê tông. Thanh cầu

Số trang:18

TCVN 12574:2018

Sơn phủ bảo vệ kết cấu bê tông. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử

Số trang:31

TCVN 13281:2021

Thực phẩm. Xác định hàm lượng furctian bằng phương pháp enzym - quang phổ

Số trang:13

TCVN 13312:2021

Thực phẩm. Xác định hàm lượng các axit amin có chứa lưu huỳnh bằng phương pháp sắc ký trao đổi ion

Số trang:10

TCVN 13382-3:2022

Giống cây trồng nông nghiệp. Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định. Phần 3: Giống cam

Số trang:33

TCVN 13382-4:2022

Giống cây trồng nông nghiệp. Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và ổn định. Phần 4: Giống bưởi

Số trang:31

TCVN 13382-5:2022

Giống cây trồng nông nghiệp. Khảo nghiệm tính khác biệt,

Số trang:36

TCVN 13382-6:2022

Giống cây trồng nông nghiệp. Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định. Phần 6: Giống cà phê

Số trang:25

TCVN 13657-2:2023

Phòng cháy chữa cháy. Hệ thống chữa cháy phun sương áp suất cao. Phần 2: Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử

Số trang:22

TCVN 13724-0:2023

Cụm đóng cắt và điều khiển hạ áp. Phần 0: Hướng dẫn quy định cụm lắp ráp

Số trang:71

TCVN 13724-1:2023

Cụm đóng cắt và điều khiển hạ áp. Phần 1: Quy tắc chung

Số trang:178

TCVN 13724-2:2023

Cụm đóng cắt và điều khiển hạ áp. Phần 2: Cụm đóng cắt và điều khiển nguồn điện lực

Số trang:57

TCVN 13724-5:2023

Cụm đóng cắt và điều khiển hạ áp. Phần 5: Cụm lắp ráp dùng cho mạng phân phối trong lưới điện công cộng

Số trang:38

TCVN 13725:2023

Vỏ tủ điện dùng cho cụm đóng cắt và điều khiển hạ áp. Yêu cầu chung

Số trang:24

TCVN 13726-1:2023

An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1 000 V xoay chiều và 1 500 V một chiều. Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ. Phần 1: Yêu cầu chung

Số trang:28

TCVN 13726-2:2023

An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1 000 V xoay chiều và 1 500 V một chiều. Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ. Phần 2: Điện trở cách điện

Số trang:12

TCVN 13726-3:2023

An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1 000 V xoay chiều và 1 500 V một chiều. Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ. Phần 3: Trở kháng mạch vòng

Số trang:14

TCVN 13726-4:2023

An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1 000 V xoay chiều và 1 500 V một chiều – Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ – Phần 4: Điện trở của mỗi nối đất và liên kết đẳng thế

Số trang:13

TCVN 13726-5:2023

An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1 000 V xoay chiều và 1 500 V một chiều – Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ – Phần 5: Điện trở tiếp đất

Số trang:15

TCVN 13726-6:2023

An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1 000 V xoay chiều và 1 500 V một chiều – Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ – Phần 6: Tính hiệu quả của thiết bị dòng dư (RCD) trong hệ thống TT, TN và IT

Số trang:18

TCVN 13726-7:2023

An toàn điện trong hệ thống phân phối điện hạ áp đến 1 000 V xoay chiều và 1 500 V một chiều – Thiết bị thử nghiệm, đo hoặc theo dõi các biện pháp bảo vệ – Phần 7: Thứ tự pha

Số trang:17

TCVN 13727-1:2023

Phép đo trường từ một chiều, trường từ và trường điện xoay chiều trong dải tần từ 1 Hz đến 100 kHz có liên quan đến phơi nhiễm lên người. Phần 1: Yêu cầu đối với thiết bị đo

Số trang:58

TCVN 13727-2:2023

Phép đo trường từ một chiều, trường từ và trường điện xoay

chiều trong dải tần từ 1Hz đến 100 kHz có liên quan đến phơi nhiễm lên người. Phần 2: Tiêu chuẩn cơ bản cho phép đo
Số trang:36

TCVN 13728:2023

Mức trường điện và trường từ tạo bởi hệ thống điện xoay chiều. Quy trình đo liên quan đến phơi nhiễm công chúng
Số trang:51

TCVN 13729:2023

Đánh giá thiết bị điện và điện tử liên quan đến giới hạn phơi nhiễm lên người trong trường điện từ (0 Hz đến 300 GHz)
Số trang:40

TCVN 13730:2023

Đánh giá sự phù hợp của thiết bị điện và điện tử công suất thấp với các giới hạn cơ bản liên quan đến phơi nhiễm lên người trong trường điện từ (10 MHz đến 300 GHz)
Số trang:23

TCVN 13731:2023

Đánh giá dòng điện tiếp xúc liên quan đến phơi nhiễm lên người trong trường điện, trường từ và trường điện từ
Số trang:22

TCVN 13732-1:2023

Hệ thống tự động hóa và tích hợp. Tích hợp điều khiển quá trình nâng cao và khả năng tối ưu hóa hệ thống sản xuất. Phần 1: Khung và mô hình chức năng
Số trang:35

TCVN 13732-2:2023

Hệ thống tự động hóa và tích hợp. Tích hợp điều khiển quá trình nâng cao và khả năng tối ưu hóa hệ thống sản xuất. Phần 2: Mô hình hoạt động và trao đổi thông tin
Số trang:60

TCVN 13732-3:2023

Hệ thống tự động hóa và tích hợp. Tích hợp điều khiển quá trình nâng cao và khả năng tối ưu hóa hệ thống sản xuất. Phần 3: Kiểm tra
Số trang:32

TCVN 13733-1:2023

Hệ thống tự động hóa và tích hợp. Đánh giá hiệu suất năng lượng và

các yếu tố khác của hệ thống sản xuất có ảnh hưởng đến môi trường

Số trang:16

TCVN 13733-2:2023

Hệ thống tự động hóa và tích hợp. Đánh giá hiệu suất năng lượng và các yếu tố khác của hệ thống sản xuất có ảnh hưởng đến môi trường. Phần 2: Quá trình đánh giá hiệu quả môi trường
Số trang:18

TCVN 13733-3:2023

Hệ thống tự động hóa và tích hợp. Đánh giá hiệu suất năng lượng và các yếu tố khác của hệ thống sản xuất có ảnh hưởng đến môi trường. Phần 3: Quá trình tổng hợp dữ liệu đánh giá hiệu quả môi trường
Số trang:16

TCVN 13733-5:2023

Hệ thống tự động hóa và tích hợp. Đánh giá hiệu suất năng lượng và các yếu tố khác của hệ thống sản xuất có ảnh hưởng đến môi trường. Phần 1: Dữ liệu đánh giá hiệu quả môi trường
Số trang:74

TCVN 13755-1:2023

Hệ thống hoán đổi ắc quy xe điện. Phần 1: Yêu cầu chung và hướng dẫn
Số trang:29

TCVN 13755-2:2023

Hệ thống hoán đổi ắc quy xe điện. Phần 2: Yêu cầu an toàn
Số trang:29

TCVN 13809-1:2023

Công nghệ thông tin. Tính toán mây. Phần 1: Từ vựng
Số trang:24

TCVN 13810:2023

Công nghệ thông tin. Tính toán mây. Hướng dẫn xây dựng chính sách
Số trang:44

TCVN 13811:2023

Công nghệ thông tin. Tính toán mây. Các công nghệ và kỹ thuật phổ biến
Số trang:68

TCVN 13812:2023

Internet vạn vật. Từ vựng
Số trang:13

TCVN 13813-1:2023

Internet vạn vật. Tính liên tác cho các hệ thống iot. Phần 1: Khung
Số trang:20

TCVN 13813-2:2023

Internet vạn vật. Tính liên tác cho các hệ thống IOT. Phần 2: Tính liên tác vận chuyển
Số trang:18

TCVN 13861:2023

Gối chôm cầu. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
Số trang:33

TCVN 13875:2023

Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm. Định lượng nhanh ESCHERICHIA COLI và COLIFORM bằng phương pháp sử dụng đĩa COMPACT DRY EC
Số trang:28

TCVN 13876:2023

Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm. Định lượng nhanh nấm men và nấm mốc bằng phương pháp sử dụng đĩa CPMPACT DRY YMR
Số trang:13

TCVN 13904-1:2023

Phúc lợi động vật. Vận chuyển. Phần 1: Trâu, bò
Số trang:25

TCVN 13926:2023

Phòng cháy chữa cháy. Hệ thống chữa cháy đóng gói (PACKAGE)
Số trang:26

TCVN 13927:2023

Phòng cháy chữa cháy. Phương tiện bảo vệ cá nhân. Dây cứu nạn, cứu hộ có độ giãn thấp
Số trang:10

TCVN 7568-29:2023

Hệ thống báo cháy. Phần 29: Đầu báo cháy video
Số trang:86

TCVN 8400-56:2023

Bệnh động vật. Quy trình chẩn đoán. Phần 56: Bệnh tụ huyết trùng ở lợn, trâu, bò, gia cầm
Số trang:55

Thay thế:TCVN 8400-14:2011, TCVN 8400-31:2015

TCVN 8710-26:2023

Bệnh thủy sản. Quy trình chẩn đoán. Phần 26: Bệnh hoại tử cơ quan tạo máu do EHNV ở cá
Số trang:23

TCVN 8710-27:2023

Bệnh thủy sản. Quy trình chẩn đoán. Phần 27: Bệnh do vi rút TILAPIA LAKE (TILV) ở cá rô phi
Số trang:25

TCVN 8710-28:2023

Bệnh thủy sản. Quy trình chẩn đoán. Phần 28: Bệnh do RSIV ở cá biển

Số trang:29

TCVN 8710-5:2023

Bệnh thủy sản. Quy trình chẩn đoán. Phần 5: Hội chứng TAURA ở tôm

Số trang:30

Thay thế:TCVN 8710-5:2011

TCVN 8710-8:2023

Bệnh thủy sản. Quy trình chẩn đoán. Phần 8: Bệnh hoại tử cơ ở tôm (IMNV)

Số trang:30

Thay thế:TCVN 8710-8:2012

TCVN I-1:2017

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc. Phần 1: Phương pháp kiểm nghiệm thuốc

Số trang:844

TCVN I-2:2017

Bộ Tiêu chuẩn quốc gia về thuốc. Phần 2: Nguyên liệu hóa dược

Số trang:958

TCVN I-3:2017

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc. Phần 3: Thành phẩm hóa dược

Số trang:530

TCVN I-4:2017

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc. Phần 4: Dược liệu và thuốc từ dược liệu

Số trang:734

TCVN I-5:2017

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc. Phần 5: Vắc xin và sinh phẩm y tế

Số trang:80

TCVN ISO 50003:2023

Hệ thống quản lý năng lượng. Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá, chứng nhận hệ thống quản lý năng lượng

Số trang:44

Thay thế:TCVN ISO 50003:2015

TCVN ISO/IEC 17030:2023

Đánh giá sự phù hợp. Yêu cầu chung về dấu phù hợp của bên thứ ba

Số trang:14

Thay thế:TCVN ISO/IEC

17030:2011

TCVN ISO/IEC TR 17032:2023

Đánh giá sự phù hợp. Hướng dẫn và ví dụ về chương trình chứng nhận quá trình

Số trang:47

TCVN ISO/IEC TS 17021-8:2023

Đánh giá sự phù hợp. Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý. Phần 8: Yêu cầu về năng lực đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý phát triển bền vững cho cộng đồng

Số trang:13

TCVN ISO/TS 17033:2023

Công bố về khía cạnh đạo đức và thông tin hỗ trợ. Nguyên tắc và yêu cầu

Số trang:24

TCVN VI:2017

Bộ tiêu chuẩn quốc gia về thuốc

Số trang:232

❖ **TIÊU CHUẨN ISO**

ISO/TS 7013:2023

Water quality
Guidance and requirements for designing an interlaboratory trial for validation of analytical methods

Pages: 8

ISO/TS 56010:2023

Innovation management
Illustrative examples of ISO 56000

Pages: 15

ISO/TS 5569:2023

Health informatics
Conceptual data model for Chinese medicinal herbs

Pages: 10

ISO/TS 5387:2023

Nanotechnologies
Lung burden mass measurement of nanomaterials for inhalation toxicity tests

Pages: 25

ISO/TS 5044:2023

Health informatics
Information model for quality control of traditional Chinese medicinal products

Pages: 10

ISO/TS 4985:2023

Milk and milk products
Determination of alkaline phosphatase activity
Fluorimetric microplate method

Pages: 21

ISO/TS 44006:2023

Collaborative business relationship management
Guidelines for university-business collaboration

Pages: 16

ISO/TS 37008:2023

Internal investigations of organizations
Guidance

Pages: 24

ISO/TS 32005:2023

Document management
Portable Document Format PDF 1.7 and 2.0 structure namespace inclusion in ISO 32000-2

Pages: 40

ISO/TS 31050:2023

Risk management
Guidelines for managing an emerging risk to enhance resilience

Pages: 34

ISO/TS 24672:2023

Nanotechnologies
Guidance on the measurement of nanoparticle number concentration

Pages: 50

ISO/TS 24665:2023

Playground and recreational areas

Framework for the competence of playground inspectors and playground maintenance technicians

Pages: 23

ISO/TS 24217-1:2023

Fine bubble technology
Guideline for indicating benefits
Part 1: Requirements for systematic classification of effective functions of fine bubbles

Pages: 12

ISO/TS 23877-1:2023

Petroleum and related products from natural or synthetic sources
Determination of pour point

Part 1: Automated step-wise cooling method

Pages: 10

ISO/TS 23690:2023

Nanotechnologies

Multiwall carbon nanotubes

Determination of carbon impurity content by thermogravimetric analysis

Pages: 21

ISO/TS 23526:2023

Security aspects for digital currencies

Pages: 14

ISO/TS 23357:2023

Genomics informatics

Clinical genomics data sharing specification for next-generation sequencing

Pages: 14

ISO/TS 21957:2023

Road vehicles

Visibility

Specifications and test procedures for head-up displays (HUD)

Pages: 76

ISO/TS 21030:2023

Educational organizations

Requirements for bodies providing audit and certification of educational organizations' management systems

Pages: 22

ISO/TS 20917:2023

Fertilizers, soil conditioners and beneficial substances

Determination of ammonium citrate, disodium-EDTA soluble phosphorus and potassium by ICP-OES in inorganic fertilizers

Pages: 26

ISO/TS 16943:2023

Thermoplastic pipes for the conveyance of fluids

Inspection of polyethylene electrofusion socket joints using phased array ultrasonic testing

Pages: 25

Replaces: ISO/TS 16943:2019

ISO/TS 11796:2023

Biological evaluation of medical devices

Requirements for interlaboratory studies to demonstrate the applicability of validated in vitro

methods to assess the skin sensitization of medical devices

Pages: 34

ISO/TS 11686:2023

Connectors for fluid power and general use

Assembly instructions for connectors with adjustable stud ends and O-ring sealing

Pages: 10

ISO/TR 7179:2023

Service excellence

Practices for achieving service excellence

Pages: 37

ISO/TR 3151-1:2023

Visualization elements of PLM-MES interface

Part 1: Overview

Pages: 29

ISO/TR 27925:2023

Carbon dioxide capture, transportation and geological storage

Cross cutting issues

Flow assurance

Pages: v52

ISO/TR 24679-5:2023

Fire safety engineering

Performance of structures in fire

Part 5: Example of a timber building in Canada

Pages: 66

ISO/TR 24666:2023

Sports and recreational facilities

Probes for

entrapment/entanglement on playground equipment

Collection of data

Pages: 27

Replaces: ISO/TR 24666:2022

ISO/TR 24419-2:2023

Mine closure and reclamation – Managing mining legacies

Part 2: Case studies and bibliography

Pages: 44

ISO/TR 24317:2023

Intelligent transport systems

Mobility integration

Mobility integration needs for vulnerable users and light modes of transport

Pages: 25

ISO/TR 22707:2023

Sludge recovery, recycling, treatment and disposal

Information on the processes and technologies for inorganic substance and nutrient recovery

Pages: 39

ISO/TR 20123:2023

Automation systems and integration

Industrial data

Nuclear digital ecosystem specifications

Pages: 87

ISO/TR 16610-32:2023

Geometrical product specifications (GPS)

Filtration

Part 32: Robust profile filters:

Spline filters

Pages: 14

Replaces: ISO/TS 16610-32:2009

ISO/TR 16340:2023

Application of blockchain-based traceability platform for cold chain food

Pages: 11

ISO/TR 16203:2023

Overview of methods available for particle-free erosion corrosion testing in flowing liquids

Pages: 14

Replaces: ISO/TR 16203:2016

ISO/TR 15377:2023

Measurement of fluid flow by means of pressure-differential devices

Guidelines for the specification of orifice plates, nozzles and Venturi tubes beyond the scope of ISO

5167 series

Pages: 31

Replaces: ISO/TR 15377:2018

ISO/TR 14644-21:2023

Cleanrooms and associated controlled environments

Part 21: Airborne particle sampling techniques

Pages: 26

ISO/TR 12770:2023

Intelligent transport systems

Mobility integration

ITS data aggregation role and functional model

Pages: 11

ISO/TR 12767:2023

Measurement of fluid flow by means of pressure differential devices
Guidelines on the effect of departure from the specifications and operating conditions given in ISO 5167

Pages: 35

ISO/SAE DIS 12906

Road vehicles
Test procedures for electrical vehicles to determine charging performance

Pages: 18

ISO/PAS 7020:2023

Sizing parameters of surgical valve prostheses: Requirements regarding the application of ISO 5840-2

Pages: 10

ISO/PAS 20708:2023

Recreational diving services
Requirements for artificial open water sites

Pages: 2

ISO/PAS 18940-1:2023

Orthotics
Method for testing the reliability of microprocessor-controlled ankle moment units of ankle-foot orthoses

Pages: 15

ISO/IEC/IEEE 24748-6:2023

Milk and milk products
Determination of alkaline phosphatase activity
Fluorimetric microplate method

Pages: 21

ISO/IEC/IEEE 23026:2023

Systems and software engineering
Engineering and management of websites for systems, software and services information

Pages: 57

ISO/IEC TS 5147:2023

Information technology
Computer graphics, image processing and environmental data representation
Guidelines for representation and visualization of smart cities

Pages: 34

ISO/IEC TS 27560:2023

Privacy technologies

Consent record information structure

Pages: 52

ISO/IEC TR 6114:2023

Cybersecurity
Security considerations throughout the product life cycle

Pages: 44

ISO/IEC TR 30172:2023

Internet of things (IoT)
Digital twin
Use cases

Pages: 171

ISO/IEC 5087-1:2023

Information technology
City data model
Part 1: Foundation level concepts

Pages: 50

ISO/IEC 5021-2:2023

Telecommunications and information exchange between systems
Wireless LAN access control
Part 2: Dispatching platform

Pages: 10

ISO/IEC 4922-1:2023

Information security
Secure multiparty computation
Part 1: General

Pages: 10

ISO/IEC 3721:2023

Information technology
Computer graphics, image processing and environmental data representation —
Information model for mixed and augmented reality content
Core objects and attributes

Pages: 29

❖ **TIÊU CHUẨN IEC****IEC 61097-12:1996****+AMD1:2017 CSV**

Global maritime distress and safety system (GMDSS) - Part 12: Survival craft portable two-way VHF radiotelephone apparatus - Operational and performance requirements, methods of testing and required test results

Pages: 142

IEC 61097-12:1996+**AMD1:2017 CSV/COR1:2023**

Corrigendum 1 - Global maritime distress and safety system

(GMDSS) - Part 12: Survival craft portable two-way VHF radiotelephone apparatus - Operational and performance requirements, methods of testing and required test results

Pages: 1

IEC 61097-12:1996+

AMD1:2017+AMD2:2023 CSV
Global maritime distress and safety system (GMDSS) - Part 12: Survival craft portable two-way VHF radiotelephone apparatus - Operational and performance requirements, methods of testing and required test results

Pages: 146

IEC 61158-5-23:2023

Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 5-23: Application layer service definition - Type 23 elements

Pages: 246

IEC 61158-5-24:2023

Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 5-24: Application layer service definition - Type 24 elements

Pages: 207

IEC 61158-5-26:2023

Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 5-26: Application layer service definition - Type 26 elements

Pages: 236

IEC 61158-6-23:2023

Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 6-23: Application layer protocol specification - Type 23 elements

6 Pages: 18

IEC 61158-6-24:2023

Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 6-24: Application layer protocol specification - Type 24 elements

Pages: 300

IEC 61158-6-26:2023

Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 6-26:

Application layer protocol specification - Type 26 elements
Pages: 422

IEC 61158-6-2:2023

Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 6-2: Application layer protocol specification - Type 2 elements
Pages: 612

IEC 61158-6-4:2023

Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 6-4: Application layer protocol specification - Type 4 elements
Pages: 87

IEC 61300-2-6:2023

Fibre optic interconnecting devices and passive components - Basic test and measurement procedures - Part 2-6: Tests - Tensile strength of coupling mechanism
Pages: 20

IEC 61300-2-6:2023 RLV

Fibre optic interconnecting devices and passive components - Basic test and measurement procedures - Part 2-6: Tests - Tensile strength of coupling mechanism
Pages: 31

IEC 61300-2-11:2023

Fibre optic interconnecting devices and passive components - Basic test and measurement procedures - Part 2-11: Tests - Axial compression
Pages: 17

IEC 61300-2-11:2023 RLV

Fibre optic interconnecting devices and passive components - Basic test and measurement procedures - Part 2-11: Tests - Axial compression
Pages: 27

IEC 60404-8-3:2023

Magnetic materials - Part 8-3: Specifications for individual materials - Cold-rolled non-oriented electrical steel strip and sheet delivered in the semi-processed state
Pages: 45

IEC GUIDE 121:2023

Securing credible environmentally relevant performance assessment methods in standards
ACEA

Pages: 48

IEC TR 63475:2023

Overview of Universal Archival Disk Format (UADF)
Pages: 15

IEC TR 63478-1:2023

User's Quality of Experience on Multimedia Conferencing Services - Part 1: General
Pages: 20

IEC TR 63479-1:2023

Infotainment Services for Public Vehicles (PVIS) - Part 1: General
Pages: 22

IEC TS 62351-100-4:2023

Power systems management and associated information exchange - Data and communication security - Part 100-4: Cybersecurity conformance testing for IEC 62351-4
Pages: 109

ISO/IEC 20243-1:2023

Information technology - Open Trusted Technology Provider™ Standard (O-TTPS) - Part 1: Requirements and recommendations for mitigating maliciously tainted and counterfeit products
Pages: 31

ISO/IEC 20243-2:2023

Information technology - Open Trusted Technology Provider™ Standard (O-TTPS) - Part 2: Assessment procedures for the O-TTPS
Pages: 50

ISO/IEC 25019:2023

Systems and software engineering - Systems and software Quality Requirements and Evaluation (SQuARE) - Quality-in-use model
Pages: 31

ISO/IEC 27402:2023

Cybersecurity - IoT security and privacy - Device baseline requirements
Pages: 16

IEC TS 60079-44:2023

Explosive atmospheres - Part 44: Personal competence
Pages: 29

IEC TS 60079-48:2023

Explosive atmospheres - Part 48 - Portable or Personal Electronic Equipment - Guide for the use of equipment without a certificate for use in Hazardous Areas
Pages: 15

IEC TS 62786-1:2023

Distributed energy resources connection with the grid - Part 1: General requirements
Pages: 47

IEC TS 62786-3:2023

Distributed energy resources connection with the grid - Part 3: Additional requirements for stationary battery energy storage system
Pages: 24

IEC 60071-11:2022

Insulation co-ordination - Part 11 : Definitions, principles and rules for HVDC system
Pages: 77

IEC 60071-11:2022/ COR1:2023

Corrigendum 1 - Insulation co-ordination - Part 11 : Definitions, principles and rules for HVDC system
Pages: 2

IEC 61851-1:2017

Electric vehicle conductive charging system - Part 1: General requirements
Pages: 287

IEC 61851-1:2017/ COR1:2023

Corrigendum 1 - Electric vehicle conductive charging system - Part 1: General requirements
Pages: 6

IEC TS 61156-1-2:2023

Multicore and symmetrical pair/quad cables for digital communications - Part 1-2: Electrical transmission characteristics and test methods of symmetrical pair/quad cables
Pages: 74

IEC TS 63191:2023

Demand-side power quality management

Pages: 94

IEC 60268-24:2023

Sound system equipment - Part 24: Headphones and earphones - Active acoustic noise cancelling characteristics

Pages: 50

IEC 62506:2023

Methods for product accelerated testing

Pages: 190

IEC 62506:2023 CMV

Methods for product accelerated testing

Pages: 308

IEC 60079-17:2023

Explosive atmospheres - Part 17: Electrical installations inspection and maintenance

Pages: 95

IEC 60079-17:2023 RLV

Explosive atmospheres - Part 17: Electrical installations inspection and maintenance

Pages: 144

ISO/IEC 27033-7:2023

Information technology - Network security - Part 7: Guidelines for network virtualization security

Pages: 23

ISO/IEC TS 20000-14:2023

Information technology - Service management - Part 14: Guidance on the application of Service Integration and Management to ISO/IEC 20000-1

Pages: 30

ISO/IEC TS 9569:2023

Information security, cybersecurity and privacy protection - Evaluation criteria for IT security - Patch Management Extension for the ISO/IEC 15408 series and ISO/IEC 18045

Pages: 36

IEC 62561-5:2023

Lightning protection system components (LPSC) - Part 5: Requirements for earth electrode inspection housings and earth electrode seals

Pages: 37

IEC 62561-5:2023 RLV

Lightning protection system components (LPSC) - Part 5: Requirements for earth electrode inspection housings and earth electrode seals

Pages: 57

IEC 60335-2-109-EXV-RLV:2023

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-109: Particular requirements for UV radiation water treatment appliances

Pages: 305

IEC 60335-2-109:2023

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-109: Particular requirements for UV radiation water treatment appliances

Pages: 39

IEC 60335-2-109:2023 EXV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-109: Particular requirements for UV radiation water treatment appliances

Pages: 249

IEC 60335-2-109:2023 RLV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-109: Particular requirements for UV radiation water treatment appliances

Pages: 56

IEC 60335-2-122:2023

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 122: Particular requirements for commercial washing machines

Pages: 76

IEC 60335-2-122:2023 EXV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 122: Particular requirements for commercial washing machines

Pages: 303

IEC 60335-2-4-EXV-RLV:2023

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-4: Particular requirements for spin

extractors

Pages: 327

IEC 60335-2-4:2023

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-4: Particular requirements for spin extractors

Pages: 47

IEC 60335-2-4:2023 EXV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-4: Particular requirements for spin extractors

259

IEC 60335-2-4:2023 RLV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-4: Particular requirements for spin extractors

Pages: 68

IEC 60335-2-98-EXV-RLV:2023

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-98: Particular requirements for humidifiers

Pages: 319

IEC 60335-2-98:2023

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-98: Particular requirements for humidifiers

Pages: 43

IEC 60335-2-98:2023 EXV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-98: Particular requirements for humidifiers

Pages: 255

IEC 60335-2-98:2023 RLV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-98: Particular requirements for humidifiers

Pages: 64

IEC 60938-2-1:2023

Fixed inductors for electromagnetic interference suppression - Part 2-1: Blank detail specification - Inductors for which safety tests are required

Pages: 34

IEC 61158-6-10:2023

Industrial communication networks - Fieldbus specifications - Part 6-10: Application layer protocol

specification - Type 10 elements
Pages: 2434

IEC 62386-306:2023

Digital addressable lighting interface - Part 306: Particular requirements - Input devices - General purpose sensor
Pages: 79

IEC TR 62899-304-1:2023

Printed electronics - Part 304-1: Equipment - Sintering - Temperature measurement method for photonic sintering system
Pages: 16

IEC TR 63447-1:2023

Form factor of smart mobile devices - Part 1: Impact on multimedia services
Pages: 17

IEC 60034-27-2:2023

Rotating electrical machines - Part 27-2: On-line partial discharge measurements on the stator winding insulation
Pages: 140

IEC 60884-1:2022

Plugs and socket-outlets for household and similar purposes - Part 1: General requirements
Pages: 410

IEC 62548-1:2023

Photovoltaic (PV) arrays - Part 1: Design requirements
Pages: 104

IEC 63365:2022

Industrial process measurement, control and automation - Digital nameplate
Pages: 43

ISO/IEC TS 17021-15:2023

Conformity assessment requirements for bodies providing audit and certification of management systems - Part 15: Competence requirements for auditing and certification of management systems for quality in healthcare organizations
Pages: 5

IEC 60567:2023

Oil-filled electrical equipment - Sampling of free gases and analysis of free and dissolved gases in mineral oils and other

insulating liquids – Guidance
Pages: 128

IEC 60567:2023 CMV

Oil-filled electrical equipment - Sampling of free gases and analysis of free and dissolved gases in mineral oils and other insulating liquids – Guidance
Pages: 128

IEC 63296-2:2023

Portable multimedia equipment - Determination of battery duration - Part 2: Headphones and earphones with active noise-cancelling functions
Pages: 25

IEC 60228:2023

Conductors of insulated cables
Pages: 45

IEC 60228:2023 CMV

Conductors of insulated cables
Pages: 70

IEC 62056-6-1:2023

Electricity metering data exchange - The DLMS®/COSEM suite - Part 6-1: Object Identification System (OBIS)
Pages: 87

IEC 62056-6-1:2023 RLV

Electricity metering data exchange - The DLMS®/COSEM suite - Part 6-1: Object Identification System (OBIS)
Pages: 133

ISO/IEC 13818-1:2023

Information technology - Generic coding of moving pictures and associated audio information - Part 1: Systems
Pages: 324

ISO/IEC 18092:2023

Telecommunications and information exchange between systems - Near Field Communication Interface and Protocol 1 (NFCIP-1)
Pages: 46

ISO/IEC 18477-3:2023

Information technology - Scalable compression and coding of continuous-tone still images - Part 3: Box file format
Pages: 44

ISO/IEC 19763-12:2015/AMD1:2023

Amendment 1 - Information technology - Metamodel framework for interoperability (MFI) - Part 12: Metamodel for information model registration
Pages: 2

ISO/IEC 19763-16:2021/AMD1:2023

Amendment 1 - Information technology - Metamodel framework for interoperability (MFI) - Part 16: Metamodel for document model registration
Pages: 3

ISO/IEC 23917:2023

Telecommunications and information exchange between systems - Near Field Communication Interface and Protocol 1 (NFCIP-1) - Protocol test methods
Pages: 48

ISO/IEC 4396-1:2023

Telecommunications and information exchange between systems - Recursive inter-network architecture - Part 1: Reference model
Pages: 39

ISO/IEC 4396-2:2023

Telecommunications and information exchange between systems - Recursive inter-network architecture - Part 2: Common application connection establishment procedure
Pages: 13

ISO/IEC 4396-3:2023

Telecommunications and information exchange between systems - Recursive inter-network architecture - Part 3: Common distributed application protocol
Pages: 44

ISO/IEC 4396-4:2023

Telecommunications and information exchange between systems - Recursive inter-network architecture - Part 4: Complete enrolment procedures
Pages: 3

ISO/IEC 4396-5:2023

Telecommunications and information exchange between systems - Recursive inter-

network architecture - Part 5:
Incremental enrolment
procedures
Pages: 3

ISO/IEC 4396-6:2023

Telecommunications and
information exchange between
systems - Recursive inter-
network architecture - Part 6:
RINA data transfer service

Pages: 14

ISO/IEC 4396-7:2023

Telecommunications and
information exchange between
systems - Recursive inter-
network architecture - Part 7:
Flow allocator

Pages: 10

ISO/IEC 4396-8:2023

Telecommunications and
information exchange between
systems - Recursive inter-
network architecture - Part 8:
RINA general delimiting
procedures

Pages: 4

ISO/IEC 4396-9:2023

Telecommunications and
information exchange between
systems - Recursive inter-
network architecture - Part 9:
Error and flow control protocol

Pages: 31

IEC 60793-1-44:2023

Optical fibres - Part 1-44:
Measurement methods and test
procedures - Cut-off wavelength

Pages: 55

IEC 61851-23:2023

Electric vehicle conductive
charging system - Part 23: DC
electric vehicle supply equipment

Pages: 383

IEC 61851-24:2023

Electric vehicle conductive
charging system - Part 24: Digital
communication between a DC EV
supply equipment and an electric
vehicle for control of DC charging

Pages: 105

IEC 62386-104:2019

+AMD1:2023 CSV

Digital addressable lighting
interface - Part 104: General
requirements - Wireless and
alternative wired system

components

Pages: 208

IEC 62386-104:2019/

AMD1:2023

Amendment 1 - Digital
addressable lighting interface -
Part 104: General requirements -
Wireless and alternative wired
system components

Pages: 6

IEC 62977-2-11:2023

Electronic displays - Part 2-11:
Measurement of optical
characteristics - Local luminance
and uniformity

Pages: 20

IEC 60143-4:2023

Series capacitors for power
systems - Part 4: Thyristor
controlled series capacitors

Pages: 88

IEC 60335-2-51-EXV-CMV:2023

Household and similar electrical
appliances - Safety - Part 2-51:
Particular requirements for
stationary circulation pumps for
heating and service water
installations

Pages: 286

IEC 60335-2-51:2023

Household and similar electrical
appliances - Safety - Part 2-51:
Particular requirements for
stationary circulation pumps for
heating and service water
installations

Pages: 30

IEC 60335-2-51:2023 CMV

Household and similar electrical
appliances - Safety - Part 2-51:
Particular requirements for
stationary circulation pumps for
heating and service water
installations

Pages: 47

IEC 60335-2-51:2023 EXV

Household and similar electrical
appliances - Safety - Part 2-51:
Particular requirements for
stationary circulation pumps for
heating and service water
installations

Pages: 239

IEC 60335-2-60-EXV-CMV:2023

Household and similar electrical
appliances - Safety - Part 2-60:

Particular requirements for
whirlpool baths and whirlpool
spas

Pages: 330

IEC 60335-2-60:2023

Household and similar electrical
appliances - Safety - Part 2-60:
Particular requirements for
whirlpool baths and whirlpool
spas

Pages: 45

IEC 60335-2-60:2023 CMV

Household and similar electrical
appliances - Safety - Part 2-60:
Particular requirements for
whirlpool baths and whirlpool
spas

Pages: 71

IEC 60335-2-60:2023 EXV

Household and similar electrical
appliances - Safety - Part 2-60:
Particular requirements for
whirlpool baths and whirlpool
spas

Pages: 259

IEC 60335-2-65-EXV-CMV:2023

Household and similar electrical
appliances - Safety - Part 2-65:
Particular requirements for air-
cleaning appliances

Pages: 309

IEC 60335-2-65:2023

Household and similar electrical
appliances - Safety - Part 2-65:
Particular requirements for air-
cleaning appliances

Pages: 38

IEC 60335-2-65:2023 CMV

Household and similar electrical
appliances - Safety - Part 2-65:
Particular requirements for air-
cleaning appliances

Pages: 61

IEC 60335-2-65:2023 EXV

Household and similar electrical
appliances - Safety - Part 2-65:
Particular requirements for air-
cleaning appliances

Pages: 248

IEC 60704-2-2-EXV-RLV:2023

Household and similar electrical
appliances - Test code for the
determination of airborne
acoustical noise - Part 2-2:
Particular requirements for fan

heaters

Pages: 98

IEC 60704-2-2:2023

Household and similar electrical appliances - Test code for the determination of airborne acoustical noise - Part 2-2: Particular requirements for fan heaters

Pages: 25

IEC 60704-2-2:2023 EXV

Household and similar electrical appliances - Test code for the determination of airborne acoustical noise - Part 2-2: Particular requirements for fan heaters

Pages: 58

IEC 60704-2-2:2023 RLV

Household and similar electrical appliances - Test code for the determination of airborne acoustical noise - Part 2-2: Particular requirements for fan heaters

Pages: 40

IEC 61557-9:2023

Electrical safety in low voltage distribution systems up to 1 000 V AC and 1 500 V DC - Equipment for testing, measuring or monitoring of protective measures - Part 9: Equipment for insulation fault location in IT systems

Pages: 66

IEC 61557-9:2023 CMV

Electrical safety in low voltage distribution systems up to 1 000 V AC and 1 500 V DC - Equipment for testing, measuring or monitoring of protective measures - Part 9: Equipment for insulation fault location in IT systems

Pages: 109

IEC 62343-1:2019+AMD1:2023 CSV

Dynamic modules - Part 1: Performance standards - General conditions

Pages: 34

IEC 62343-1:2019/AMD1:2023

Amendment 1 - Dynamic modules - Part 1: Performance standards - General conditions

Pages: 5

IEC 62343-2-

1:2019+AMD1:2023 CSV

Dynamic modules - Part 2-1: Reliability qualification - Test template

Pages: 52

IEC 62343-2-

1:2019/AMD1:2023

Amendment 1 - Dynamic modules - Part 2-1: Reliability qualification - Test template

Pages: 5

IEC 63278-1:2023

Asset Administration Shell for industrial applications - Part 1: Asset Administration Shell structure

Pages: 148

IEC TR 63401-3:2023

Dynamic characteristics of inverter-based resources in bulk power systems - Part 3: Fast frequency response and frequency ride-through from inverter-based resources during severe frequency disturbances

Pages: 78

IEC TS 63471:2023

DC voltages for HVDC grids

Pages: 8

IEC 60115-4-10:2023

Fixed resistors for use in electronic equipment - Part 4-10: Blank detail specification: Power resistors with axial leads for through-hole assembly on circuit boards (THT), for general electronic equipment, classification level G

Pages: 47

IEC 60335-2-103-EXV-CMV:2023

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-103: Particular requirements for drives for gates, doors and windows

Pages: 635

IEC 60335-2-103:2023

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-103: Particular requirements for drives for gates, doors and windows

Pages: 149

IEC 60335-2-103:2023 CMV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-103: Particular requirements for drives for gates, doors and windows

Pages: 149

IEC 60335-2-103:2023 EXV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-103: Particular requirements for drives for gates, doors and windows

Pages: 411

IEC 60335-2-95-EXV-CMV:2023

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-95: Particular requirements for drives for vertically moving garage doors for residential use

Pages: 380

IEC 60335-2-95:2023

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-95: Particular requirements for drives for vertically moving garage doors for residential use

Pages: 65

IEC 60335-2-95:2023 CMV
Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-95: Particular requirements for drives for vertically moving garage doors for residential use

Pages: 96

IEC 60335-2-95:2023 EXV
Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-95: Particular requirements for drives for vertically moving garage doors for residential use

Pages: 284

IEC 60335-2-97-EXV-CMV:2023

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-97: Particular requirements for drives for shutters, awnings, blinds and similar equipment

Pages: 384

IEC 60335-2-97:2023

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-97: Particular requirements for drives for shutters, awnings, blinds and similar equipment
Pages: 61

IEC 60335-2-97:2023 CMV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-97: Particular requirements for drives for shutters, awnings, blinds and similar equipment
Pages: 93

IEC 60335-2-97:2023 EXV

Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-97: Particular requirements for drives for shutters, awnings, blinds and similar equipment
Pages: 281

IEC 60437:2023

Radio interference test on high-voltage insulators
Pages: 25

IEC 60437:2023 CMV

Radio interference test on high-voltage insulators
Pages: 41

IEC 62321-11:2023

Determination of certain substances in electrotechnical products - Part 11: Tris(2-chloroethyl) phosphate (TCEP) in plastics by gas chromatography-mass spectrometry (GC-MS) and liquid chromatography-mass spectrometry (LC-MS)
Pages: 73

IEC 62443-2-4:2023

Security for industrial automation and control systems - Part 2-4: Security program requirements for IACS service providers
Pages: 194

EC SRD 63320-1:2023

Smart city use case collection and analysis - Smart urban planning for smart cities - Part 1: High-level analysis
Pages: 84

IEC 61851-23:2023

Electric vehicle conductive charging system - Part 23: DC electric vehicle supply equipment
Pages: 383

ISO/IEC 15426-2:2023

Information technology - Automatic identification and data capture techniques - Bar code verifier conformance specification
Pages: 14

ISO/IEC 18041-5:2023

Computer graphics, image processing and environmental data representation - Environmental Data Coding Specification (EDCS) language bindings - Part 5: C++
Pages: 63

ISO/IEC 18974:2023

Information technology - OpenChain security assurance specification
Pages: 8

ISO/IEC 23090-20:2023

Information technology - Coded representation of immersive media - Part 20: Conformance testing for visual volumetric video-based coding (V3C) with video-based point cloud compression (V-PCC)
Pages: 31

ISO/IEC TS 22237-31:2023

Information technology - Data centre facilities and infrastructures - Part 31: Key performance indicators for resilience
Pages: 43

IEC 60749-5:2023

Semiconductor devices - Mechanical and climatic test methods - Part 5: Steady-state temperature humidity bias life test
Pages: 17

IEC 60749-5:2023 RLV

Semiconductor devices - Mechanical and climatic test methods - Part 5: Steady-state temperature humidity bias life test
Pages: 26

IEC 63013:2017+

AMD1:2021+AMD2:2023 CSV
LED packages - Long-term luminous, radiant and photon flux maintenance
Pages: 59

EC 63013:2017/AMD2:2023

Amendment 2 - LED packages - Long-term luminous, radiant and photon flux maintenance
Pages: 6

IEC 63278-1:2023

Asset Administration Shell for industrial applications - Part 1: Asset Administration Shell structure
Pages: 149

ISO 80601-2-55:2018/AMD1:2023

Amendment 1 - Medical electrical equipment - Part 2-55: Particular requirements for the basic safety and essential performance of respiratory gas monitors
Pages: 8

IEC 60601-2-35:2020

+AMD1:2023 CSV

Medical electrical equipment - Part 2-35: Particular requirements for the basic safety and essential performance of heating devices using blankets, pads or mattresses and intended for heating in medical use
Pages: 287

IEC 60601-2-35:2020/AMD1:2023

Amendment 1 - Medical electrical equipment - Part 2-35: Particular requirements for the basic safety and essential performance of heating devices using blankets, pads or mattresses and intended for heating in medical use
Pages: 13

❖ **TIÊU CHUẨN BS**

BS EN 1022:2023

Furniture. Seating. Determination of stability
Replace: BS EN 1022:2018

BS ISO 6011:2023

Earth-moving machinery. Visual display of machine operation

BS EN 1725:2023

Furniture. Beds. Requirements for safety, strength and durability
Replace: BS EN 1725:1998

BS EN 10305-3:2023

Steel tubes for precision applications. Technical delivery

conditions - Welded cold sized tubes

Replace: BS EN 10305-3:2016

BS EN 12521:2023

Furniture. Safety, strength and durability. Requirements for domestic tables

Replace: BS EN 12521:2015

BS EN 20-1:2023

Wood preservatives.

Determination of the protective effectiveness against *Lyctus brunneus* (Stephens) -

Application by surface treatment (laboratory method)

Replace: BS EN 20-1:1992

BS EN 20-2:2023

Wood preservatives.

Determination of the protective effectiveness against *Lyctus brunneus* (Stephens) -

Application by impregnation (Laboratory method)

BS EN 370:2023

Wood preservatives.,

Determination of eradicant efficacy in preventing emergence of *Anobium punctatum* (De Geer)

BS EN ISO 15189:2022

+A11:2023

Medical laboratories.

Requirements for quality and competence

Replace: BS EN ISO 22870:2016

BS ISO 3951-6:2023

Sampling procedures for

inspection by variables -

Specification for single sampling plans for isolated lot inspection indexed by limiting quality (LQ)

BS EN ISO 25119-1:2023

+A1:2023

Tractors and machinery for agriculture and forestry. Safety-related parts of control systems - General principles for design and development

Replace: BS EN 16590-1:2014

BS ISO 16478:2023

Thermal insulation products.

Vacuum insulation panels (VIPs). Specification

BS ISO 24438:2023

Ships and marine technology.

Maritime education and training.

Maritime career guidance

BS EN ISO 11929-4:2023

Determination of the characteristic limits (decision threshold, detection limit and limits of the coverage interval) for measurements of ionizing radiation. Fundamentals and application - Guidelines to applications

Replace: BS ISO 11929-4:2020

BS EN IEC 60335-2-110:2021 +A1:2023

Household and similar electrical appliances. Safety - Particular requirements for commercial microwave appliances with insertion or contacting applicators

BS EN IEC 62271-103:2023

High-voltage switchgear and controlgear - Alternating current switches for rated voltages above 1 kV up to and including 52 kV

Replace: BS EN 62271-103:2011

BS EN ISO 21909-1:2023

Passive neutron dosimetry systems - Performance and test requirements for personal dosimetry

BS EN IEC 62040-1:2019

+A1:2023

Uninterruptible power systems (UPS) - Safety requirements

Replace: BS EN 62040-1:2008+A1:2013

BS EN 13749:2021+A1:2023

Railway applications. Wheelsets and bogies. Method of specifying the structural requirements of bogie frames

Replace: BS EN 13749:2011

BS EN ISO 8529-1:2023

Neutron reference radiations fields - Characteristics and methods of production

BS ISO/IEC 20243-1:2023

Information technology. Open Trusted Technology

Provider™ Standard (O-TTPS) - Requirements and

recommendations for mitigating maliciously tainted and counterfeit products

Replace: BS ISO/IEC 20243-1:2018

BS ISO/IEC 20243-2:2023

Information technology. Open Trusted Technology

Provider™ Standard (O-TTPS) - Assessment procedures for the O-TTPS

BS EN IEC 60704-2-16:2019 +A12:2023

Household and similar electrical appliances. Test code for the determination of airborne acoustical noise - Particular requirements for washer-dryers

BS EN 9104-1:2023

Aerospace series. Quality management systems -

Requirements for Certification of aviation, space, and defense

Replace: BS EN 9104-001:2013

BS EN ISO 5580:2023

Non-destructive testing.

Industrial radiographic illuminators. Minimum requirements

BS EN 117:2023

Wood preservatives.

Determination of toxic values against *Reticulitermes* species (European termites) (Laboratory method)

Replace: BS EN 117:2012

BS EN ISO 23953-1:2023

Refrigerated display cabinets - Vocabulary

BS EN ISO/IEC 15408-2:2023

Information security, cybersecurity and privacy protection. Evaluation criteria for IT security - Security functional components

Replace: BS EN ISO/IEC 15408-2:2020

BS EN IEC 60335-2-51:2023 +A11:2023

Household and similar electrical appliances. Safety - Particular requirements for stationary circulation pumps for heating and service water installations

Replace: BS EN 60335-2-51:2003+A2:2012

BS ISO 5309:2023

Civil small and light unmanned aircraft systems (UAS). Vibration test methods

BS ISO/IEC 27033-7:2023

Information technology. Network security - Guidelines for network virtualization security

BS EN IEC 60601-2-50:2021 +A1:2023

Medical electrical equipment - Particular requirements for the basic safety and essential performance of infant phototherapy equipment
Replace: BS EN 60601-2-50:2009+A1:2016

BS ISO 7637-1:2023

Road vehicles. Electrical disturbances from conduction and coupling - Vocabulary and general considerations

BS ISO 9523:2023

Touring ski-boots for adults. Interface with touring ski-bindings. Requirements and test methods

Replace: BS ISO 9523:2019

BS ISO 4802-2:2023

Glassware. Hydrolytic resistance of the interior surfaces of glass containers - Determination by flame spectrometry and classification

Replace: BS ISO 4802-2:2016

BS ISO 21360-6:2023

Vacuum technology. Standard methods for measuring vacuum-pump performance - Cryogenic vacuum pumps

BS ISO 23629-9:2023

UAS traffic management (UTM) - Interface between UTM service providers and users

BS ISO 6334:2023

Thermal insulation products for building equipment and industrial installations. Expanded perlite products. Specification

BS EN 13485:2023

Thermometers for measuring the ambient or internal temperature for the transport, storage and distribution of temperature sensitive goods. Tests, performance, suitability

BS EN 13486:2023

Temperature recorders and thermometers for measuring the ambient or internal temperature for the transport, storage and

distribution of temperature sensitive goods. Periodic verification

BS EN ISO 16486-1:2023

Plastics piping systems for the supply of gaseous fuels. Unplasticized polyamide (PA-U) piping systems with fusion jointing and mechanical jointing - General

BS ISO 24487:2023

Graphic technology. Processless lithographic plates. Evaluation methods for characteristics and performance

BS ISO 4802-1:2023

Glassware — Hydrolytic resistance of the interior surfaces of glass containers -

Determination by titration method and classification

Replace: BS ISO 4802-1:2016

BS ISO/IEC 42001:2023

Information technology. Artificial intelligence. Management system

BS 7870-3.50:2023

LV and MV polymeric insulated cables for use by distribution and generation utilities - Distribution cables of rated voltage 0.6/1(1.2) kV. Specification - XLPE insulated, copper wire waveform or helical concentric cables with solid aluminium conductors, having low emission of smoke and corrosive gases when affected by fire (Implementation of HD 603)
Replace: BS 7870-3.50:2011

❖ TIÊU CHUẨN ASTM

ASTM C1279-23

Standard Test Method for Non-Destructive Photoelastic Measurement of Edge and Surface Stresses in Annealed, Heat-Strengthened, and Fully Tempered Flat Glass

Pages: 11

Replace:

ASTM C1279-13(2019)

ASTM E2475-23

Standard Guide for Process Understanding Related to Pharmaceutical Manufacture and Control

Pages: 7

Replace:

ASTM E2475-10(2016)

ASTM A6/A6M-23

Standard Specification for General Requirements for Rolled Structural Steel Bars, Plates, Shapes, and Sheet Piling

Pages: 64

Replace: ASTM A6/A6M-22

ASTM B478-23

Standard Test Method for Cross Curvature of Thermostat Metals

Pages: 3

Replace:

ASTM B478-85(2016)

ASTM D7677-16(2023)

Standard Test Method for the Continuous Measurement of Dissolved Ozone in Low Conductivity Water

Pages: 5

Replace: ASTM D7677-16

ASTM D1291-17(2023)

Standard Practice for Estimation of Chlorine Demand of Water

Pages: 4

Replace: ASTM D1291-17

ASTM E740/E740M-23

Standard Practice for Fracture Testing with Surface-Crack Tension Specimens

Pages: 9

Replace:

ASTM E740/E740M-03(2016)

ASTM A724/A724M-09(2023)

Standard Specification for Pressure Vessel Plates, Carbon-Manganese-Silicon Steel, Quenched and Tempered, for Welded Pressure Vessels

Pages: 2

Replace:

ASTM A724/A724M-09(2018)

ASTM E1457-23

Standard Test Method for Measurement of Creep Crack Growth Times in Metals

Pages: 29

Replace: ASTM E1457-19e1

ASTM D7725-17(2023)

Standard Test Method for the Continuous Measurement of Turbidity Above 1 Turbidity Unit (TU)

Pages: 23

Replace: ASTM D7725-17
ASTM D6752/D6752M-23
 Standard Test Method for Bulk Specific Gravity and Density of Compacted Asphalt Mixtures Using Automatic Vacuum Sealing Method
 Pages: 4
 Replace:
 ASTM D6752/D6752M-18
ASTM D4531-23
 Standard Test Methods for Bulk and Dry Density of Peat and Peat Products
 Pages: 4
 Replace: ASTM D4531-15
ASTM D2973-23
 Standard Test Method for Total Nitrogen in Peat Materials
 Pages: 4
 Replace: ASTM D2973-22
ASTM E2680-23
 Standard Test Method for Appearance of Clear, Transparent Liquids (Visual Inspection Procedure)
 Pages: 3
 Replace: ASTM E2680-16
ASTM C29/C29M-23
 Standard Test Method for Bulk Density ("Unit Weight") and Voids in Aggregate
 Pages: 5
ASTM D7826-23b
 Standard Guide for Evaluation of New Aviation Gasolines and New Aviation Gasoline Additives
 Pages: 27
 Replace: ASTM D7826-23a
ASTM D5603-23
 Standard Classification for Rubber Compounding Materials—Recycled Vulcanizate Rubber
 Pages: 4
 Replace: ASTM D5603-19a
ASTM D7315-17(2023)
 Standard Test Method for Determination of Turbidity Above 1 Turbidity Unit (TU) in Static Mode
 Pages: 22
 Replace: ASTM D7315-17
ASTM D2887-23
 Standard Test Method for Boiling Range Distribution of Petroleum

Fractions by Gas Chromatography
 Pages: 35
 Replace: ASTM D2887-22e1
ASTM E1049-85(2023)
 Standard Practices for Cycle Counting in Fatigue Analysis
 Pages: 10
 Replace: ASTM E1049-85(2017)
ASTM D6519/D6519M-23
 Standard Practice for Sampling of Soil Using the Hydraulically Operated Stationary Piston Sampler
 Pages: 7
 Replace: ASTM D6519-15
ASTM B637-23
 Standard Specification for Precipitation-Hardening and Cold Worked Nickel Alloy Bars, Forgings, and Forging Stock for Moderate or High Temperature Service
 Pages: 7
 Replace: ASTM B637-18
ASTM D8139-23
 Standard Specification for Semi-Rigid, Closed-Cell Polypropylene Foam, Preformed Expansion Joint Fillers for Concrete Paving and Structural Construction
 Pages: 2
 Replace: ASTM D8139-17
ASTM D8512-23
 Standard Practice for Preliminary Karst Terrain Assessment for Site Development
 Pages: 7
ASTM D720/D720M-23
 Standard Test Method for Free-Swelling Index of Coal
 Pages: 6
 Replace:
 ASTM D720/D720M-22
ASTM D6390-23
 Standard Test Method for Determination of Draindown Characteristics in Uncompacted Asphalt Mixtures
 Pages: 3
 Replace:
 ASTM D6390-11(2017)
ASTM E1221-23
 Standard Test Method for Determining Plane-Strain Crack-

Arrest Fracture Toughness, K_{Ia}, of Ferritic Steels
 Pages: 20
 Replace:
 ASTM E1221-12A(2018)e1
ASTM D545-23
 Standard Test Methods for Preformed Expansion Joint Fillers for Concrete Construction (Nonextruding and Resilient Types)
 Pages: 7
 Replace: ASTM D545-19
ASTM D3319-23
 Standard Practice for the Accelerated Polishing of Aggregates Using the British Wheel
 Pages: 5
 Replace:
 ASTM D3319-11(2017)
ASTM D3080/D3080M-23
 Standard Test Method for Direct Shear Test of Soils Under Consolidated Drained Conditions
 Pages: 10
 Replace: ASTM D3080/D3080M-11
ASTM D7726-11(2023)
 Standard Guide for The Use of Various Turbidimeter Technologies for Measurement of Turbidity in Water
 Pages: 18
 Replace:
 ASTM D7726-11(2016)e1
ASTM D8539-23
 Standard Guide for Measurement of Polyolefin Properties Using TD-NMR Relaxometry
 Pages: 6
ASTM D6857/D6857M-23
 Standard Test Method for Maximum Specific Gravity and Density of Asphalt Mixtures Using Automatic Vacuum Sealing Method
 Pages: 5
 Replace: ASTM D6857/D6857M-18
ASTM D5884/D5884M-23
 Standard Test Method for Determining Tearing Strength of Internally Reinforced Geomembranes
 Pages: 4

Replace: ASTM D5884/D5884M-04A(2015)e1
ASTM D140/D140M-16(2023)
 Standard Practice for Sampling Asphalt Materials
 Pages: 6
 Replace:
 ASTM D140/D140M-16
ASTM D7676-23
 Standard Practice for Screening Organic Halides Contained in Hydrogen or Other Gaseous Fuels
 Pages: 3
 Replace: ASTM D7676-18
ASTM A1018/A1018M-23a
 Standard Specification for Steel, Sheet and Strip, Heavy-Thickness Coils, Hot-Rolled, Carbon, Commercial, Drawing, Structural, High-Strength Low-Alloy, High-Strength Low-Alloy with Improved Formability, and Ultra-High Strength
 Pages: 8
 Replace:
 ASTM A1018/A1018M-23
ASTM D3938-18(2023)
 Standard Guide for Determining or Confirming Care Instructions for Apparel and Other Textile Products
 Pages: 5
 Replace: ASTM D3938-18
ASTM F683-23a
 Standard Practice for Selection and Application of Thermal Insulation for Piping and Machinery
 Pages: 27
 Replace: ASTM F683-23
ASTM B317/B317M-23
 Standard Specification for Aluminum-Alloy Extruded Bar, Rod, Tube, Pipe, Structural Profiles, and Profiles for Electrical Purposes (Bus Conductor)
 Pages: 8
 Replace: ASTM B317/B317M-07(2015)e1
ASTM F3240-19(2023)
 Standard Practice for Installation of Seamless Molded Hydrophilic Gaskets (SMHG) for Long-Term Watertightness of Cured-in-Place

Rehabilitation of Main and Lateral Pipelines
 Pages: 7
 Replace: ASTM F3240-19e1
ASTM E3027-23
 Standard Guide for Making Sustainability-Related Chemical Selection Decisions in the Life-Cycle of Products
 Pages: 7
 Replace: ASTM E3027-18a
ASTM C1225-23
 Standard Specification for Fiber-Cement Roofing Shingles, Shakes, and Slates
 Pages: 3
 Replace:
 ASTM C1225-08(2016)e1
ASTM A1069/A1069M-23
 Standard Specification for Stainless Steel Laser and Laser Hybrid Welded Bars, Plates, Sharp-Cornered Profile (SCP), and Built-up Shapes
 Pages: 9
 Replace:
 ASTM A1069/A1069M-19
ASTM E1686-23
 Standard Guide for Applying Environmental Noise Measurement Methods and Criteria
 Pages: 14
 Replace: ASTM E1686-16
ASTM D1321-23
 Standard Test Method for Needle Penetration of Petroleum Waxes
 Pages: 5
 Replace: ASTM D1321-16a
ASTM B650-23
 Standard Specification for Electrodeposited Engineering Chromium Coatings on Ferrous Substrates
 Pages: 5
 Replace: ASTM B650-95(2023)
ASTM C1185-23
 Standard Test Methods for Sampling and Testing Fiber-Cement Flat Sheet, Roofing and Siding Shingles, and Clapboards
 Pages: 9
 Replace:
 ASTM C1185-08(2016)e1
ASTM C1530/C1530M-23

Standard Specification for Fiber-Cement Roofing Shingles, Shingles, and Slates with Designed Varying Profiles and Thicknesses
 Pages: 4
 Replace:
 ASTM C1530/C1530M-04(2019)e1
ASTM C1565-23
 Standard Test Method for Determination of Pack-Set Index of Portland and Blended Hydraulic Cements
 Pages: 5
 Replace: ASTM C1565-19
ASTM E2810-23
 Standard Practice for Demonstrating Capability to Comply with the Test for Uniformity of Dosage Units
 Pages: 20
 Replace: ASTM E2810-19
ASTM E1750-23
 Standard Guide for Use of Water Triple Point Cells
 Pages: 8
 Replace:
 ASTM E1750-10(2016)
ASTM D999-08(2023)
 Standard Test Methods for Vibration Testing of Shipping Containers
 Pages: 6
 Replace:
 ASTM D999-08(2015)
ASTM C1459-23
 Standard Specification for Performance of Non-Asbestos Fiber-Reinforced Cement Shake, Shingle, and Slate Roofing Systems
 Pages: 4
 Replace:
 ASTM C1459-04(2019)e1
ASTM D822-23
 Standard Practice for Filtered Open-Flame Carbon-Arc Exposures of Paint and Related Coatings
 Pages: 6
 Replace:
 ASTM D822/D822M-13(2018)
ASTM C1797-23a
 Standard Specification for Ground Calcium Carbonate and

Aggregate Mineral Fillers for use in Hydraulic Cement Concrete

Pages: 7

Replace: ASTM C1797-23

ASTM C1288-23

Standard Specification for Fiber-Cement Interior Substrate Sheets

Pages: 4

Replace: ASTM C1288-17e1

ASTM F1562-23

Standard Guide for Use-Oriented Foreign Language Instruction

Pages: 7

Replace: ASTM F1562-14

ASTM C1105-23

Standard Test Method for Length Change of Concrete Due to Alkali-Carbonate Rock Reaction

Pages: 5

Replace:

ASTM C1105-08a(2016)

ASTM E2214-23

Standard Practice for Specifying and Verifying the Performance of Color-Measuring Instruments

Pages: 10

Replace: ASTM E2214-20

ASTM C39/C39M-23

Standard Test Method for Compressive Strength of Cylindrical Concrete Specimens

Pages: 8

Replace: ASTM C39/C39M-21

ASTM C1332-18(2023)

Standard Practice for Measurement of Ultrasonic Attenuation Coefficients of Advanced Ceramics by Pulse-Echo Contact Technique

Pages: 11

Replace: ASTM C1332-18

ASTM D7582-15(2023)

Standard Test Methods for Proximate Analysis of Coal and Coke by Macro

Thermogravimetric Analysis

Pages: 9

Replace: ASTM D7582-15

ASTM D7569/D7569M-10(2023)

Standard Practice for Determination of Gas Content of Coal—Direct Desorption Method

Pages: 12

Replace: ASTM D7569/D7569M-10(2015)e1

ASTM D5031-23

Standard Practice for Enclosed Carbon-Arc Exposure Tests of Paint and Related Coatings

Pages: 6

Replace:

ASTM D5031/D5031M-13(2018)

ASTM A1127/A1127M-23

Standard Specification for Stainless Steel Laser and Laser-Hybrid Welded, Sharp-Cornered Profile (SCP) or Built-Up Rounded Corner Square, Rectangular, and Special Shape Structural Tube

Pages: 7

ASTM F1849-23

Standard Specification for Helmets Used in Ice Speed Skating (Long Track) and Short Track Speed Ice Skating (Not to Include Hockey)

Pages: 3

Replace: ASTM F1849-18

ASTM E3359-23

Standard Practice for Measurement of Sound Pressure Level Differences and Decay Curves Using the Impulse Response Method with Swept Sinusoidal Signals

Pages: 8

ASTM D3898-93(2023)

Standard Test Method for Chromic Oxide in Basic Chromium Tanning Liquors

Pages: 3

Replace: ASTM D3898-93(2015)

ASTM D3180-15(2023)

Standard Practice for Calculating Coal and Coke Analyses from As-Determined to Different Bases

Pages: 6

Replace: ASTM D3180-15

ASTM D3176-15(2023)

Standard Practice for Ultimate Analysis of Coal and Coke

Pages: 4

Replace: ASTM D3176-15

ASTM C1242-23b

Standard Guide for Selection, Design, and Installation of Dimension Stone Attachment Systems

Pages: 23

Replace: ASTM C1242-23a

ASTM E977-05(2023)

Standard Practice for Thermoelectric Sorting of Electrically Conductive Materials

Pages: 3

Replace:

ASTM E977-05(2019)

ASTM E350-23

Standard Test Methods for Chemical Analysis of Carbon Steel, Low-Alloy Steel, Silicon Electrical Steel, Ingot Iron, and Wrought Iron

Pages: 64

Replace: ASTM E350-18

ASTM D8543-23

Standard Test Method for Determination of Pesticides and Polychlorinated Biphenyls (PCBs) in Aqueous Solution by a Tandem Gas Chromatography/Mass Spectrometry/Mass Spectrometry (GC/MS/MS)

Pages: 19

ASTM F1929-23

Standard Test Method for Detecting Seal Leaks in Porous Medical Packaging by Dye Penetration

Pages: 6

Replace: ASTM F1929-15

ASTM F1409-23

Standard Test Method for Straight Line Movement of Vacuum Cleaners While Cleaning Carpets

Pages: 10

Replace: ASTM F1409-16

ASTM C803/C803M-23

Standard Test Method for Penetration Resistance of Hardened Concrete

Pages: 5

Replace:

ASTM C803/C803M-18

ASTM B660-23

Standard Practices for Packaging/Packing of Aluminum and Magnesium Products

Pages: 25

Replace: ASTM B660-21

ASTM A340-23a

Standard Terminology of Symbols and Definitions Relating to Magnetic Testing

Pages: 19

Replace: ASTM A340-23

ASTM E808-23

Standard Practice for Describing Retroreflection

Pages: 10

Replace: ASTM E808-01(2016)

ASTM E352-23

Standard Test Methods for Chemical Analysis of Tool Steels and Other Similar Medium- and High-Alloy Steels

Pages: 38

Replace: ASTM E352-18e1

ASTM D7084-23

Standard Test Method for Determination of Bulk Crush Strength of Catalysts and Catalyst Carriers

Pages: 3

Replace: ASTM D7084-18

ASTM F2175-23

Standard Specification for Portable and Permanent Emergency Escape Ladders for Residential Use

Pages: 3

Replace: ASTM F2175-07(2015)

ASTM D143-23

Standard Test Methods for Small Clear Specimens of Timber

Pages: 33

Replace: ASTM D143-22

ASTM C840-23

Standard Specification for Application and Finishing of Gypsum Board

Pages: 22

Replace: ASTM C840-20

ASTM C838-16(2023)

Standard Test Method for Bulk Density of As-Manufactured Carbon and Graphite Shapes

Pages: 2

Replace: ASTM C838-16

ASTM B491/B491M-23

Standard Specification for Aluminum and Aluminum-Alloy Extruded Round Tubes for General-Purpose Applications

Pages: 6

Replace:

ASTM B491/B491M-15

ASTM A742/A742M-23a

Standard Specification for Steel Sheet, Metallic Coated and

Polymer Precoated for Corrugated Steel Pipe

Pages: 4

Replace:

ASTM A742/A742M-23

ASTM D8537-23

Standard Guide for Analysis of Calibration Data for Nuclear Instruments

Pages: 14

ASTM D4898-23

Standard Test Method for Insoluble Contamination of Hydraulic Fluids by Gravimetric Analysis

Pages: 4

Replace: ASTM D4898-16

ASTM D975-23a

Standard Specification for Diesel Fuel

Pages: 29

Replace: ASTM D975-23

ASTM G187-23

Standard Test Method for Measurement of Soil Resistivity Using the Two-Electrode Soil Box Method

Pages: 7

Replace: ASTM G187-18

ASTM C1384-23

Standard Specification for Admixtures for Masonry Mortars

Pages: 5

Replace: ASTM C1384-18e1

ASTM C1884-23a

Standard Specification for Manufactured Concrete Ballast Units

Pages: 3

Replace: ASTM C1884-23

ASTM C139-23

Standard Specification for Concrete Masonry Units for Construction of Catch Basins and Manholes

Pages: 3

Replace: ASTM C139-22

ASTM C90-23

Standard Specification for Loadbearing Concrete Masonry Units

Pages: 5

Replace: ASTM C90-22

ASTM C140/C140M-23a

Standard Test Methods for Sampling and Testing Concrete Masonry Units and Related Units

Pages: 34

Replace:

ASTM C140/C140M-23

ASTM C55-23

Standard Specification for Concrete Building Brick

Pages: 3

Replace: ASTM C55-22

ASTM C1552/C1552M-23a

Standard Practice for Capping Concrete Masonry Units, Related Units and Masonry Prisms for Compression Testing

Pages: 5

Replace: ASTM C1552-23

ASTM F1837M-97(2023)

Standard Specification for Heat-Shrink Cable Entry Seals (Metric)

Pages: 8

Replace:

ASTM F1837M-97(2018)

ASTM F1835-97(2023)

Standard Guide for Cable Splicing Installations

Pages: 11

Replace: ASTM F1835-97(2018)

ASTM F1198-92(2023)

Standard Guide for Shipboard Fire Detection Systems

Pages: 10

Replace: ASTM F1198-

92(2018)e1

ASTM E2590-23

Standard Guide for Conducting Hazard Analysis-Critical Control Point (HACCP) Evaluations

Pages: 30

Replace: ASTM E2590-15

ASTM E2186-02a(2023)

Standard Guide for Determining DNA Single-Strand Damage in Eukaryotic Cells Using the Comet Assay

Pages: 10

Replace:

ASTM E2186-02a(2016)

ASTM C1372-23

Standard Specification for Dry-Cast Segmental Retaining Wall Units

Pages: 4

Replace: ASTM C1372-22

ASTM C1319-23a

Standard Specification for
Concrete Grid Paving Units
Pages: 3

Replace: ASTM C1319-23
ASTM C1634-23a

Standard Specification for
Concrete Facing Brick and Other
Concrete Masonry Facing Units
Pages: 4

Replace: ASTM C1634-23
ASTM F1836M-15(2023)

Standard Specification for
Stuffing Tubes, Nylon, and
Packing Assemblies (Metric)
Pages: 6

Replace:
ASTM F1836M-15(2019)

ASTM F1075-97(2023)

Standard Specification for
Dehumidifier, Shipboard,
Mechanically Refrigerated, Self-
Contained
Pages: 5

Replace:
ASTM F1075-97(2018)

ASTM C1782/C1782M-23a

Standard Specification for
Segmental Concrete Paving Slabs
Pages: 4

Replace:
ASTM C1782/C1782M-23

ASTM C1670/C1670M-23a

Standard Specification for
Adhered Manufactured Stone
Masonry Veneer Units
Pages: 6

Replace:
ASTM C1670/C1670M-23

ASTM C1314-23b

Standard Test Method for
Compressive Strength of Masonry
Prisms
Pages: 10

Replace: ASTM C1314-23a
ASTM C1670/C1670M-23a

Standard Specification for
Adhered Manufactured Stone
Masonry Veneer Units
Pages: 6

Replace:
ASTM C1670/C1670M-23

ASTM C1314-23b

Standard Test Method for
Compressive Strength of Masonry
Prisms
Pages: 10

Replace: ASTM C1314-23a

ASTM C936/C936M-23a

Standard Specification for Solid
Concrete Interlocking Paving
Units
Pages: 4

Replace: ASTM C936/C936M-23
ASTM C129-23

Standard Specification for
Nonloadbearing Concrete
Masonry Units
Pages: 3

Replace: ASTM C129-22
ASTM D4175-23a

Standard Terminology Relating to
Petroleum Products, Liquid Fuels,
and Lubricants
Pages: 84

Replace: ASTM D4175-23e1
ASTM E2307-23b

Standard Test Method for
Determining Fire Resistance of
Perimeter Fire Barriers Using
Intermediate-Scale, Multi-story
Test Apparatus
Pages: 21

Replace: ASTM E2307-23a
ASTM C1064/C1064M-23

Standard Test Method for
Temperature of Freshly Mixed
Hydraulic-Cement Concrete
Pages: 3

Replace:
ASTM C1064/C1064M-17

ASTM D6547-23

Standard Test Method for
Corrosiveness of Lubricating
Fluid to Bimetallic Couple
Pages: 3

Replace: ASTM D6547-16
ASTM F2623-23

Standard Specification for
Polyethylene of Raised
Temperature (PE-RT) Systems
for Non-Potable Water
Applications
Pages: 11

Replace: ASTM F2623-22
ASTM F1066-23

Standard Specification for Vinyl
Composition Floor Tile
Pages: 5

Replace: ASTM F1066-04(2018)
ASTM C1716/C1716M-23

Standard Specification for
Compression Testing Machine

Requirements for Concrete
Masonry Units, Related Units, and
Prisms
Pages: 9

Replace:
ASTM C1716/C1716M-21

ASTM E1164-23

Standard Practice for Obtaining
Spectrometric Data for Object-
Color Evaluation
Pages: 9

Replace:
ASTM E1164-12(2023)e1

ASTM C123/C123M-23

Standard Test Method for
Lightweight Particles in
Aggregate
Pages: 3

Replace:
ASTM C123/C123M-14

ASTM D8029-23

Standard Specification for
Biodegradable, Low Aquatic
Toxicity Hydraulic Fluids
Pages: 5

Replace: ASTM D8029-18
ASTM D7420-23

Standard Test Method for
Determining Tribomechanical
Properties of Grease Lubricated
Plastic Socket Suspension Joints
Using a High-Frequency, Linear-
Oscillation (SRV) Test Machine
Pages: 8

Replace: ASTM D7420-18
ASTM F876-23a

Standard Specification for
Crosslinked Polyethylene (PEX)
Tubing
Pages: 12

Replace: ASTM F876-23

ASTM D2140-23

Standard Practice for Calculating
Carbon-Type Composition of
Insulating Oils of Petroleum
Origin
Pages: 4

Replace:
ASTM D2140-08(2017)

ASTM C1807-15(2023)

Standard Guide for
Nondestructive Assay of Special
Nuclear Material (SNM) Holdup
Using Passive Neutron
Measurement Methods
Pages: 12

Replace: ASTM C1807-15

ASTM D942-23a

Standard Test Method for Oxidation Stability of Lubricating Greases by the Oxygen Pressure Vessel Method

Pages: 7

Replace: ASTM D942-23

ASTM F2439-17(2023)

Standard Specification for Headgear Used in Soccer

Pages: 8

Replace: ASTM F2439-17e1

ASTM F1720-17(2023)

Standard Test Method for Measuring Thermal Insulation of Sleeping Bags Using a Heated Manikin

Pages: 5

Replace: ASTM F1720-17

ASTM D7772-15(2023)

Standard Test Method for Carbon Black Extractables – Absorbance of Cyclohexane Extract

Pages: 3

Replace:

ASTM D7772-15(2019)

ASTM D6843-10(2023)

Standard Test Method for Silanes Used in Rubber Formulations (bis-(triethoxysilylpropyl)sulfanes: Characterization by Gas Chromatography (GC)

Pages: 5

Replace:

ASTM D6843-10(2019)

ASTM D2103-23a

Standard Specification for Polyethylene Film

Pages: 5

Replace: ASTM D2103-23

ASTM F2268-03(2023)

Standard Specification for Bicycle Serial Numbers

Pages: 2

Replace:

ASTM F2268-03(2015)

ASTM D3956-23

Standard Specification for Methane Thermophysical Property Tables

Pages: 13

Replace: ASTM D3956-12(2018)

ASTM C806-23

Standard Test Method for Restrained Expansion of Expansive Cement Mortar

Pages: 4

Replace: ASTM C806-18

ASTM E3009-23a

Standard Test Method for Sensory Analysis—Tetrad Test

Pages: 14

Replace: ASTM E3009-23

ASTM D6844-10(2023)

Standard Test Method for Silanes Used in Rubber Formulations (bis-

(triethoxysilylpropyl)sulfanes): Characterization by High Performance Liquid Chromatography (HPLC)

Pages: 6

Replace:

ASTM D6844-10(2019)

ASTM D6626-23

Standard Specification for Performance-Graded Trinidad Lake Modified Asphalt Binder

Pages: 3

Replace:

ASTM D6626-15(2021)

ASTM F3200-23

Standard Terminology for Robotics, Automation, and Autonomous Systems

Pages: 6

Replace: ASTM F3200-22a

ASTM F3623-23

Standard Specification for Surveillance Supplementary Data Service Providers

Pages: 14

ASTM E344-23

Terminology Relating to Thermometry and Hydrometry

Pages: 22

Replace: ASTM E344-20

ASTM D7322/D7322M-23

Standard Test Method for Determination of Erosion Control Product (ECP) Ability to Encourage Seed Germination and Plant Growth Under Bench-Scale Conditions

Pages: 5

Replace: ASTM D7322/D7322M-17

ASTM D6042-23

Standard Test Method for Determination of Phenolic Antioxidants and Erucamide Slip Additives in Polypropylene Homopolymer Formulations Using Liquid Chromatography (LC)

Pages: 5

Replace: ASTM D6042-09(2016)

ASTM D4472-23

Standard Guide for Recordkeeping for Reverse Osmosis and Nanofiltration Systems

Pages: 3

Replace: ASTM D4472-08(2014)

ASTM D924-23

Standard Test Method for Dissipation Factor (or Power Factor) and Relative Permittivity (Dielectric Constant) of Electrical Insulating Liquids

Pages: 8

Replace: ASTM D924-15

ASTM C1232-23

Standard Terminology for Masonry

Pages: 7

Replace: ASTM C1232-21a

ASTM F496-23

Standard Specification for In-Service Care of Insulating Gloves and Sleeves

Pages: 8

Replace: ASTM F496-20

ASTM D2472-15(2023)

Standard Specification for Sulfur Hexafluoride

Pages: 2

Replace: ASTM D2472-15

❖ **TIÊU CHUẨN JIS**

**JIS A 5705:2022/
AMENDMENT 1:2023**

Polyvinyl chloride floorcoverings (Amendment 1)

Pages: 6

JIS A 8340-2:2023

Earth-moving machinery -- Safety -- Part 2: Requirements for dozers

Pages: 12

Replaces: JIS A 8340 -2:2012

JIS A 8408:2023

Earth-moving machinery -- Safety requirements for remote operator control systems
Pages: 16

Replaces: JIS A 8408:2012

JIS A 8919:2023

Earth-moving machinery – Operator's controls

Pages: 34

Replaces: JIS A 8919:2007

JIS B 8032-5:2023

Internal combustion engines – Small diameter piston rings -- Part 5: Quality requirements

Pages: 18

Replaces: JIS B 8032 -5:2015

JIS B 9704-3:2023

Safety of machinery – Electro-sensitive protective equipment -- Part 3: Particular requirements for Active Opto-electronic Protective Devices responsive to Diffuse Reflection (AOPDDR)

Pages: 84

Replaces: JIS B 9704 -3:2011

JIS C 5101-1:2023

Fixed capacitors for use in electronic equipment -- Part 1: Generic specification

Pages: 94

Replaces: JIS C 5101 -1:2019

JIS C 5101-2:2023

Fixed capacitors for use in electronic equipment -- Part 2: Sectional specification: Fixed Metallized polyethylene-terephthalate film dielectric DC capacitors

Pages: 30

Replaces: JIS C 5101 -2:2009

JIS C 5101-25 :2023

Fixed capacitors for use in electronic equipment -- Part 25: Sectional specification -- Fixed aluminium electrolytic surface mount capacitors with conductive polymer solid electrolyte

Pages: 34

Replaces: JIS C 5101 -25:2018

JIS C 5402-8-3: 2023

Connectors for electrical and electronic equipment -- Tests and measurements -- Part 8-3: Static

load tests (fixed connectors) --

Test 8c: Robustness of actuating lever

Pages: 8

Replaces: JIS C 5402 -8-3:2016

JIS C 60068-2-21: 2023

Environmental testing -- Part 2-21: Tests -- Test U: Robustness of terminations and integral mounting devices

Pages: 42

Replaces: JIS C 60068 -2-21:2009; JIS C 60068 -2-77:2002

JIS C 60194-1 :2023

Printed boards design, manufacture and assembly -- Vocabulary -- Part 1: Common usage in printed board and electronic assembly technologies

Pages: 266

JIS C 61760-2 :2023

Surface mounting technology -- Part 2: Transportation and storage conditions of surface mounting devices (SMD) -- Application guide

Pages: 16

Replaces: JIS C 5070 :2009

JIS C 63277:2023

Binary power generation systems with capacity less than 100 kW -- Performance test methods

Pages: 14

JIS D 6023:2023

Powered industrial trucks -- Brake performance and brake tests

Pages: 20

Replaces: JIS D 6023 :2012

JIS K 2240:2023

Liquefied petroleum gases

Pages: 102

Replaces: JIS K 2240 :2013

JIS K 6251:2023

Rubber, vulcanized or thermoplastic -- Determination of tensile stress-strain properties

Pages: 34

JIS K 6745:2023

Plastics -- Unplasticized poly (vinyl chloride) sheets

Pages: 22

Replaces: JIS K 6745 :2015

JIS Q 9030:2023

Performance improvement of management systems --

Guidelines for new product and service development management

Pages: 72

JIS Z 2911:2023

Methods of test for fungus resistance

Pages: 40

Replaces: JIS Z 2911 :2018

JIS Z 7161:2023

Labels for environmental-impacts achievement levels for the products using fluorocarbons or alternative fluorocarbons

Pages: 22

Replaces: JIS Z7161:2021/ AMENDMENT 1:2022; JIS Z 7161:2021

JIS Z 8846:2023

Determination of particle size distribution -- Differential electrical mobility analysis for aerosol particles

Pages: 102

❖ **TIÊU CHUẨN DIN**

DIN EN 15287-1

Chimneys - Design, installation and commissioning - Part 1: Chimneys and connecting flue pipes for non-room sealed combustion appliances; German version EN 15287-1:2023

DIN EN 15287-2

Chimneys - Design, installation and commissioning - Part 2: Chimneys and connecting flue pipes for room sealed combustion appliances; German version EN 15287-2:2023

DIN EN 15502-2-3

Gas-fired central heating boilers - Part 2-3: Specific standard for hybrid units combining a gas-fired boiler and an electrical heat pump in a product; German version EN 15502-2-3:2023

DIN EN 16510-2-4

Residential solid fuel burning appliances - Part 2-4: Independent boilers - Nominal heat output up to 50 kW; German version EN 16510-2-4:2022

DIN EN 16602-60

Space product assurance -
Electrical, electronic and
electromechanical (EEE)
components; English version
EN 16602-60:2023

DIN EN 16602-60-13

Space product assurance -
Commercial, electrical, electronic
and electromechanical (EEE)
components; English version
EN 16602-60-13:2023

DIN EN 16602-70-40

Space product assurance -
Processing and quality assurance
requirements for hard brazing of
metallic materials for flight
hardware; English version
EN 16602-70-40:2023

DIN EN 16603-20-08

Space engineering - Photovoltaic
assemblies and components;
English version EN 16603-20-
08:2023

DIN EN 16863

Thermal insulation products for
buildings - Factory made
reflective insulation (RI)
products - Specification; German
version EN 16863:2023

DIN EN 16905-1

Gas-fired endothermic engine
driven heat pumps - Part 1:
Terms and definitions; German
version EN 16905-1:2023

DIN EN 16906

Liquid petroleum products -
Determination of the ignition
quality of diesel fuels - Fixed
compression ratio engine
method; German version
EN 16906:2023

DIN EN 17020-5

Extended application of test
results on durability of self-
closing for fire resistance and/or
smoke control doorsets and
openable windows - Part 5:
Durability of self-closing of
hinged and pivoted timber
doorsets; German version
EN 17020-5:2023

DIN EN 17134-2

Textiles and textile products -
Determination of biocide
additives - Part 2: Chlorophenol-
based preservatives, method
using gas chromatography;
German version EN 17134-
2:2023

DIN EN 17229-2

Fitness centres - Requirements
for centre amenities and
operation - Part 2: Requirements
for supervision and staff; German
version EN 17229-2:2023

DIN EN 17255-4

Stationary source emissions -
Data acquisition and handling
systems - Part 4: Specification of
requirements for the installation
and on-going quality assurance
and quality control of data
acquisition and handling systems;
German version EN 17255-
4:2023

DIN EN 17306

Liquid petroleum products -
Determination of distillation
characteristics at atmospheric
pressure - Micro-distillation;
German version EN 17306:2023

DIN EN 17449

Safety of machinery - Safety
requirements to finishing lines
for metal strip; German version
EN 17449:2022

DIN EN 17483-2

Private security services -
Protection of critical
infrastructure - Part 2: Airport
and aviation security services;
German version EN 17483-
2:2023

DIN EN 17483-3

Private security services -
Protection of critical
infrastructure - Part 3: Maritime
and port security services;
German version EN 17483-
3:2023

DIN EN 17549-2

Building information modelling -
Information structure based on
EN ISO 16739-1 to exchange data

templates and data sheets for
construction objects - Part 2:
Configurable construction objects
and requirements; English
version EN 17549-2:2023

DIN EN 17636

Railway applications -
Infrastructure - Track alignment
design parameters - Urban rail;
German version EN 17636:2023

DIN EN 17678-2

Installation of post-tensioned kits
for prestressing of structures -
Part 2: Assessment of personnel;
German version EN 17678-
2:2023

DIN EN ISO 3691-2

Industrial trucks - Safety
requirements and verification -
Part 2: Self-propelled variable-
reach trucks (ISO 3691-2:2023);
German version EN ISO 3691-
2:2023

DIN EN ISO 3691-3

Industrial trucks - Safety
requirements and verification -
Part 3: Additional requirements
for trucks with elevating operator
position and trucks specifically
designed to travel with elevated
loads (ISO 3691-3:2016 +
Amd 1:2023); German version
EN ISO 3691-3:2016 + A1:2023

DIN EN ISO 3691-4

Industrial trucks - Safety
requirements and verification -
Part 4: Driverless industrial
trucks and their systems
(ISO 3691-4:2023); German
version EN ISO 3691-4:2023

DIN EN ISO 3887

Steels - Determination of the
depth of decarburization
(ISO 3887:2023); German version
EN ISO 3887:2023

DIN EN ISO 3990

Dentistry - Evaluation of
antibacterial activity of dental
restorative materials, luting
materials, fissure sealants and
orthodontic bonding or luting
materials (ISO 3990:2023);

German version
EN ISO 3990:2023

DIN EN ISO 3995

Metallic powders - Determination of green strength by transverse rupture of rectangular compacts (ISO 3995:2023); German version EN ISO 3995:2023

DIN EN ISO 4032

Fasteners - Hexagon regular nuts (style 1) (ISO 4032:2023); German version EN ISO 4032:2023

DIN EN ISO 4033

Fasteners - Hexagon high nuts (style 2) (ISO 4033:2023); German version EN ISO 4033:2023

DIN EN ISO 4035

Fasteners - Hexagon thin nuts (style 0) (ISO 4035:2023); German version EN ISO 4035:2023

DIN EN ISO 4624

Paints and varnishes - Pull-off test for adhesion (ISO 4624:2023); German version EN ISO 4624:2023

DIN EN ISO 5157

Textiles - Environmental aspects - Vocabulary (ISO 5157:2023); German version EN ISO 5157:2023

DIN EN ISO 5367

Anaesthetic and respiratory equipment - Breathing sets and connectors (ISO 5367:2023); German version EN ISO 5367:2023

DIN EN ISO 5537

Dried milk and dried milk products - Determination of moisture content (Reference method) (ISO 5537:2023); German version EN ISO 5537:2023

DIN EN ISO 5754

Sintered metal materials, excluding hardmetals - Unnotched impact test piece (ISO 5754:2023); German version

EN ISO 5754:2023

DIN EN ISO 5842

Powder metallurgy - Hot isostatic pressing - Argon detection using gas chromatography and mass spectrometry techniques (ISO 5842:2022); German version EN ISO 5842:2023

DIN EN ISO 5978

Rubber- or plastics-coated fabrics - Determination of blocking resistance (ISO 5978:2023); German version EN ISO 5978:2023

DIN EN ISO 6076

Adhesives - Installation of floor coverings, wood flooring, levelling compounds and tiles - Specification of trowel notch sizes (ISO 6076:2023, Corrected version 2023-09); German version EN ISO 6076:2023

DIN EN ISO 6186

Plastics - Determination of pourability (ISO 6186:2023); German version EN ISO 6186:2023

DIN EN ISO 6603-2

Plastics - Determination of puncture impact behaviour of rigid plastics - Part 2: Instrumented impact testing (ISO 6603-2:2023); German version EN ISO 6603-2:2023

DIN EN ISO 6781-1

Performance of buildings - Detection of heat, air and moisture irregularities in buildings by infrared methods - Part 1: General procedures (ISO 6781-1:2023); German version EN ISO 6781-1:2023

DIN EN ISO 7231

Polymeric materials, cellular, flexible - Determination of air flow value at constant pressure-drop (ISO 7231:2023); German version EN ISO 7231:2023

DIN EN ISO 7704

Water quality - Requirements for the performance testing of membrane filters used for direct

enumeration of microorganisms by culture methods (ISO 7704:2023); German version EN ISO 7704:2023

DIN EN ISO 8130-15

Coating powders - Part 15: Rheology (ISO 8130-15:2023); German version EN ISO 8130-15:2023

DIN EN ISO 8130-16

Coating powders - Part 16: Determination of density by liquid displacement in a measuring cylinder (ISO 8130-16:2022); German version EN ISO 8130-16:2023

DIN EN ISO 8437-1

Snow throwers - Safety requirements and test procedures - Part 1: Terminology and common tests (ISO 8437-1:2019); German version EN ISO 8437-1:2021

DIN EN ISO 8437-2

Snow throwers - Safety requirements and test procedures - Part 2: Pedestrian-controlled snow throwers (ISO 8437-2:2019); German version EN ISO 8437-2:2021

DIN EN ISO 8437-3

Snow throwers - Safety requirements and test procedures - Part 3: Ride-on snow throwers (ISO 8437-3:2019); German version EN ISO 8437-3:2021

DIN EN ISO 8437-4

Snow throwers - Safety requirements and test procedures - Part 4: Additional national and regional requirements (ISO 8437-4:2019); German version EN ISO 8437-4:2021

DIN EN ISO 8528-10

Reciprocating internal combustion engine driven alternating current generating sets - Part 10: Measurement of airborne noise (ISO 8528-10:2022); German version

EN ISO 8528-10:2022

DIN EN ISO 8586

Sensory analysis - Selection and training of sensory assessors (ISO 8586:2023); German version EN ISO 8586:2023

DIN EN ISO 8673

Fasteners - Hexagon regular nuts (style 1), with fine pitch thread (ISO 8673:2023); German version EN ISO 8673:2023

DIN EN ISO 8674

Fasteners - Hexagon high nuts (style 2), with fine pitch thread (ISO 8674:2023); German version EN ISO 8674:2023

DIN EN ISO 8675

Fasteners - Hexagon thin nuts (style 0), with fine pitch thread (ISO 8675:2023); German version EN ISO 8675:2023

DIN EN ISO 9073-1

Nonwovens - Test methods - Part 1: Determination of mass per unit area (ISO 9073-1:2023); German version EN ISO 9073-1:2023

DIN EN ISO 9073-3

Nonwovens - Test methods - Part 3: Determination of tensile strength and elongation at break using the strip method (ISO 9073-3:2023); German version EN ISO 9073-3:2023

DIN EN ISO 9073-13

Nonwovens - Test methods - Part 13: Repeated liquid strike-through time (simulated urine) (ISO 9073-13:2023); German version EN ISO 9073-13:2023

DIN EN ISO 9073-14

Nonwovens - Test methods - Part 14: Coverstock wetback (simulated urine) (ISO 9073-14:2023); German version EN ISO 9073-14:2023

DIN EN ISO 9300

Measurement of gas flow by means of critical flow nozzles (ISO 9300:2022); German version EN ISO 9300:2022

DIN EN ISO 9342-1

Optics and optical instruments - Test lenses for calibration of focimeters - Part 1: Reference lenses for focimeters used for measuring spectacle lenses (ISO 9342-1:2023); German version EN ISO 9342-1:2023

DIN EN ISO 9455-6

Soft soldering fluxes - Test methods - Part 6: Determination and detection of halide (excluding fluoride) content (ISO 9455-6:2022); German version EN ISO 9455-6:2022

DIN EN ISO 10121-3

Test methods for assessing the performance of gas-phase air cleaning media and devices for general ventilation - Part 3: Classification system for GPACDs applied to treatment of outdoor air (ISO 10121-3:2022); German version EN ISO 10121-3:2022

DIN EN ISO 10360-10

Geometrical product specifications (GPS) - Acceptance and reverification tests for coordinate measuring systems (CMS) - Part 10: Laser trackers (ISO 10360-10:2021); German version EN ISO 10360-10:2021

DIN EN ISO 10360-13

Geometrical product specifications (GPS) - Acceptance and reverification tests for coordinate measuring systems (CMS) - Part 13: Optical 3D CMS (ISO 10360-13:2021); German version EN ISO 10360-13:2021

DIN EN ISO 10468

Glass-reinforced thermosetting plastics (GRP) pipes - Determination of the ring creep properties under wet or dry conditions (ISO 10468:2023); German version EN ISO 10468:2023

DIN EN ISO 10651-4

Lung ventilators - Part 4: Particular requirements for user-

powered resuscitators (ISO 10651-4:2023); German version EN ISO 10651-4:2023

DIN EN ISO 10991

Microfluidics - Vocabulary (ISO 10991:2023); German version EN ISO 10991:2023

DIN EN ISO 10993-18

Biological evaluation of medical devices - Part 18: Chemical characterization of medical device materials within a risk management process (ISO 10993-18:2020 + Amd 1:2022); German version EN ISO 10993-18:2020 + A1:2023

DIN EN ISO 11114-1

Gas cylinders - Compatibility of cylinder and valve materials with gas contents - Part 1: Metallic materials (ISO 11114-1:2020 + Amd 1:2023); German version EN ISO 11114-1:2020 + A1:2023

DIN EN ISO 11239

Health informatics - Identification of medicinal products - Data elements and structures for the unique identification and exchange of regulated information on pharmaceutical dose forms, units of presentation, routes of administration and packaging (ISO 11239:2023); German version EN ISO 11239:2023

DIN EN ISO 11243

Cycles - Luggage carriers for bicycles - Requirements and test methods (ISO 11243:2023); German version EN ISO 11243:2023

DIN EN ISO 11267

Soil quality - Inhibition of reproduction of *Collembola* (*Folsomia candida*) by soil contaminants (ISO 11267:2023); German version EN ISO 11267:2023

DIN EN ISO 11268-2

Soil quality - Effects of pollutants on earthworms - Part 2: Determination of effects on

reproduction of Eisenia fetida/Eisenia andrei and other earthworm species (ISO 11268-2:2023); German version EN ISO 11268-2:2023

DIN EN ISO 11337

Plastics - Polyamides - Determination of ϵ -caprolactam and ω -lauro lactam by gas chromatography (ISO 11337:2023); German version EN ISO 11337:2023

DIN EN ISO 11348-1

Water quality - Determination of the inhibitory effect of water samples on the light emission of Vibrio fischeri (Luminescent bacteria test) - Part 1: Method using freshly prepared bacteria (ISO 11348-1:2007 + Amd 1:2018); German version EN ISO 11348-1:2008 + A1:2018

❖ Tiêu chuẩn của Hiệp hội các phòng thử nghiệm được ủy quyền Mỹ (UL)

UL 19 Edition 14, 2023

Standard for Lined Fire Hose and Hose Assemblies

UL 25 Edition 10, 2023

Meters for Flammable and Combustible Liquids and LP-Gas

UL 48 Edition 15, 2023

Standard for Electric Signs

UL 94 Edition 7, 2023

Tests for Flammability of Plastic Materials for Parts in Devices and Appliances

UL 104 Edition 12, 2023

Elevator Door Locking Devices and Door or Gate Closed Detection Means

UL 181B Edition 3, 2023

Standard for Closure Systems for Use With Flexible Air Ducts and Air Connectors

UL 199 Edition 13, 2023

Automatic Sprinklers for Fire-Protection Service

UL 300 Edition 4, 2023

Fire Testing of Fire Extinguishing Systems for Protection of Commercial Cooking Equipment
UL 310 Edition 10, 2023

Electrical Quick-Connect Terminals

UL 347 Edition 7, 2023

Medium-Voltage AC Contactors, Controllers, and Control Centers

UL 360 Edition 7, 2023

Standard for Liquid-Tight Flexible Metal Conduit

UL 448C Edition 2, 2023

Stationary, Rotary-Type, Positive-Displacement Pumps for Fire-Protection Service

UL 486D Edition 7, 2023

Sealed Wire Connector Systems

UL 486E Edition 5, 2023

Standard for Equipment Wiring Terminals for Use with Aluminum and/or Copper Conductors

UL 510A Edition 2, 2023

Component Tapes / Rubans pour composants

UL 514B Edition 6, 2023

Conduit, Tubing, and Cable Fittings

UL 568 Edition 1, 2023

Nonmetallic Cable Tray Systems

UL 746C Edition 7, 2023

Standard for Polymeric Materials - Use in Electrical Equipment Evaluations

UL 746D Edition 8, 2023

Standard for Polymeric Materials - Fabricated Parts

UL 746S Edition 1, 2023

Evaluation of Sustainable Polymeric Materials for use in Electrical Equipment

UL 854 Edition 12, 2023

Standard for Service-Entrance Cables

UL 870 Edition 9, 2023

Standard for Wireways, Auxiliary Gutters, and Associated Fittings

UL 879 Edition 9, 2023

Standard for Electric Sign Components

UL 935 Edition 10, 2023

Standard for Fluorescent-Lamp Ballasts

UL 1026 Edition 6, 2023

Standard for Electric Household Cooking and Food Serving Appliances

UL 1069 Edition 7, 2023

Standard for Hospital Signaling and Nurse Call Equipment

UL 1277 Edition 6, 2023

Standard for Electrical Power and Control Tray Cables with Optional Optical-Fiber Members

UL 1322 Edition 6, 2023

Standard for Fabricated Scaffold Planks and Stages

UL 1564 Edition 4, 2023

Standard for Industrial Battery Chargers

UL 1581 Edition 4, 2023

Reference Standard for Electrical Wires, Cables, and Flexible Cords

UL 2003 Edition 7, 2023

Outline of Investigation for LP-Gas Cylinder Assemblies

UL 2017 Edition 2, 2023

Standard for General-Purpose Signaling Devices and Systems

UL 2034 Edition 4, 2023

Standard for Single and Multiple Station Carbon Monoxide Alarms

UL 2158 Edition 6, 2023

Electric Clothes Dryers

UL 2351 Edition 3, 2023

Spray Nozzles for Fire-Protection Service

UL 2447 Edition 1, 2023

Containment Sumps, Fittings and Accessories for Flammable and Combustible Liquids

UL 2515A Edition 1, 2023

Standard for Supplemental Requirements for Extra Heavy Wall Reinforced Thermosetting Resin Conduit (RTRC) and Fittings

UL 2524 Edition 2, 2023

ANSI/CAN/UL Standard for In-building 2-Way Emergency Radio Communication Enhancement Systems

UL 2700 Edition 1, 2023

Standard for Sustainability for Cleaning and Cleaning Related Products

UL 2750 Edition 1, 2023

Wireless Power Transfer Equipment for Electric Vehicles

UL 2900-1 Edition 2, 2023

Software Cyber security for Network-Connectable Products, Part 1: General Requirements

UL 2901A Edition 1, 2023

Corrosion Control Additives for Use in Fire Sprinkler Systems

UL 2901B Edition 1, 2023

Vapor Corrosion Inhibitors for Use in Fire Sprinkler Systems

UL 2941 Edition 1, 2023

Outline of Investigation for Cybersecurity of Distributed Energy and Inverter-Based Resources

UL 3300 Edition 1, 2023

Service, Communication, Information, Entertainment and Education Robots, General Requirements

UL 9595 Edition 1, 2023

Factory Follow-Up on Personal Flotation Devices (PFDs)

UL 12402- 5 Edition 1, 2023

Personal Flotation Devices - Part 5: Buoyancy Aids (Level 50) - Safety Requirements

UL 60335- 2-24 Edition 3, 2023

Household and Similar Electrical Appliances - Safety - Part 2-24: Particular Requirements for Refrigerating Appliances, Ice-Cream Appliances and Ice-Makers

UL 60947- 5-5 Edition 1, 2023

Standard for Low-Voltage Switchgear and Controlgear - Part 5-5: Control circuit devices and switching elements - Electrical emergency stop device with mechanical latching function

UL 61010- 2-081 Edition 3, 2023

Safety Requirements for Electrical Equipment for Measurement, Control and Laboratory Use - Part 2-081:

Particular Requirements for Automatic and Semi-Automatic Laboratory Equipment for Analysis and Other Purposes

UL 61010- 2-091 Edition 2, 2023

Standard for Safety Requirements for Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-091: Particular Requirements for Cabinet X-Ray Systems

UL 61010- 2-101 Edition 3, 2023

Safety Requirements for Electrical Equipment for Measurement, Control and Laboratory Use - Part 2-101: Particular Requirements for In Vitro Diagnostic (IVD) Medical Equipment

UL 62093 Edition 2, 2023

Photovoltaic System Power Conversion Equipment – Design Qualification and Type Approval

UL 62109-1 Edition 1, 2023

Power Converters for use in Photovoltaic Power Systems - Part 1: General Requirements

UL 62133-2 Edition 1, 2023

Secondary Cells and Batteries Containing Alkaline or Other Non-Acid Electrolytes - Safety Requirements for Portable Sealed Secondary Cells, and for Batteries Made from Them, for Use in Portable Applications - Part 2: Lithium Systems

UL 62841- 3-12 Edition 1, 2023

Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools and Lawn and Garden Machinery – Safety – Part 3-12: Particular Requirements for Transportable Threading Machines

UL 62841- 3-14 Edition 1, 2023

Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery – Safety – Part 3-14: Particular Requirements for Transportable Drain Cleaners

UL 62841- 4-2 Edition 1, 2023
Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 4-2 Particular Requirements for Hedge Trimmers

UL 62841- 4-5 Edition 1, 2023

Electric Hand-Held Motor-Operated, Transportable and Garden Tools - Safety - Part 4-5 Particular Requirements for scissors Type Grass Shears

UL 62841- 4-7 Edition 1, 2023

Electric Hand-Held Motor-Operated, Transportable and Garden Tools - Safety - Part 4-7 Particular Requirements for Pedestrian Controlled Walk-Behind Lawn Scarifiers and Aerators

ULC 25 Edition 10, 2023

Meters for Flammable and Combustible Liquids and LP-Gas

ULC 302 Edition 2, 2023

Installation, inspection and testing of intrusion alarm systems

ULC 528 Edition 3, 2023

Manual stations for fire alarm systems, including accessories

ULC 532 Edition 3, 2023

Standard for the Regulation of the Servicing of Portable Fire Extinguishers

ULC 540 Edition 2, 2023

Standard for residential fire and life safety warning systems: Installation, inspection, testing and maintenance

ULC 675.1 Edition 1, 2023

Volumetric precision leak detection devices for underground and aboveground storage tanks and piping for flammable and combustible liquids

ULC 675.2 Edition 1, 2023

Nonvolumetric precision leak detection devices for underground and aboveground storage tanks and piping for

flammable and combustible liquids

ULC 991-15 Edition 1, 2023

Standard for system testing use only

ULC 1001 Edition 1, 2023

Integrated systems testing of fire protection and life safety systems

ULC 2351 Edition 3, 2023

Spray Nozzles for Fire-Protection Service

ULC 2447 Edition 1, 2023

Containment Sumps, Fittings and Accessories for Flammable and Combustible Liquids

ULC 4400 Edition 2, 2023

Safety of premises, buildings and equipment utilized for the cultivation, processing and production of cannabis

ULC 4400-3 Edition 1, 2023

Safety of premises, buildings and equipment utilized for the cultivation, processing and

production of cannabis – Part 3: Security

Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin - Truyền thông theo số điện thoại: (024)37564268 hoặc (024)37562608; Fax: (024)38361556; Email: ismq@tcvn.gov.vn